NĂM THỨ 7 – NGÀY 1-1-63

BACH KHOA

trong số này

TIỀU DÂN *khủng hoảng nghiêm trọng trong mối quan hệ Đông Tây ?* • BÙI HỮU SỦNG *thế giới biến chuyển và thế hệ ngày mai* • DOHAMIDE *tín ngưỡng của người Chàm Châu-Đốc* • CÔ LIÊU *Claude Bernard* • NGUYỄN VĂN TRUNG *tác phẩm văn chương là một công trình của tinh thần* • NGUYỄN ĐINH TƯ *ông Lê Thành Phương với phong trào Cần Vương tại Phú Yên* • TRẦN THÚC LINH *nhân coi vụ án Nuremberg* • TRẦN HUIỀN ÂN *cỏ may* • TƯỜNG LINH *sinh nhật* • TRẦN ĐẠI *ngoại đạo* • HỮU PHƯƠNG *lời nguyện ra khơi* • DOÃN QUỐC SỸ *ác mộng* • ĐOÀN THÊM *hòa âm 17* • NGUYỄN HIẾN LÊ *người chỉ huy* • LÊ VĂN ĐỆ – LƯU ĐINH KHẢI – LÊ YÊN *trả lời cuộc phỏng vấn về quan niệm hội họa* •

144

MỤC LỤC BỘ MÔN TỪ 133 ĐẾN 144

Ngài có biết chăng ?

TRONG QUẢ CAM CŨNG NHƯ QUẢ CHANH, QUẢ QUÍT HAY QUẢ BƯỞI, LỚP VỎ NGOÀI KHÔNG BAO GIỜ ĐỤNG ĐẾN LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI BÊN TRONG. LỚP VỎ VÀ LỚP THỊT CỦA CÁC MÚI ĐƯỢC PHÂN CÁCH RIÊNG BIỆT BỞI MỘT LỚP DA TRẮNG CÓ TÁC DỤNG GÌN GIỮ VỊ THƠM CỦA LỚP VỎ KHÔNG ĐỂ CHẤT CHUA CỦA LỚP THỊT LAN VÀO.

NHỜ LỚP DA TRẮNG NÀY MÀ VỎ CŨNG NHƯ THỊT ĐỀU TƯƠI TỐT MÃI, KHÔNG SỢ HƯ THÚI.

VERIGOUD CŨNG SẮP XẾP MỘT CÁCH TRẬT TỰ NHƯ TẠO HÓA ĐÃ LÀM, NÊN CHẤT THƠM CỦA LỚP VỎ BÊN NGOÀI ĐƯỢC PHA CHUNG VỚI NƯỚC ĐƯỜNG VÀ CHUA RIÊNG BIỆT (BÊN DƯỚI CHAI) TRONG KHI CHẤT CHUA (PHẦN TRÊN) ĐƯỢC NGĂN CÁCH BỞI MỘT CHIẾC NÚT KHÔNG THẤM NƯỚC, LÀM THẾ ĐỂ TRÁNH MỌI SỰ HƯ THÚI.

ĐÓ LÀ BÍ QUYẾT VỀ PHẨM CHẤT CỦA NƯỚC TRÁI CÂY NGUYÊN CHẤT VERIGOUD MÀ KHI DÙNG NÓ, NGÀI CÓ THỂ PHA MỘT LY NƯỚC CHANH HOẶC NƯỚC CAM NGON LÀNH NHƯ ĐÃ PHA BẰNG TRÁI CÂY VỪA MỚI HÁI.

VERIGOUD có đặt bán tại các hiệu buôn đúng đắn **với giá mỗi chai chỉ có 68$**

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 144 ngày 1-1-63

TIỀU-DÃN *sẽ có khủng hoảng nghiêm trọng trong mối quan hệ Đông Tây ?* 3

BÙI-HỮU-SỦNG *thế giới biến chuyền và thế hệ ngày mai.* 17

DOHAMIDE *tín ngưỡng của người chàm Châu-Đốc.* 23

CÔ-LIÊU *Claude Bernard* 29

NGUYỄN-VĂN-TRUNG *tác phẩm văn chương là một công-trình của tinh thần.* 35

NGUYỄN-ĐÌNH-TƯ *Ông Lê - Thành - Phương với phong trào Cần Vương tại Phú-Yên.* 43

TRẦN-THÚC-LINH *nhân coi vụ án Nu remlerg.* 49

TRẦN-HUIỀN-ÂN *đỏ may (thơ)* 53

TƯỜNG LINH *sinh nhật (thơ)* 54

TRẦN-ĐẠI *ngoại cảo (thơ)* 55

HỮU-PHƯƠNG *lời nguyện ra khỏi (thơ)* 56

ĐOÃN-QUỐC-SỸ *ác mộng.* 57

ĐOÀN-THÊM *hòa âm số 17* 68

NGUYỄN-HIẾN-LÊ *người chỉ huy (dịch The leader of people của John Steinbeck)* 71

LÊ-VĂN-ĐỆ — TRẦN-ĐÌNH-KHẢI — LÊ-YÊN *trả lời cuộc phỏng vấn quan niệm hội-họa.* 85

BÁCH KHOA

số kỷ niệm 6 năm

Sẽ trình bày cùng bạn đọc :

— Những nét chính trong năm 1962 về chính-trị, quân-sự, kinh-tế, văn-hóa, nghệ-thuật . . .

— Những vấn đề hiện tại mà mọi người đương thiết tha tìm hiểu về văn-chương, triết-học, tôn-giáo, khoa-học, thẩm-mỹ, kịch-trường . . .

— Tổng kết cuộc phỏng vấn trong năm 1962 về quan-niệm Hội-họa.

BÁCH KHOA

số kỷ niệm 6 năm cũng là số Tết Quý-Mão

Với những sáng tác về Xuân về Tết của các nhà văn, nhà thơ Trung, Nam, Bắc, trẻ trung hay kỳ cựu, thuộc nhiều xu hướng văn nghệ ở trong nước và ngoài nước, sẽ làm vui bạn đọc trong những ngày chờ đón Tết.

BÁCH KHOA

số kỷ niệm 6 năm và Tết Quý-Mão

Đã tập hợp trong một số đặc biệt tất cả cây bút mà bạn đọc tin yêu trong 6 năm qua : Tiêu-Dân, Hoàng-Minh-Tuynh, Doãn-Thêm, Nguyễn-Hiến-Lê, Võ-Phiến, Bùi-Hữu-Sủng, Mộng-Trung, Trần-Văn-Khê, Đông-Hồ, Phạm-Ngọc-Thảo, Vũ-Hạnh, Trần-Thúc-Linh, Cô-Liêu, Nguyễn-Trần-Huân, Thuần-Phong, Trang-Thế-Hy, Võ-Hồng, Nguyễn-Văn-Ba, Thái-Tuấn, Nguyễn-Văn-Hầu, Lý-Quang, Trương-Đình-Cử, Tràng-Thiên, Nguyễn-Cao-Đàm, Sơn-Nam, Dohamide, Nguyễn-Như, Đặng-Trần-Huân, Cô Phương-Thảo, Thư-Trung, Cô Minh-Đức, Thiện-Ý, Nguyên Châu v. v . .

sẽ có khủng-hoảng nghiêm-trọng trong mối quan-hệ Đông-Tây ?

TIÈU-DÂN

HẠ tuần tháng 11 dương lịch vừa rồi, Nga-Sô cử hành lễ kỷ-niệm Cách mạng tháng 10 (1917) lần thứ 45. Người ta biết rằng trong dịp có đầy đủ đại-diện các đảng Cộng-sản trên thế-giới, đảng Cộng-sản Nga phải cùng các đảng anh em nhận-định tình hình và nhiệm-vụ chung của Cộng-sản quốc-tế, sau những biến cố gần đây.

Gió sóng vùng biển Caraïbes đã êm dịu. Tiếng súng ở giới tuyến Mac Mahon đã ngưng. Tuy nhiên, hậu-quả của vụ Cuba còn đè nặng trên tinh-thần người Cộng-sản, cuộc tranh chấp biên-giới Ấn-Trung sẽ còn diễn biến. Và còn vấn-đề Bá-Linh, vấn đề tài-binh và cấm-chỉ vũ-khí nguyên-tử...

Chắc rằng Krouchtchev đã giải bày với các đại-biểu Cộng-sản quốc-tế quan-điểm và lập-trường của ông, của đảng Cộng-sản Nga về cuộc triệt-thối hòa-tiến và phi-cơ phản-lực khỏi Cuba.

Điều quan-trọng hơn nữa, chắc Krouchtchev phải cùng hội nghị kiểm-điểm lại kết-quả thi-hành chiến lược sống chung hòa-bình từ 5 năm nay. Qua cuộc kiểm-điểm nầy cũng như sự giải-bày kia, cuộc đấu-tranh tư-tưởng, lý-thuyết, giữa Mạc-Tư-Khoa và Bắc-Kinh tất nhiên sẽ tiếp diễn, có lẽ còn bội phần quyết-liệt.

Nếu để riêng một bên những sự-kiện xảy ra trong thời kỳ Krouchtchev phải đương-đầu với nhóm chống đảng (nhóm Molotov), người ta có thể nói rằng chưa bao giờ Krouchtchev gặp những khó khăn nghiêm-trọng như hiện-thời. Một đảng, « kẻ thù đệ quốc » mà Kennedy tiêu-biểu, đã khiến

Krouchtchev lùi bước một cách ngoạn-mục ở Cuba. Ông đã tranh thủ được sự cam-kết của Hoa-Kỳ là sẽ không tấn-công Cuba ? Thắng lợi chính-trị nầy đang bị Bắc-Kinh, Tirana (Albanie) công kích.

Đàng khác, Krouchtchev phải đấu-tranh để giữ vững vai trò lãnh-đạo duy-nhất, bất khả phân, của đảng Cộng-sản Nga-Sô đối với thế-giới Cộng-sản. Một thế-giới Cộng-sản có hai đầu (Mạc-Tư-Khoa và Bắc-Kinh) ? Bắc-Kinh chưa bao giờ chính-thức công-khai đòi hỏi như thế nhưng trong thực-tế, ảnh hưởng của Trung-Cộng lên dần dần trong nội-bộ các đảng Cộng-sản anh em, kể cả đảng Cộng-sản Nga-Sô.

Khó khăn bên ngoài là thắng-lợi của Kennedy và Hoa-Kỳ trong vụ Cuba, nhất là những hậu-quả khó lường của thắng-lợi ấy. Tổng-Thống Hoa-Kỳ sẽ «khôn-ngoan» nhân-nhượng ở một chỗ khác để giữ nguyên thế quân-bình hiện-thời? Hay ông sẽ thừa thắng «làm tới» buộc lãnh tụ đảng Cộng-Sản Nga-Sô phải phản-ứng cứng-rắn hơn ?

Khó-khăn bên trong là cuộc tranh-đấu tư-tưởng của Krouchtchev tất nhiên phải diễn ra trong sự nhận-định vấn-đề Cuba nóng hổi tính-chất thời-sự và trong sự kiểm-thảo chiến-lược sống chung hòa-bình.

Tây phương đã từng cho rằng trong khi đánh lá bài sống chung hòa-bình, Krouchtchev cũng đánh luôn lá bài uy-tín của ông trong nội-bộ đảng Cộng-Sản Nga và uy-tín của đảng ông đối với thế-giới Cộng-Sản.

Mà kiểm-thảo chiến lược sống chung hòa-bình của Krouchtchev trong lúc nầy, sau bước lùi ở Cuba, thì quả là không thuận-lợi cho ông.

Cho nên đó đây trong thế-giới tự-do cũng như các nước Trung-lập, một luồng dư-luận đã nhóm lên, đầy băn-khoăn về lập trường, chính sách của Nga-Sô những ngày sắp đến.

Phải chăng thời-kỳ trắc-nghiệm sống chung hòa-bình đã kết-thúc ? Phải chăng khuynh-hướng cứng-rắn với Tây phương, bất-chấp chiến-tranh nguyên-tử, sẽ quật ngã khuynh-hướng mềm dẻo, tán-thành chiến-tranh cách mạng, cục bộ, địa-phương nhưng chống lại cuộc chiến-tranh giữa Nga-Sô và Hoa-Kỳ ?

Hỏi một cách khác tức là : Phải chăng Krouchtchev sẽ mất ngôi vị lãnh-tụ tối cao, sẽ không còn — cùng với Kennedy — nắm giữ vận-mệnh thế-giới ?

Mối băn-khoăn của ông Kennedy

Người phải suy-nghĩ nhiều về các câu hỏi ấy là địch-thủ số một của Krouchtchev : Tổng-Thống Hoa-Kỳ Kennedy.

Theo Nora Beloff, thì từ lâu rồi ông Kennedy và bộ tham-mưu trí-thức của ông vẫn cố tìm hiểu xem Nga-Sô muốn gì.

Trong cuộc khủng-hoảng ở Cuba vừa rồi, người ta thường nghe những phát-ngôn nhân của chính-phủ Hoa-Kỳ nói đi nói lại câu « Cương quyết và ôn-hòa » khi giải bày chính-sách của Tổng-Thống Kennedy.

Câu nói nghe như đầy mâu-thuẫn. Thật ra, đây là một cách phô-diễn tư-tưởng hết sức khéo-léo, tế-nhị, bởi vì Hoa-Thịnh-Đốn chưa có một nhận-định dứt-khoát về thâm ý và các mục-phiêu của Nga-Sô.

Trong tình-hình nầy, Hoa-Thịnh-Đốn khó lòng ấn-định một phương-hướng rõ-ràng trong đối-sách.

Hai câu hỏi ám-ảnh tâm-trí nhà cầm quyền Hoa-Kỳ : Ông Krouchtchev và các lãnh-tụ đảng Cộng-Sản Nga-Sa phải chăng không hề từ bỏ âm-mưu gây chiến để xâm-lược và thống-trị thế-giới ? Hay trái lại, họ đã trở nên mềm dẻo hơn và sẵn-sàng thỏa-hiệp với Hoa-Kỳ để giữ nguyên-trạng quốc-tế ?

Trường-hợp thứ nhất buộc Hoa-Kỳ phải có đối-sách cương-quyết : duy trì ưu-thế quân-sự, thi-hành chính-sách « tiến đến bờ vực chiến-tranh để ngăn chận chiến-tranh ».

Trường-hợp thứ hai giúp Hoa-Kỳ có một đối-sách ôn-hòa : tiến-hành các cuộc đàm-phán, thương-lượng để giải-quyết hòa-bình các vấn-đề tranh-chấp lớn hiện nay.

Lý ưng Hoa-Thịnh-Đốn phải chọn một trong hai chính-sách : hoặc cương quyết, hoặc ôn-hòa. Nhưng vì giới thân-tín của Tổng-Thống Hoa-Kỳ không thống-nhất một cách chặt-chẽ trong sự nhận định về Nga-Sô như đã nói ở trên, người ta thấy Hoa-Thịnh-Đốn tiến-hành đồng-thời cả hai chính-sách.

Đây là khó khăn lớn nhất của Kennedy và bộ tham-mưu của ông. Đứng về tư-tưởng chiến-lược, chính-sách, mà xét thì có hai điều đáng lưu-ý :

a) Hai chính-sách cùng quan-trọng đặc-biệt, cùng được tiến-hành nhưng căn-bản ý-tưởng khó dung hợp (cương quyết và ôn-hòa), không khỏi làm cho người chủ-trương bị phân-tán tư-tưởng chỉ-đạo ; do đây vô hình trung, hai chính-sách ấy tự giới-hạn hiệu-lực của nhau.

b) Nhận-thức về sự quan-trọng đặc-biệt của hai chính-sách ấy tiềm-tàng một ý-niệm quân-bình rất mong-manh có thể nghiêng-ngã vì áp-lực của công-luận hay của một biến-cố quốc-tế trọng-đại.

Những điều ấy khiến người ta hiểu được phần nào vì đâu ông Kennedy đã do-dự, làm cho cuộc đổ-bộ của nghĩa-quân chống Castro thất-bại bẽ-bàng trước đây và vì đâu cũng chính ông đã cương-quyết huy-động cả bộ máy chiến-tranh khổng-lồ, sẵn-sàng bước vào vòng thảm-họa nguyên-tử, khiến cho Krouchtchev phải thoái-bộ.

Những điều ấy cũng giải-thích được phần nào thái độ của ông Kennedy khi vị Tổng-Thống Hoa-Kỳ không muốn tạo một không-khí chiến-tranh

ở ngay xứ-sở, suốt thời-kỳ khủng-hoảng ở Cuba, cũng như khi ông cùng gia-đình đến xem trình diễn những vũ-khúc Nga-Sô của đoàn Bolchoï, giữa lúc người ta còn phân-vân, chưa hiểu Krouchtchev có chịu triệt-thối tiếp những phi-cơ Ilyouchine chăng, sau khi đã cho chở hỏa-tiễn về nước.

Sau thắng lợi của Hoa-Kỳ ở Cuba người ta nghĩ rằng có lẽ ông Kennedy đã rút được một bài học kinh-nghiệm thực-tế : cương-quyết với Cộng-sản thì duy-trì được quyền-lợi Hoa-Kỳ và hòa-bình thế-giới.

Nhưng không. Mỗi băn-khoăn của ông Kennedy dường như càng đậm-đà hơn, vì nhiều lẽ.

Khi đã tiến sát miệng vực

Lẽ thứ nhất : Kennedy đã đưa xứ sở của ông và thế-giới tự-do đến sát miệng vực chiến-tranh, tất nhiên là chiến-tranh nguyên-tử với ý nghĩa khủng-khiếp của nó, cho nên ông ý-thức được rõ hơn ai hết thảm họa hủy diệt nhân-loại, nếu một cuộc chạm trán quyết liệt với Nga-sô như thế còn xảy ra. Lịch-sử không tái-diễn. Trong cuộc chạm trán sau nầy chắc gì Mạc-Tư-Khoa sẽ tiếp tục thái-độ thận-trọng, mềm dẻo ?

Cho nên Kennedy, và những vị cố vấn cùng quan điểm với ông muốn nhân lúc Nga-Sô và Hoa-Kỳ vừa thoát khỏi nguy-cơ chiến-tranh, vừa tỏ với nhau một tinh-thần nhân-nhượng, xúc-tiến các cuộc đàm-phán, thương-lượng với Mạc-Tư-Khoa để giải-quyết các vấn-đề tranh-chấp lớn, hầu loại trừ hẳn những yếu-tố có thể đưa hai nước đến một khủng-hoảng mới.

Lẽ thứ hai là dường như Kennedy cùng một số vị trong bộ tham-mưu riêng của ông có thể dựa vào một ít sự-kiện để nhận-định rằng Krouchtchev muốn hòa-bình.

Trong cuộc khủng-hoảng Cuba vừa rồi, đã mấy lần Hoa-Thịnh-Đốn nghĩ rằng chiến-tranh sắp bùng nổ. Lần thứ nhất khi Mạc-Tư-Khoa cho hay rằng các tàu Nga-Sô sẽ được lệnh phá thủng hàng rào phong tỏa của hải quân Hoa-Kỳ để vào Cuba. Và một lần nữa khi đại sứ Nga ở Hoa-Thịnh-Đốn, ông Dobrinine, từ chối không chịu tiếp những giác-thư của Hoa Kỳ qui định những hải-vực mà tàu quốc tế vào Cuba sẽ bị kiểm-soát. Rồi thì như mọi người đã biết Krouchtchev liên-tiếp triệt-hồi các hỏa-tiễn và phi-cơ Ilyouchine...

Như thế, dưới mắt nhà cầm quyền Hoa-Thịnh-Đốn, Krouchtchev quả là một kẻ thù khôn-ngoan, sáng suốt, thận trọng, biết « tri bỉ, tri kỷ ». Một kẻ thù có thẩm-quyền và bản-lãnh như vậy đúng là một kẻ đối-thoại xứng-đáng nhất mà Hoa-Thịnh-Đốn cần có trong điều-kiện tình hình thế-giới hiện nay : một tình-hình hết sức nguy hiểm vì chỉ cần một bên, hoặc Nga-Sô hoặc Hoa-Kỳ, mưu toan phá-hoại thế quân-bình hiện-thời, hay làm sai một bài toán chính-trị tâm-lý, hoặc thiếu bình tĩnh, thận-trọng, là bùng nổ một cuộc chiến-tranh hủy-diệt cả hai phe đối nghịch.

Người ta biết rằng trong chính-phủ và quốc-hội Hoa-Kỳ, đặc biệt ở Ngũ giác đài, phe chủ-trương cương-quyết với Nga-Sô rất mạnh.

Phe nầy nhận định dứt khoát rằng Krouchtchev có những đường lối chủ-trương qui-quái, lật lường, luôn luôn hướng về cách-mạng vô-sản thế-giới. Với một đối-tượng như thế, chỉ có sức mạnh và thái-độ sẵn sàng dùng sức mạnh mới bảo-vệ được hiệu quả quyền lợi chính đáng của xứ sở và duy trì hòa-bình thế-giới.

Cho nên họ đã trách-cứ Tổng-thống Hoa-Kỳ không xua thủy quân lục chiến tràn vào Cuba quét sạch lực - lượng Castro, thanh toán chế-độ độc-tài thân Cộng. Và ngay bây giờ, trong khi nhà hữu-trách mới bắt đầu dự thảo ngân-sách năm tới, phe « cương quyết » đã tạo nhiều áp-lực để buộc chính - phủ Kennedy dành những ngân-khoản lớn hơn các ngân-khoản năm rồi, vào công cuộc võ-trang phòng thủ.

Không khí chung trong các giới kể cận Bạch cung là khuynh hướng « cứng rắn », « cho Cộn - sản một bài học đích đáng ». Và đây không phải là một thái-độ đầy cảm tính. Trái lại, người ta đã nhìn thẳng vào các vấn-đề tranh chấp giữa Hoa-Kỳ và Nga-Sô, phân-tích, và cân-nhắc, để kết luận rằng chỉ có chính-sách cương-quyết mới thích-nghi với tình thế, mới giúp Hoa-Kỳ đương đầu thắng lợi với Krouchtchev và đường lối Cộng-sản. Về vấn-đề cấm chỉ các cuộc thí-nghiệm võ-khí nguyên tử, có dư luận rằng Krouchtchev có gởi thư cho Tổng-thống Hoa-Kỳ đề-nghị dừng một thứ máy tự-động ghi « địa - chấn » để thay thế các đoàn chuyên-viên thanh tra và kiểm soát tại chỗ. Mặc dầu Hoa-Kỳ đã nhân nhượng nhiều trong vấn-đề kiểm-soát tại chỗ, người ta nghĩ rằng có lẽ Hoa-Thịnh-Đốn sẽ không chấp-thuận đề nghị của Krouchtchev nghĩa là không chấp-thuận ngưng thí nghiệm võ - khí nguyên-tử không kiểm-soát (tại chỗ).

Tại Âu-châu, càng khó có một sự thỏa hiệp giữa hai cường-quốc. Nga-Sô muốn nước Đức giữ nguyên hiện trạng chia hai nầy lâu dài về sau. Nhưng Hoa - Thịnh - Đốn quan-niệm sức mạnh của khối Minh-ước Đại-Tây-Dương trên cơ-sở liên-minh chủ yếu với Tây - Đức. Mọi thỏa hiệp có ý nghĩa thừa nhận chính thức tình trạng phân chia sẽ làm sụp đổ nền tảng liên minh ấy. Hoa-Thịnh-Đốn không thể chấp thuận vậy.

Krouchtchev cũng đã cho Hoa-Kỳ biết rằng Nga-Sô sẵn sàng để Bá-Linh trong chế-độ xã-hội, kinh-tế hiện-thời (tư-bản) và để một lực-lượng quốc-tế do Liên-Hiệp-quốc chỉ định đồn trú tại Bá-Linh. Nhưng Hoa-Thịnh-Đốn đã trả lời dứt khoát rằng quyền có mặt của quân đội Hoa-Kỳ tại Bá-Linh không phải là một điều có thể đem ra thương-thuyết. Thái-độ nầy có nghĩa là Hoa-Kỳ sẵn sàng dùng võ-lực để bảo vệ quyền ấy.

Trong tình-hình các vấn-đề tranh chấp lớn không lối thoát như thế, người ta thêm tin tưởng ở lợi-ích của công cuộc tăng-cường tiềm lực

quân-sự, ở chính sách cương-quyết đối với Nga-Sô vậy.

Với hai lẽ kể trên, ý-thức về thảm họa nguyên-tử trong trường hợp chạm trán mới và nhận-định về kẻ đối-thoại đủ tư-cách và thẩm-quyền nhất, mối băn-khoăn của Kennedy có còn đủ tính-chất sâu đậm khiến ông không chịu sức chi-phối của những áp-lực kia chăng ? Người trả lời được câu hỏi nầy — oái-ăm thay lại phải là Krouchtchev.

Chỉ có Krouchtchev mới ý-thức được đầy đủ như Kennedy về thảm họa chiến-tranh nguyên-tử và trách-nhiệm của người gây chiến, đối với nhân-loại và lịch-sử.

Và cũng chỉ có Krouchtchev mới có thể minh-chứng bằng thái-độ, hành-động của Nga-Sô — rằng tổng-thống Hoa-Kỳ có lý khi ông tin ở khả-năng giải-quyết hòa-bình mọi vấn-đề tranh-chấp quốc-tế. Nhưng Krouchtchev, sau vụ Cuba, có còn đủ uy-thế để làm công việc ấy ?

Bắc-Kinh nói như... Hoa-Thịnh-Đốn

Uy-thế của Krouchtchev dường như không giảm sút mà tăng-tiến, theo một số người.

Raymond Cartier viết rằng nhiều nhân-vật quốc-tế đã gởi điện-văn cho Krouchtchev sau khi ông chịu triệt-thối các hỏa-tiễn ở Cuba : hoàng-đế Hailé Sélassié (Ethiopie), thủ-tướng Ben Bella (Algérie), tổng-thống cộng-hòa Mễ-Tây-Cơ (châu Mỹ la-tinh), Lawrence Hotchman (Nữu-Ước), Marion Davidson (Luân-Đôn) v.v... còn nhiều nữa. Báo Sự Thật ở Mạc-Tư-Khoa tiếc rằng khuôn khổ tờ báo có hạn, không đủ để đăng tải những điện-văn từ bốn phương trời đánh về bày tỏ cảm tình với Krouchtchev.

Nội-dung các điện-văn đều giống nhau ở một điểm : ca ngợi thái-độ ôn-hòa, ý chí hòa bình của lãnh-tụ điện Cẩm-Linh, những yếu-tố đã giúp cho nhân-loại kịp thời tránh khỏi thảm họa chiến tranh nguyên-tử. Theo các nhân vật gởi điện-văn, uy-tín của Krouchtchev không bị sứt mẻ vì bước lùi ở Cuba, trái lại, trước nhân dân thế giới, uy tín ấy lớn lao hơn cả bao giờ.

Nhưng Bắc-Kinh có một quan-điểm chống nghịch hẳn lại. Cũng như người Mỹ, người Cộng-Sản Trung-Hoa cho rằng Krouchtchev đã lùi bước trước Kennedy và không được sự đền bù nào cả.

Mạc-Tư-Khoa nhấn mạnh về sự cam-kết của Tổng-Thống Hoa-Kỳ «sẽ không tấn-công Cuba» ? Mạc-Tư-Khoa xác nhận rằng Hoa-Kỳ chỉ thắng về hình-thức trong khi Nga thắng về tinh-thần, tâm-lý ?

Bắc-Kinh không thừa nhận những điều đó vì « không thể tin đế-quốc thay đổi bản-chất hiếu-chiến », « không thể tin ở thiện-chí hòa-bình của đế quốc Mỹ.».

Quan-điểm ở Bắc-Kinh (Krouchtchev nhượng bộ Hoa-Kỳ) dường như

được nhiều lãnh-tụ Cộng-Sản trên thế-giới tán-đồng.

Ở Chili (Châu Mỹ La-tinh), đảng Cộng-Sản bỗng-nhiên bị phân chia thành hai phe: phe đồng ý với Nga-Sô, phe đồng ý với Trung-Cộng. Tại Cuba, các lãnh-tụ nghiêng về quan-điểm của Bắc-Kinh và một nhân-vật giỏi biện-thuyết như Mikoyan cũng phải khó nhọc rất nhiều để làm cho chánh-phủ Castro tin-tưởng Nga-Sô trở lại. Ngay trong hàng-ngũ các đảng Cộng-Sản Châu-Âu, xưa nay vẫn đi sát với Mạc-Tư-Khoa, người ta cũng ghi nhận một không-khí hoài-nghi về Krouchtchev. Ở đây không hẳn có một cánh tả thân Trung-Cộng như g không-khí hoài-nghi lập trường cách-mạng vô sản của Krouchtchev càng đậm-đà tức là ảnh-hưởng của Bắc-Kinh đã thâm dần vào người Cộng-Sản Châu-Âu.

Thật ra cuộc khủng-hoảng ở Cuba, xét riêng rẽ, không đủ hiệu-lực gây nên trạng-thái ý-thức ấy. Nhưng nó đã minh-chứng một cách hùng-hồn và ngoạn-mục những lời chỉ-trích của Bắc-Kinh đối với đường-lối chính-trị quốc-tế của Mạc-Tư-Khoa.

Từ năm 1957, khi lên nắm bộ máy Đảng và chính-quyền ở Nga-Sô, Krouchtchev đã thuyết phục để các đảng huynh đệ nhận rằng một không-khí quốc-tế hòa dịu sẽ thuận-lợi cho các phong-trào cách-mạng trên thế-giới. Ông giải thích rằng thế quân-bình lực lượng giữa Đông và Tây hiện-thời sẽ giúp cho những quốc-gia mới đi vào con đường xã hội chủ-nghĩa.

Năm 1960, sau ba năm đấu-tranh tư-tưởng với Bắc-Kinh, ông Krouchtchev đã tiên đoán trong một cuộc hội-nghị rằng thế-giới tư-bản sẽ bị thu hẹp một cách nhanh-chóng.

«Một ngày kia, chế-độ ấy (chế-độ tư-bản) sẽ chỉ tồn tại ở những nước chẳng lớn hơn cái nút áo của tôi bao nhiêu, chẳng hạn như Hòa-Lan, hay Lục-Xâm-Bảo».

Với những lời ấy, Krouchtchev quả-quyết rằng trong điều-kiện tình hình thế-giới như thế, chủ-trương dùng võ-lực rất phi lý. Người Cộng-sản có thể thực-hiện tất cả mục-phiêu của cách-mạng vô sản theo đường lối hòa-bình.

Nhưng kết quả năm năm sống chung hòa-bình với thế-giới tư-bản không xác nhận rằng Krouchtchev đã có lý. Chủ-nghĩa Cộng-sản chỉ mới thắng lợi ở một nước, một nước nhỏ bé quá, gợi lại hình ảnh cái nút áo mà Krouchtchev đã nêu lên ngày nào. Nước ấy là Cuba. Và bây giờ thì thành quả cách-mạng này đang bị Hoa-Kỳ làm bớt tính-chất hấp-dẫn.

Đã đành Hoa-Kỳ đã có nhân-nhượng các quốc-gia theo chính sách không liên kết với khối nào nhưng Hoa-Thịnh-Đốn đã quyết định rằng sự thừa-nhận chính-sách đối ngoại trung-lập của các quốc-gia ấy là mức tối-đa trong thái độ nhân-nhượng của họ.

Dầu sao, Krouchtchev vẫn không nản chí trong sự cố gắng làm hòa dịu tình hình thế-giới. Vì đâu? Ông

tin quan-điểm lập-trường của mình cuối cùng sẽ thắng-lợi ? Hay ông thấy công cuộc chạy đua võ-trang quá tổn hại cho xứ sở Nga-Sô nên ông nhứt định sống hòa-bình với Hoa-Kỳ, bất chấp hậu-quả của sự-trạng này đối với các nước và các đảng anh em ?

Người ta còn phải lưu-ý tới yếu-tố vũ-khí nguyên-tử. Yếu tố nầy khiến cho cả Nga-Sô lẫn Hoa-Kỳ đều nhận hiểu dứt khoát rằng trong chiến tranh nguyên-tử tương-lai — nếu vô phúc mà có — sẽ không có nước nào thắng cả.

Người ta không hiểu nguyên-nhân nào là chính yếu. Có lẽ bầy nhiêu nguyên-nhân đều có lý ít nhiều và đều tác động vào Krouchtchev khiến ông giữ vững quan điểm lập trường của mình.

Mạc-tư-khoa không còn là trung-tâm cách-mạng xã-hội chủ-nghĩa ?

Bắc kinh không chấp nhận những yếu tố ấy. Không phải Mao-Trạch-Đông chủ trương gây chiến nhưng ông ta cho rằng chính « con hổ giấy » Hoa-Kỳ phải sợ chiến-tranh hơn là phe xã-hội chủ-nghĩa.

Trong khi Mạc-Tư-Khoa triệt phá thần tượng Staline thờ Bắc-Kinh cho rằng vị chúa trùm Đỏ quá cồ sai-lầm độ 40 phần trăm ; 60 phần trăm kia đương nhiên là công-trạng xây-dựng cách mạng vô sản quốc-tế.

Về vấn-đề tranh-chấp giữa Albanie và Nga-Sô, Bắc-Kinh nghiêm khắc chỉ trích lối « vạch áo cho người xem lưng » của Mạc-Tư-Khoa, làm suy yếu lực-lượng xã-hội chủ-nghĩa.

Đối với bước lùi của Krouchtchev ở Cuba thì nhận-định của Bắc Kinh dứt khoát như đã nói ở trước : phe xã-hội chủ-nghĩa đã bại vì thái-độ mềm yếu của Nga-Sô.

Cuối cùng về chính-sách viện-trợ của Nga thì kinh-nghiệm bản-thân, Bắc-Kinh cho rằng Nga-Sô kèn-cựa, biển lận với các đảng, các nước anh em.

Đưa ra bầy nhiêu ý-kiến chỉ-trích, Bắc-Kinh tự nhận đứng trên lập trường cách-mạng vô sản chân xác, theo tinh-thần chủ-nghĩa Mác-Lê chính-thống.

Người ta còn lưu-ý đến một yếu-tố tâm-lý sau đây ở các đảng Cộng-Sản quốc-tế, sau khi Nga-Sô lập được thành-tích vĩ-đại là phóng vệ-tinh đầu-tiên của loài người lên không-trung.

Với thành-tích nầy, Nga-Sô không còn mặc-cảm sợ đế-quốc bóp chết cách-mạng thế-giới mà Nga-Sô là thành-trì nữa.

Các đảng Cộng-Sản anh em mừng đại thắng lợi của phe mình nhưng không khỏi lướng vướng chút nào băn khoăn ! Nga-Sô có vì yên tâm hơn mà « nằm ngủ trên vòng hoa thắng lợi », bớt dũng-khí cách-mạng, đến chỗ mong-mỏi một hình-thức hưu-chiến giữa hai lý-tưởng, hai ý-thức hệ nghịch-thù ?

Điều không may cho Krouchtchev là chiến-lược sống chung hòa-bình của ông, vì không có thắng lợi ngoạn mục, đã tô đậm thêm phần nào mối băn-khoăn kia.

Trong khi ấy thì Bắc-Kinh càng ngày càng tỏ rõ quan điểm, lập trường tích-cực cách-mạng, không dung nhượng, không thỏa-hiệp đối với đế-quốc mà Bắc-Kinh luôn luôn nhấn mạnh về bản-chất hiếu-chiến không bao giờ biến cải.

Vụ Cuba đã gây ra trong thế-giới Cộng-Sản một luồng dư-luận rằng Bắc Kinh có lý. Mà cuộc tranh chấp giữa Bắc Kinh và Mạc-Tư-Khoa là một cuộc đấu-tranh về tư-tưởng, ý thức hệ.

Do đây, nguy cơ cho Cộng-sản quốc-tế đã hiện ra đe dọa sự thống nhất ý chí, hành động của phe Cộng. Người ta đã nói tới hình ảnh một thế-giới Cộng-Sản có hai đầu (Bắc-Kinh và Mạc-Tư-Khoa). Người ta cũng bàn luận về trường hợp hai quốc-tế Cộng-Sản.

Tuy nhiên giới am hiểu tình hình phe xã-hội chủ-nghĩa cho rằng Nga-Sô và Trung-Cộng sẽ không bước tới quãng đường ấy.

Mới đây, lãnh tụ đảng Cộng-Sản Ý-Đại-Lợi đã đưa ra ý kiến là có thể quan-niệm phong trào Cộng-Sản như một phong trào « đa tâm ». Thay vì có một hệ-thống chung, đồng nhất, người ta có thể kiến-tạo những hình-thức tổ-chức thích nghi với các điều kiện riêng về địa dư, kinh tế, chủng tộc, ý thức và tín ngưỡng.

Điều hiển nhiên là bây giờ đây vai trò của Nga-Sô lãnh-đạo phe xã-hội chủ nghĩa không còn tính cách duy nhất, bất khả phân, là bây giờ đây tiếng nói của Mạc-Tư-Khoa không còn uy quyền tuyệt-đối như trước.

Một tương-lai bấp-bênh

Trong tình hình của Nga-Sô và như thế, người ta thấy rằng sẽ phải nỗ lực rất nhiều để tiếp-tục đánh lá bài sống chung hòa-bình.

Những vấn-đề tranh-chấp lớn giữa Đông-Tây vẫn còn nguyên-trạng.

Nếu ở Hoa-Thịnh-Đốn Kennedy đang đứng trước những áp-lực đòi hỏi Tổng-Thống Hoa Kỳ tiếp-tục cương-quyết đối phó với Nga-Sô thì tại Mạc-Tư-Khoa, Krouchtchev phải để ý nhiều hơn trước đến những luận-điệu, phê bình, chỉ trích nghiêm-khắc của Trung-Cộng và lực-lượng thân Trung-Cộng trong các đảng Cộng-sản quốc tế.

Điều lý thú nhất trong sinh-hoạt chính-trị quốc-tế hiện thời có lẽ là điều nầy : dường như Hoa-Kỳ mong ước Krouchtchev còn ở ngôi vị lãnh-tụ tối cao của thế-giới Cộng-sản. Dường như các lãnh-tụ Anh và Hoa-Kỳ đã thảo-luận với nhau về những nhượng bộ cần thiết để Krouchtchev có thể tiếp tục đường lối chính-trị quốc tế của ông.

Nếu triển vọng tình hình bang giao giữa Nga-Sô và Trung-Cộng rất lờ

mờ, khó nhận định, thì mối quan-hệ Đông Tây trong tương-lai cũng đầy bập bênh.

Không ai dám chắc rằng sẽ không có một cuộc khủng-hoảng nghiêm-trọng mới.

Dầu sao, người ta nghĩ rằng Krou-chtchev vẫn còn vững và ông sẽ tiếp tục thực hiện chiến lược sống chung hòa-bình mà ông đã đề xướng và theo đuổi từ năm năm nay.

Nhưng có thể là Krouchtchev sẽ cứng rắn hơn trong các cuộc thương thuyết sắp tới với Tây-phương.

Ông Kennedy có lợi thế hơn Krou-chtchev. Các nghị-sĩ, thượng nghị-sĩ Hoa-Kỳ, sau thắng lợi Cuba, hiểu rằng Kennedy sẽ còn ngồi ở Bạch-Cung 6 năm nữa.

Nhưng không hiểu Kennedy có thoát khỏi những áp-lực chung quanh để thực hiện hình thức hưu-chiến giữa hai ý-thức hệ, như ông mong mỏi ?

12-12-62

TIỂU-DÂN

Tài-liệu tham-khảo :

Que veulent les Russes ? (Nora Beloff)
Krouchtchev en danger ? (K.S. Karol)
Qui est contre K ? (K.S. Karol)
L'ère des communistes hérétiques est-elle venue ? (R. Cartier)

* * *

GHI CHÚ.— Chúng tôi viết xong bài này thì được biết thêm một tin tức về tình hình Nga-Sô. Tại Đại hội-đồng Xô-Viết tối-cao, chủ-tịch hội-đồng bộ-trưởng Krouchtchev vừa tuyên-bố nhiều điều khá quan-trọng, trong bản thuyết-trình về chính-sách đối ngoại. Ông xác-nhận rằng sống chung hòa bình là nền tảng chính sách của Nga-Sô. Ông nhận định cuộc khủng hoảng tại Cuba đã qua, bây giờ đây người ta đã có những điều kiện thuận lợi để giải quyết dứt khoát vấn đề. Sự giải quyết này có thể diễn ra trong khuôn khổ Liên-Hiệp-Quốc. Krouchtchev mong đó cũng là quan-điểm của Hoa-Kỳ.

Krouchtchev quả-quyết rằng tương-quan giữa Nga-Sô và các nước Dân chủ nhân dân (Cộng-sản) vẫn tốt đẹp. « Chúng ta cùng dứt khoát chống chiến tranh ».

Ông tỏ thái-độ nghiêm-khắc với đảng Cộng-sản Albanie, xem sự chống đối ồn-ào của Albanie là trò trẻ. Thái-độ đối với Trung-Cộng cũng nghiêm-khắc. Không kêu đích-danh Trung-Cộng, Krouchtchev công-kích « những kẻ cứ bảo Đế-quốc là con hổ giấy trong khi chính họ hiểu rằng con hổ ấy có răng nguyên-tử ».

Nói qua cuộc tranh-chấp biên-giới Ấn-Trung, Krouchtchev hoan-nghênh « hành động khôn-ngoan của các đồng chí Trung-Hoa » đã tự-ý ngưng chiến, nói thêm rằng nếu cuộc xung đột võ-trang không xảy ra thì vẫn hay

hơn, tuy nhiên thà có một hành-động đúng chậm còn hơn là không có.

Nói về Nam-Tư — nhân thống-chế Tito viếng thăm chính-thức Nga-Sô— Krouchtchev tuyên bố : « chúng tôi đã cùng đồng-chí Tito có những cuộc thảo-luận hữu-ích trong một bầu không khí thông cảm với nhau ».

Ông cho rằng giữa các đảng Cộng-sản không thể tránh ý-kiến dị đồng nhưng không phải vì người ta khác ý-kiến với mình mà kết cho người ta tội chia rẽ. Những phần tử đầy óc bè phái, chia rẽ ở Albanie còn xa chủ-nghĩa Mác-Xít hơn nhiều, so với người Cộng-sản Nam-Tư ngày nay... Nga-Sô phải nỗ lực giúp đỡ cho đảng Cộng-sản Nam-Tư trở về trong đạo gia-đình xã-hội chủ-nghĩa.

Đề cập vấn đề Bá-Linh, Krouchtchev nhấn mạnh rằng Nga-Sô đã kiên nhẫn nhiều lắm rồi và những kẻ tin rằng Nga-Sô không ký hòa-ước với Đông-Đức đã lầm. Một lần nữa, ông khuyến-cáo các cường quốc Tây phương hãy «chứng tỏ sự khôn ngoan» bằng cách chấp nhận các đề-nghị của Nga-Sô về vấn đề tài binh toàn-diện và triệt để và vấn đề cấm chỉ vũ-khí nguyên-tử cùng đình chỉ thí-nghiệm vũ-khí nguyên-tử.

Trước đó, Krouchtchev không quên khoe-khoang rằng lực lượng hỏa-tiễn của Nga-Sô « hùng mạnh nhất », và nói như thể để rồi xác nhận ý-chí hòa-bình, gián-tiếp tỏ rằng Nga-Sô muốn hòa-bình không phải vì yếu.

Qua những tin-tức trên, người ta có thể thấy mấy điểu :

1) Krouchtchev còn uy-thế và tiếp-tục đánh lá bài sống chung hòa-bình.

Thái-độ của ông ta đối với Nam-Tư và Tito mới lạ hơn về chỗ táo-bạo : dám bảo rằng Nam-Tư (kẻ thù nguy hiểm nhất của Quốc-tế Cộng-sản hôm qua) còn gần chủ-nghĩa Mác-Xít hơn Albanie (mà lập trường được Trung-Cộng ủng-hộ).

Thái-độ nầy khiến người ta nghĩ đến hai điều : Krouchtchev còn nắm vững các đảng Cộng-sản quốc-tế nhất là còn giữ được các đảng anh em trong đường-lối quan-niệm chủ nghĩa Mác-xít một cách uyển-chuyển, thiết thực hơn ; Krouchtchev có thể nhắm cái gì nữa cao hơn, xa hơn lợi-ích tranh-thủ cảm tình của Nam-Tư : các quốc-gia trung-lập có thể vui lòng và Tây-phương có thể thấy thêm một yếu-tố hòa dịu trong khuôn khổ lợi ích sống chung hòa-bình.

2.— Cuộc tranh-chấp Bắc-Kinh Mạc-Tư-Khoa tiến đến mức-độ quyết-liệt hơn, nhất là do thái-độ của Nga-Sô đối với Nam-Tư. Tuy nhiên hình-thức ám chỉ của sự công-kích cho thấy chưa đến lúc hai nước ở cái thế phải là đồng-minh sinh tử của phe Cộng đoạn-tuyệt quan-hệ.

3.— Krouchtchev tiếp-tục hăm-dọa về vấn-đề Bá-linh, tuy nhiên giọng điệu không có gì mới lạ.

Mối quan-hệ Đông-Tây có vì những sự-kiện trên mà hòa dịu đi

phần nào và sẽ không có những cuộc khủng hoảng mới chăng ?

Chúng tôi vẫn thấy tương lai bập bênh như đã nói ở trên.

Vì tin rằng người Cộng-sản chịu « hưu chiến về ý thức hệ » là tin ở một cái gì không tưởng.

Vả lại có lẽ Krouchtchev ở cái thế phải cứng rắn trong chiến-thuật trong lúc hòa dịu về chiến-lược.

Có những yếu-tố đẩy ông ta vào cái thế ấy : tâm của người Cộng-sản các nước sau vụ Cuba, phản-ứng chắc chắn sẽ mạnh hơn của Bắc-Kinh và Tirana, và những lời kết tội hữu-khuynh, phản-bội chủ-nghĩa Mác-Lê, đầu hàng đế quốc càng gay gắt trong khi Krouchtchev « càng xa phía tả » đi vào con đường tạm gọi là chiết-trung, sống chung hòa bình với thế giới tư-bản.

13-12-62

TIỀU-DÂN

---

* « Ngửng đầu lên, anh em, vì những ngày tủi nhục đã qua rồi. » *Những ngày tủi nhục đã kéo dài non hai ngàn rưỡi năm trên đất Ai-Cập do Nguyễn-Hiến-Lê kể lại trong bài :* « Gamal Abdel Nasser » *đăng trên* BÁCH-KHOA số kỷ-niệm 6 năm.

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO-HIỂM

27-29, *Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON*

Điện-thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh.Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : *PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO*

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ✦ ☆

HEAD OFFICE	*Plapplachai, Bangkok.*
OVERSEAS BRANCHES :	
LONDON	*Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2*
TOKYO	*No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*
HONGKONG	*60, Bonham Strand West.*
CENTRAL DISTRICT	*Shell House, Queen's Road.*
KOWLOON	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
SINGAPORE	*64 South Bridge Road.*
KUALA LUMPUR	*14 Ampang Street.*

SOCIÉTÉ INDOCHNIOISE DE DOCUMENTATION

et de

REPRÉSENTATIONS COMMERCIALES

S.I.D.E.R.C.O.

EXCLUSIVITÉS :

Whisky « **BALLANTINE'S** »

Cognac « **COURVOISIER** »

Sardines « **LES OCÉANIDES** »

Champagne « **HEIDSIECK & Co MONOPOLE** »

Vins de Chianti et Vermouth
« **MIRAFIORE** »

Vin Rose Valpoliella Chiaretto
« **MONTRESOR** »

Huile d'Olive « **ADOLPHE PUGET** »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

LA SOCIÉTÉ URBAINE FONCIÈRE

S. U. F. O.

18, BEN BACH DANG — SAIGON

Thế-giới biến-chuyển và thế-hệ ngày mai

BÙI-HỮU-SỦNG

I. — Khủng hoảng giáo dục với khủng hoảng văn minh toàn cầu

VẤN đề giáo-dục thiếu nhi và vấn đề cải cách chương trình học, hiện là một trong những vấn-đề khẩn trương của thời đại. Từ sau thế chiến 1949 — 1925, trên khắp hoàn cầu các nước đều lo cải-tổ giáo-dục để kịp thời đáp lại những nhu cầu mới phát sinh dưới sự thúc đẩy của những biến chuyển đột ngột trong lịch-sử.

Hàng ngày các báo chí trong nước hay ở các nước khác đều đề xướng, các hội nghị giáo-dục địa phương hay quốc-tế (Unesco) trao đổi kinh nghiệm, nhưng hơn mười năm đã qua, mực giấy đã tốn khá nhiều, mà chưa thấy nước nào «ổn-định» hẳn được việc dạy bảo con em trong gia-đình và ở học đường. Cách đây hai năm còn diễn ra một hiện-tượng quốc-tế, dấu hiệu của thời đại: nạn thanh thiếu niên hư hỏng với những đoàn Blousons đen, nâu, bọn cao-bồi du đãng khắp các nước Mỹ, Anh, Pháp, Nga, Việt-Nam (kể cả Hanoi và Saigon). Điểm ngạc nhiên là ở hai nước Mỹ và Thụy-điển nổi tiếng về việc áp dụng tâm-lý nhi-đồng vào giáo-dục, số thanh niên tội lỗi lại đông hơn ở các xứ khác: khoa học tâm-lý vì quá tinh, không theo kịp đà biến chuyển chung chăng?

Về việc cải tổ chương-trình hiện vẫn gây ra nhiều luồng dư luận sôi nổi. Nước này chia lại các bậc học, nước kia thêm bớt nhiều môn học vào chương trình nhưng chỉ như vá đụp lại một chiếc áo cũ cho một đứa bé lớn chóng quá. Thật ra chúng ta chưa thấy một hệ thống chặt chẽ đáp lại nhu cầu của thời đại. Xem như nước Pháp trước đây vẫn tự hào về sự tổ chức chu đáo nền Trung học với trường đại học sư phạm đào tạo giáo sư thạc-sĩ để thi hành chương trình và giữ vững

tinh thần nhân bản, thế mà trong mười năm gần đây cũng qua cơn khủng hoảng. Chính phủ Pháp đã cố gắng rất nhiều : nào lập lớp hướng dẫn (classes d'observation) nào sửa đổi chương trình Triết, Sử Địa, nào đưa Hình học giải tích (géomètrie analytique) từ Đại học xuống lớp Đệ Nhị (Classe de seconde), nào nhận cả sinh viên không có bằng Tú tài vào các trường Đại học. Mặc dầu thế, báo chí và phụ huynh Pháp vẫn liên tiếp phản đối ; các học sinh Pháp cho bằng Tú tài Pháp đã lỗi thời và họ chế giễu là « bằng Tú Tài ông nội » (Bac. du grand papa). Cuốn La Nouvelle race xuất bản năm nay tại Ba-Lê là một tập điều tra chính xác về thanh niên Pháp trong đó tác giả phỏng vấn một thiếu niên và được trả lời như sau : Le Bac est un examen stupide (kỳ thi ngu xuẩn). Và tác giả tập điều tra ấy, Michel de Saint Pierre (khuynh hướng chống Cộng) đã nói lên cảm tưởng của ông : « Nền Trung và Đại học Pháp ngày nay thật hỗn độn một cách thảm hại» (confusion catastrophique). Lại thử xem một nước đảng trị như nước Nga, các phụ huynh chỉ biết phó thác con em mình để chính phủ có quyền xếp đặt, thế mà ông Kroutchev cũng phải than phiền trước hội nghị đảng Cộng sản Nga rằng : thanh niên của ông thích theo học văn-hóa hơn đi vào tập sự tại các xí nghiệp hay nông trường. Thái độ của thanh niên như vậy, theo thuyết La Praxis trong chủ nghĩa Mác-xít, là phản động vì không chịu hợp nhất « tri » với « hành ». Nhưng sau cùng, trước sự biến chuyển chung của thế giới, trước đà tiến mạnh của thế hệ mới, nhà độc tài đã khôn ngoan nhượng bộ một bước : ông cho phép sinh-viên có bằng văn-hóa cũng được phép vào học Đại-học, trước đây chỉ dành cho thanh niên đã tập sự trong các ngành sản xuất. Ở Hoa-Kỳ, các tiểu bang được tự do tổ chức giáo-dục theo sáng kiến riêng, ảnh hưởng cũ ở đây chưa sâu đậm như ở Âu-Châu, thế mà cũng có người Mỹ phân vân do dự không biết theo cổ-học hay nghiêng hẳn về kỹ-thuật Trong khi nhà xã-hội học Burnham đưa ra cho thanh niên một người lý tưởng, không phải là chuyên viên hay nhà khoa-học mà là nhà tổ chức sản-xuất (manager), trong khi có cuộc chạy thi với Nga trên không trung, và đa số muốn hướng về kỹ-thuật ; trong khi đô đốc Rickover chế ra tàu ngầm nguyên tử Nautilus đang lo nước Mỹ thiếu chuyên viên, thì ngược lại giáo-sư Jacques Barzun (người Mỹ) viện-trưởng đại-học Columbia lên tiếng bênh vực môn học cổ điển. Ông nói «tuy môn học này không phải thứ thuốc trụ sinh nhưng nó cám dỗ cả con người ta, mắt ta, tai ta, tâm trí ta... Các bạn hãy tưởng tượng nếu các học-giả chợt rút lui cả vào một nhà tu mang theo tất các cổ văn và nghệ-phẩm đi, thì thế-giới này sẽ biến thành nơi hoang vu u ám, lạnh lẽo mất hết sinh khí, thiếu hẳn ý nghĩa . . . » (theo báo Figaro Littéraire số 27/2/1960).

Mấy bằng chứng cụ thể trên cho ta thấy cuộc khủng-hoảng giáo-dục hiện nay là một hiện-tượng xã-hội (phénomène social chung cho cả thế-giới, không riêng gì ở một nước chậm-tiến như Việt-Nam đang từ bỏ chương trình giáo dục thời bị trị để xây dựng một nền học quốc-gia độc lập vừa phát triển được tinh thần dân-tộc, vừa theo kịp đà tiến bộ chung. Khủng-hoảng giáo-dục ngày nay có một tầm sâu rộng và lớn lao chưa từng có trong lịch-sử, là vì nó nằm ở trong khuôn khổ một cuộc khủng-hoảng văn-minh toàn cầu.

II. — Cuộc khủng hoảng văn minh thế giới

Tại sao cả hoàn cầu, khối tự do cũng như khối cộng sản, qua một cuộc khủng hoảng như vậy ? Có phải tại nguyên-nhân kinh tế, chính trị, xã hội không ? Không hẳn thế. Nhưng nguyên - nhân mà người ta thường đưa ra như trên (cách mạng, giai cấp đấu tranh) chỉ là nguyên-nhân hờn hợt bên ngoài (Causes apparentes) sở dĩ có một số sử-gia, văn-gia vội chấp nhận là vì lười suy nghĩ hay vì bị tuyên truyền. Cách mạng hay chiến tranh chỉ là một cái vùng lên (un soubresaut) mà nguyên-nhân chính phải tìm ở tầm sâu hơn. Nhìn thấy cây nước (raz de marée) cuốn cuộn lên trời, phải nhận đấy là cái vùng lên mà vụ động đất kia mới là nguyên nhân chính. Nhà giáo dục cũng như triết gia phải tìm thấy nguyên nhân sâu sắc, điều *giải thích cuối cùng* (explication dernière) cuộc khủng hoảng ngày nay ngõ hầu xây dựng được một nhân-sinh vững chắc và dặt một nền móng khoa-học cho việc huấn luyện thế-hệ ngày mai.

Chúng ta ai cũng biết văn minh nhân loại (không kể thời tiền sử) đi qua ba chặng đường : văn minh nông thôn (civilisation agraire), văn minh cơ khí (civilisation mécanique) và văn minh nguyên tử năng (civilisation de l'énergie atomique). Nhưng cái gì đã làm động cơ thúc đẩy bánh xe lịch sử vượt qua ba chặng đường trên ? Xin trả lời ngay chính là năng lượng, nhất là *năng lượng biến thể* (énergie transmutée). Ở thời văn-minh nông thôn, loài người chỉ biết dùng năng-lượng tự-nhiên nghĩa là bắt gặp thế nào thì dùng nguyên chất như thế chứ chưa biết đổi đi hay biến chế ; ví dụ lấy gió trời đẩy buồm thuyền, mượn sức dòng nước để giã gạo (hiện nay, ngoài Bắc, vùng Thái-Nguyên, người Thổ còn đặt những cối giã gạo hai bên sông ngòi). Archimède có nghĩ ra máy móc, Léonard de Vinci có sáng chế ra tàu bay, nhưng vào thời ấy, người ta chưa tìm được năng-lượng, những sáng kiến trên không thực-hiện được và không có ảnh-hưởng gì tới kinh-tế và xã hội.

Sức hơi nước cũng đã sớm khám phá trước cả Denis Papin, nhưng phải đợi tới Watt (thế-kỷ 18) người tìm ra than rồi mới biến chế được năng-lượng của than của nước để cho chạy xe hỏa và tàu thủy. Cái bánh xe (la roue) xưa kia chỉ là một dụng cụ (outil) do ngựa kéo, nay nhờ sự phát minh ra năng-lượng mới (than, dầu hỏa, điện), bánh xe ấy trở thành một cơ khí (la machine) dùng làm đầu xe hỏa, chân vịt tàu thủy, chong chóng phi cơ. Từ đấy, các nhà máy xuất hiện, sự giao thông mau lẹ tiện lợi, thành thị trở nên đông đúc, thợ thuyền tập trung quanh các xí-nghiệp. Chủ-nghĩa xã-hội của Proudhon, của St Simon, khẩu hiệu « giai cấp đấu tranh » của Marx mới bắt nguồn và ra đời. Theo sau nữa là những hậu quả của các năng-lượng khác : những cuộc cách mạng 1789, 1848, các việc tranh chấp hải cảng, thuộc địa, các cuộc chiến tranh dầu hỏa ở Đông-Âu v.v... Vài thí dụ nữa để làm bằng chứng. Đầu thế kỷ 1 , tại Âu-Châu, không có thành phố nào dân số tới một vạn người ; sang thế-kỷ 19 có tới 50 thành phố dân số đông như vậy : tỷ số lên tới 50/1=50. Hậu quả chính trị của năng-lượng và đường xe hỏa : trong vòng 10 năm Bismarck (thế-kỷ 19) hoàn thành việc thống-nhất

nước Đức, Cavour (thế-kỷ 19) thống nhất xong nước Ý, thế mà, thời Trung cổ, triều đại Capétiens phải mất 800 năm mới thống nhất được nước Pháp. Tỷ số là : $\frac{800}{10} = 80$; có thể nói : « bánh xe lịch-sử, nhờ năng lượng biến chế của cơ khí, đã quay 80 lần mau hơn». Người cổ Hy-Lạp đã nghĩ ra turbine rồi nhưng phải đợi đến đầu thế-kỷ 19 mới có năng-lượng làm cho turbine chạy được và từ đấy chúng ta có turbine nước (turbine hydraulique) biến sức của thác nước (ví như ở Danhim Vietnam) thành điện. Rồi điện dẫn đến việc phát minh ra nguyên tử năng. Thật là cả một chuỗi năng lượng biến chế rồn rập liên tiếp xuất hiện trong vòng hơn một thế-kỷ nay và làm nguyên nhân cho biết bao cuộc cách-mạng chính-trị xã-hội, kinh-tế, văn-hóa.

Năm 1945, vào một buổi sáng tháng 8, từ một phi-cơ, một trái bom nguyên-tử ném xuống thành phố Hiroshima, giết trong giây phút 10 vạn sinh linh. Tiếng nổ của trái bom cũng là một tiếng nổ (une explosion) lịch-sử vì sau đấy, kinh-tế, xã-hội, văn-hóa, quân-sự thay đổi hết. Sức mạnh của loài người, sức phá hại cũng như sức xây dựng) bỗng nhân lên hàng triệu lần. Xưa kia 1 kilô than cho có 8 kilowatt giờ, nay đột nhiên, 1 kilo Uranium cho 23 triệu kilowatt giờ, tỷ số cùng rợn : $\frac{23.000.000}{8}$ gần 3 triệu lần hơn lên !

Nói tóm lại, nguyên nhân của đà gia-tốc tiến hóa lịch-sử (accélération de l'histoire) là sự biến chế các năng-lượng (la transmutation de l'énergie) còn chiến tranh hay cách-mạng chính-trị chỉ là những vùng nổ lên (soubresaut) chứ không phải là nguyên-nhân đầu tiên (cause première)

Ngày nay nguyên-tử năng đã cách mạng cả khoa-học, kỹ-nghệ văn-hóa tựa như một núi lửa bỗng chốc lại bùng nổ làm thay đổi cả một phong cảnh mênh mông. Trước sự thay đổi chưa từng có trong lịch-sử như vậy, vừa quá mau và lan tràn quá rộng, một số người đâm ra hoang mang, chán ngán (angoisse) nôn mửa (nausée), cho đời là vô-lý (absurde). Đồng thời xuất hiện triết-lý bi đát, tiểu-thuyết dâm ô và sân khấu điện ảnh diễn ra những cảnh trụy lạc, họa phẩm trình bày những hình ảnh quái dản, trừu tượng v.v... Nguyên-tử-năng đã là nguyên-nhân cuối cùng của cuộc khủng-hoảng văn-minh ngày nay.

III. — Tình trạng Việt-Nam nằm trong lòng khủng hoảng thế giới

Trước sự hoang mang của loài người, trước cuộc tiến bộ như vũ như bão của kỹ-nghệ thế-giới, nước Việt-Nam tuy còn ở trong tình trạng nông nghiệp nhưng cũng bị lôi cuốn vào trận cuồng phong kia. Nhất là ở các thành thị lớn, tuy không có nhà máy nguyên tử nhưng cũng bị « xâm lăng » bởi một thứ văn hóa quần chúng (culture de masse) : máy thu thanh, điện ảnh, đồ dùng bằng nylon, plastic tràn lan khắp phố phường kích động thần kinh và sáo động cả cảm-giác tư tưởng và dân Việt-Nam cũng hồi hộp, lo sợ trước một cuộc chiến tranh nguyên tử tiêu diệt loài người.

Chịu ảnh hưởng của một nền văn-minh nông thôn, lòng người Việt-Nam hãy còn khao-khát thanh nhàn « nằm dài xem én nhạn bay qua » (Cao-Bá-Nhạ) nhưng xác thịt và sinh kế bị lôi cuốn trong một thế giới chuyển động rồn rập và cái gì cũng phải nhanh, thật nhanh, nhanh gấp trăm gấp

ngàn lần. Đa số chúng ta hãy còn mang con mắt *tĩnh* nhìn thế giới *biến chuyển*, hãy còn nghĩ rằng « tạo hóa không nhảy vượt bực », «lịch-sử chỉ là một vòng luẩn quẩn: trị tiếp vào loạn, loạn tiếp vào trị ». Nói khác đi, mọi hiện-tượng xã-hội đều không còn hợp với các tư-tưởng và tình-cảm cổ-điển nữa; chúng đi trước cả sự hiểu biết của dân ta rồi. Chúng ta (thế hệ bốn mươi, năm mươi tuổi trở lên) như một hành khách ngồi chuyến phi cơ bay đêm đi ngoại quốc, mình tưởng mình còn trên đất nước nhà, mà thật ra con tàu đã vượt biên-thùy từ lâu

Trong sách Nho xưa, có kể một chuyện, ngày nay kể lại vẫn còn lý thú. Một anh chàng kia đi đò qua sông, chẳng may đánh rơi cái búa xuống nước. Anh ta vội đánh dấu vào mạn thuyền chỗ búa rơi, để khi thuyền cập bến, anh ta lội xuống nước mò búa. Nước chảy xuôi theo dòng sông, thuyền lại sang ngang; ngồi trên những hiện-tượng thay đổi như vậy mà nhìn quá *tĩnh*, trí óc quá hẹp, anh thu cả thế giới sống động vào một con thuyền, hèn nào anh chàng chẳng không tìm thấy búa. Ở Việt-Nam này biết bao người vì tồn cổ, lấy *tĩnh* đối phó với *động* và đã thất bại như anh chàng mất búa kia. Nhất là ngày nay, thế giới thời nguyên-tử-lực, về phương diện nào cũng thay đổi quá nhanh. Xưa kia, cụ Phan-Thanh-Giản đi từ Saigòn sang Pháp phải ba tháng, người ngày nay chỉ đi có một ngày. Xưa kia, trung-bình đời người dài 25 năm bây giờ đã dài được 65 năm. Nói gì xa xôi, với thống-kê nọ, con số kia, độc giả cứ vài tháng hãy đi thăm vùng ngoại-ô « Saigòn » một lần hay vào một tiệm may quần áo hoặc ngày ngày nhìn ô-tô chạy ngoài đường sẽ thấy các kiểu kiến-trúc, các kiểu y-phục, kiểu xe và vật dụng đổi thay một cách mau lẹ khác thường. Hậu-quả mỉa mai: Một em bé học sinh xem xét kiểu ô-tô thông thạo hơn thầy giáo và cha mẹ nó; một đứa con thuộc tiểu sử các tài tử Ciné hơn phụ huynh. Trở về vấn đề giáo dục, thì ở bực học nào tiến bộ cũng ghê gớm. Hồi tôi đi thi Tú Tài phần II (1931) có 11 thí sinh Việt-Nam ngày nay có gần tới 2 vạn. Năm nay (1962) lớp dự bị y khoa đại học chỉ thu nhận 200 sinh viên mà tới 1200 ứng thí. Nếu độc-giả ngay bây giờ qua thăm trường tiểu học Bàn cờ (Saigon) sẽ thấy số học sinh quá đông, lớp này chưa kịp ra lớp khác đã tiến vào và phải chia ra: tốp học sáng, tốp học trưa, tốp học chiều. Ta tưởng tượng một đứa trẻ 9, 10 tuổi sống ồ-ạt như vậy trong làn sóng người ra vào chen chúc mà chỉ được học hai giờ mỗi ngày, hỏi nó có thu lượm được gì không? (trước đây chương trình dự định học bốn giờ một ngày) Hỏi như vậy chương trình có vì thời đại mà lạc-hậu không? Mọi sự đã biến đổi theo đà gia-tốc như vậy và còn biến đổi mau hơn nữa. Vậy giáo dục có nên chạy theo đà tiến hóa chung hay dừng lại để ngắm nhìn với con mắt *tĩnh* và thờ-ơ? Tuy không a-dua mù quáng theo thị hiếu nhất thời nhưng hoàn-cảnh sinh sống (univers humain) của trẻ em đã biến đổi, giáo-dục không lẽ cứ thờ-ơ trước mọi biến chuyển hay chỉ chắp vá những mảnh áo cũ của một chương trình lạc hậu để chẳng ụp thành một chương trình mới. Giáo-dục nhất là giáo-dục ở bậc Trung-học là gì? Có phải là đặt những mối liên-lạc, những nhịp cầu lưu thông giữa học đường và cuộc sinh hoạt xã-hội không?

BÙI-HỮU-SỦNG

Kỳ sau: *Chúng ta phải chuẩn bị những đức tính gì cho thế-hệ ngày mai.*

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT

Guigoz

— **Mau mập**

— **Ít đau**

— **Chóng lớn**

— **Khỏe mạnh**

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

DOHAMIDE

NGƯỜI CHÀM CHÂU ĐỐC

xem từ B. K. số 135)

TÍN NGƯỠNG

3.— Nhịn đói tháng Ramadan.

Đây là một tập tục khắc khổ nhất của người Chàm Châu-Đốc, thực hiện theo Hồi Giáo nhịn vào tháng gọi là Ramadan hay « *bulan ork* » khó mà đối chiếu chắc chắn với tháng dương-lịch; nhưng thường vào lối tháng ba, tháng tư, có khi tháng năm dương-lịch.

Ban ngày bắt đầu từ hừng sáng cho đến khi mặt trời bị che khuất sau rặng núi chân trời, mọi người đều tuyệt đối nhịn ăn, nhịn uống, nhịn thuốc lá, cầm chung chạ với đàn bà v. v... Trẻ em, đàn bà có thai, người đau ốm, kẻ già nua, khách bộ hành... được miễn nhưng những người bộ hành phải nhịn bù lại khi nào thuận tiện.

Thường người ta bắt đầu nhịn vào lúc vắng trăng tháng Ramadan xuất hiện cho đến khi thấy trăng đầu tháng sau, nhưng nếu đầu tháng sau không thấy trăng thì cứ đến 30 ngày rồi mới thôi nhịn.

Việc xem trăng nầy gây những hào hứng, xôn xao trong thôn ấp Chàm, vì nếu chiều hôm đó thấy trăng tức là sáng hôm sau sẽ không nhịn đói nữa và để đánh dấu, ngày đó được xem là ngày đại lễ « *Harei Roya* », sáng hôm

sau, sau khi đi lễ ở Khánh đường, mọi người cùng nhau đi thăm bà con, gặp nhau bắt tay xin hỉ xả (*ma of ăm puôn*) cho nhau về những việc đã qua và chiều lại, đi viếng mồ mả ông bà. Tóm lại, ngày nay được xem như là ngày Tết của người Chàm Châu-Đốc.

Theo các vị bô lão, thì việc nhịn đói là việc bắt buộc đối với mọi người Hồi-Giáo, mục đích nhắc người giàu biết thương kẻ nghèo, vì có đói có khát mới thấu triệt được những nỗi cơ cực của kẻ khác và biết ơn Olloh.

Theo tin tưởng của họ thì suốt tháng này, cửa Thiên-Đàng mở rộng đón chờ những kẻ làm phước, tất cả loài ma quỷ satan bị xiềng xích lại một nơi, cửa Địa ngục đóng kín lại.

Nhịn đói khiến người ta tiết chế được những thèm muốn vật chất, những dục vọng thấp hèn để chỉ chú trọng vào việc tu tâm, khắc phục bản thân cho tâm hồn được trong sạch.

Đến tháng Ramadan, tại các thôn ấp Chàm, mọi hoạt động dường như tê liệt, để chỉ rộn rịp khi trời vừa sẩm tối. Trong khi đó, các gia đình vẫn tiếp tục sinh nhai với các công việc nặng nhọc của mình, và thường ít khi bỏ phế việc nhịn kể trên.

Những người Chàm mưu sinh ở xa, đến tháng này cũng thường trở lại quê nhà để sống với thôn xóm rồi lại ra đi vào những ngày sau lễ « *Roya* ».

Đặc điểm của tháng này có lẽ là những buổi thức thâu đêm cùng nhau nghe giảng kinh và xa xa, trong đêm khuya, văng vẳng những giọng ngân dài lê thê của vài câu Cor'an buồn áo não.

4.— Bố thí (Zakat)

Zakat là hình thức bố thí của người Hồi-Giáo hằng năm, trích xuất, theo một tỷ lệ nhất định, những của cải mình có như súc vật, lúa thóc, vàng bạc cùng số lợi tức thâu được trong năm qua.

Theo nguyên tắc, người được hưởng thụ là hạng người cùng đinh, những người không có công ăn việc làm, những người thiếu nợ, những người mới nhập đạo Hồi-Giáo v. v...

Thực tế, người ta cũng chú trọng những hạng người kể trên, nhưng đặt tiêu chuẩn là người đó đã phải làm đúng những điều giáo lý buộc và nhứt là « Sambahyăng ». Do đó, mà người ta thường nhắm các vị « Ahly », « Imâm » v. v...

Mọi người bất luận già trẻ bé lớn, đàn ông, đàn bà, con nít đều phải trích xuất cho bản thân mình, hàng năm, bồn lít gạo (sa katăng) và theo lệ thì mỗi nhà hàng năm đều dành một người để bố thí cho ông « seăk » tức là vị chăm sóc thường trực Thánh đường chánh của thôn xã.

Đối với trẻ con chưa trưởng thành thì bổn phận của cha mẹ hay người đỡ đầu phải Zakat cho chúng.

Tiền, hễ có 100$ thì phải xuất ra 2$50.

Ngoài ra, bạc, vàng, trâu, bò cũng có một tỷ lệ trích xuất riêng.

5.— Hành hương tại Mecca.

Mecca nằm trong lãnh vực của Quốc gia Arabie Séoudite là Thánh địa của người Hồi Giáo, nơi phát xuất những lực lượng truyền giáo dưới sự lãnh đạo của Nabi Muhammad (tức Mahomet) chinh phục các nhóm vô thần quay về tôn thờ một Thượng-đế duy nhất mệnh danh là « Olloh ».

Nơi đến « *Kaaba* » có một hòn đá đen, trước kỷ nguyên Muhammad tượng trưng cho thần linh sau nầy được Muhammad biến thành trung tâm căn bản của Hồi Giáo và hàng năm cho mãi đến ngày nay, các tín đồ Hồi-Giáo thế giới đều tụ họp tại đó để tham gia một số lễ đạo, vào một ngày nhằm lối tháng tư hay tháng năm dương-lịch, gọi là « *Harei Roya Hadji* ».

Người Chàm Châu-Đốc hằng năm gởi người đến Mecca hành hương và khi trở về người đó được mang danh vị « Hadji » được người đồng hương tiếp đón rất nồng hậu.

Muốn thực hiện cuộc hành hương nầy, hẳn nhiên là cần có một số tiền tổn phí to tát, cho nên chỉ có những người giàu mới đi được.

Hiện tại Châu-Đốc, có lối chừng 20 Hadji. Theo nguyên tắc, chỉ có những vị đi Mecca về mới vấn khăn « *săl* » trên đầu, nhưng vì có nhiều người thích vấn như thế nên hiện không còn có thể căn cứ vào hình thức bề ngoài đó để nhận ra các « Hadji » nữa.

— B) Đức tin.

Những điều tin tưởng của người Chàm Châu-Đốc bao gồm trong « *Rukan Iman* » có 6 điều chánh yếu :

a) tin Olloh
b) tin Thiên thần (Malaïkat)
c) tin Cor'an
d) tin Thiên sứ Olloh.
e) tin ngày tận thế
f) tin định mệnh.

Về Olloh là Thượng-đế, đã đề cập đoạn trước.

Về Thiên thần thì được quan niệm như là những « luồng sáng », chỉ có nhiệm vụ thi hành mệnh lệnh của Olloh mà thôi, Thiên thần rất đông đảo, chỉ có Olloh mới biết được có bao nhiêu vị. Tuy nhiên, mọi người tín đồ Hồi-Giáo cần biết ít nhất 10 vị sau đây mỗi người chuyên một phần hành riêng biệt.

— *Djibroël* là vị Thượng đẳng Thiên thần mang chuyển Giáo luật chính Djibroël đã chuyển nội dung Cor'an cho Nabi Muhammad theo từng giai đoạn.

— *Mikaël* đi thâu góp và phân phát lộc (rizki) cho chúng sanh, thí dụ như trái cây, gạo, mưa, gió v.v...

— *Israfêl* thổi ống loa ngày tận thế, tụ họp tất cả vong linh đến một địa điểm gọi là « Padan Masâr » để chịu sự phán xử của Olloh về những hành vi của mình khi sống ở trần thế.

— *Izroël* mang trọng trách thu hồn tất cả sanh linh.

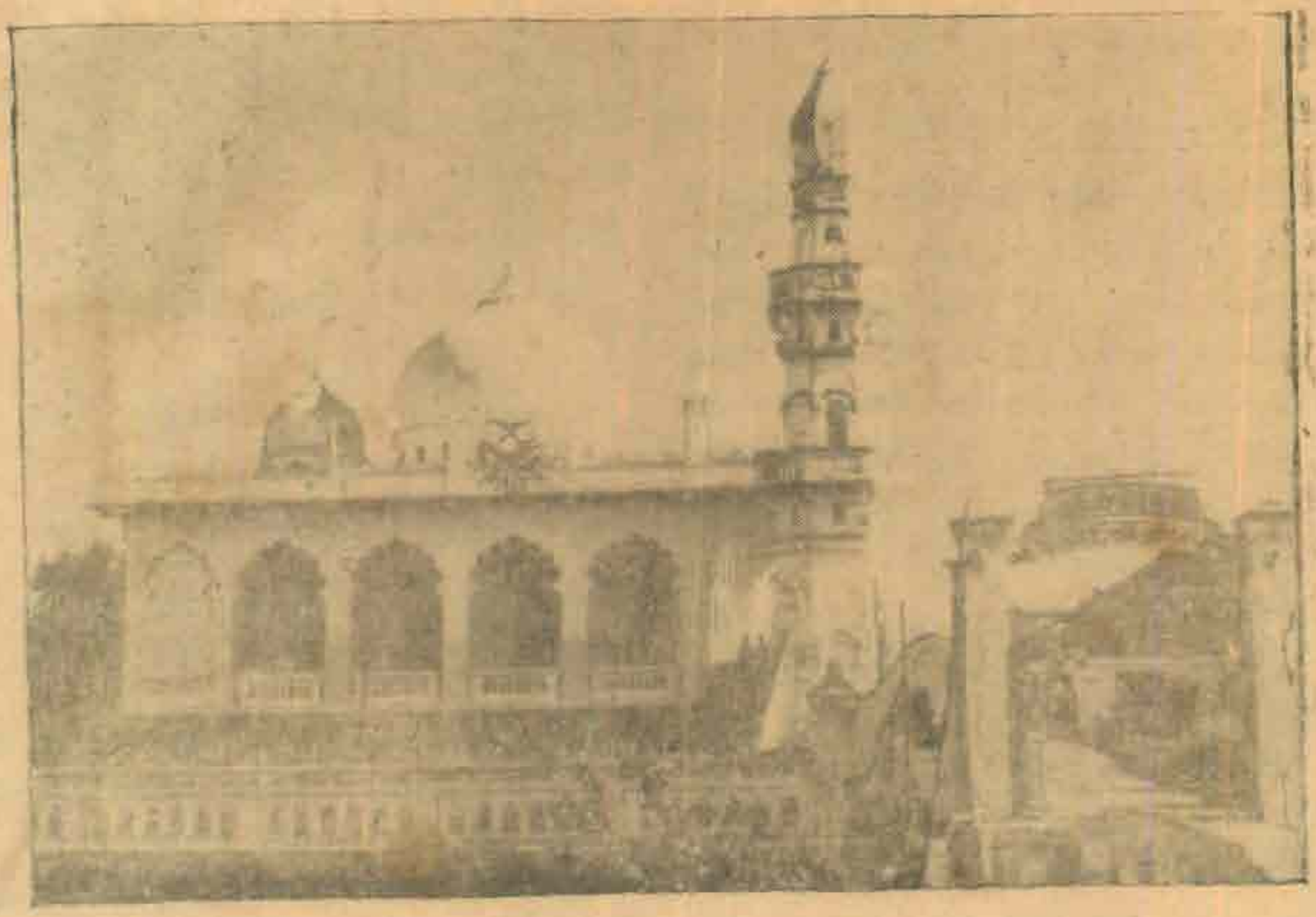

Một ngôi chùa Chàm (Masschịch) tại Châu-Giang (Châu-Đốc)

— *Malêk Zabanyah* giữ cửa Địa-ngục (Nôr-ka).

— *Ridwan* giữ cửa « Sôr-ka ».

— *Munkâr* và *Nakir* lãnh việc tra khảo người chết.

— *Rokib* và *Atid* một vị bên trái, một vị bên phải, hằng ngày ghi chép những hành vi tốt xấu của mọi người dưới trần thế.

Về thánh kinh Cor'an, họ tin rằng trước đó mỗi thế hệ đều có một kinh sách riêng biệt.

Thời Nabi Mu-sa có « Tâu-rot », Nabi Daod có « Zabur », Nabi Issa có Indjil, cho đến Nabi Muhammad có Cor'an.

Cor'an được xem như chứa đựng lời của Olloh, căn bản của giáo lý Islam. Một đứa bé lớn lên, đến 7, 8 tuổi đều được cha mẹ đưa đến trường học Cor'an, học đọc đúng hơn cho thuộc mặt chữ rồi luyện giọng đọc dài ngắn (Makhrêk) để khi có những đình đám, các thanh niên thi đua khoe giọng với xóm làng.

Tuy nhiên, về ý nghĩa của Cor'an thì không mấy người biết được ; vì thường phải học thêm nhiều năm vất vả qua các quyển gọi là « Zafsir » trong đó một số tác giả luận về ý nghĩa các lời của Cor'an, khai triển các điểm sâu xa của những giòng chữ.

Do đó, cor' an được xem như là quyển sách thương lượng mà mỗi người Chàm Châu-Đốc đều biết đọc và chỉ có các vị uyên thâm giáo lý mới diễn dịch được bằng tiếng Chàm.

Muhammad là vị Thiên sứ cuối cùng giáng thế tại Thánh địa Mecca đã phổ biến thuyết chỉ biết có Olloh là thượng đế, chống và diệt trừ một tôn giáo đa thần mê hoặc lòng người.

Còn các Thiên sứ trước Muhamad chỉ được Olloh ủy thác nhiệm vụ đi truyền bá giáo điều mà thôi.

Đến ngày tận thế, Olloh sẽ làm sống các vong linh lại và tập trung một nơi gọi là *Pa dan masâr* để phán xử.

Người nào, lúc ở trên thế gian phạm nhiều tội nặng thì bị đày xuống địa ngục (Nôr-ka).

Ngược lại, những người có phước, phụng thờ Olloh sẽ được hưởng lộc tại Thiên đàng (Sôr ka).

Bổn phận của mọi người trên trần thế là phải hướng về Olloh ; Olloh chế ngự vũ trụ nên cuộc sống của các người do thiên mệnh. Trong thiên mệnh đó con người phải thương mến nhau, khuyến khích nhau làm việc lành, nhưng đồng thời cũng phải nhẫn nhục nhận chịu những điều không hay xảy đến.

— C) Một vài điều cấm đoán và kiêng cữ

Trong sanh hoạt hàng ngày, người Chàm Châu-Đốc phân biệt rõ những điều nên làm và những điều không thể làm vì trái với giáo luật và do đó sẽ bị thôn xóm bài trừ.

Có thể dựa vào một số từ ngữ thông dụng để hiểu họ trên phương diện nầy.

1) *Wadjeb* là việc có tính cách bắt buộc tuyệt đối hễ làm thì được phước, không làm thì có tội với Olloh. Thí dụ như việc cầu nguyện (sanibahyăng) mỗi ngày 5 lần.

2) « *Sunat* », việc làm được phước nhưng nếu không làm cũng chẳng có tội gì. Chẳng hạn như sau khi đã nhịn đói đủ tháng Ramadan không thiếu ngày nào, thì sau đó vẫn có thể nhịn thêm nữa.

3) « *Haross* », việc có cũng được mà không cũng được, như việc ăn uống hằng ngày.

4) « *Makrôh* », việc không làm thì được phước, nếu làm thì thiếu tốt đẹp.

5) « *Harăm* », việc cấm làm một cách tuyệt đối, nếu làm thì sẽ có tội với Olloh và phần lớn được quy định trong Thánh kinh Cor'an như hãm hiếp phụ nữ, uống rượu, ăn thịt loài thú bị cấm như heo, chó, rắn, mèo, chuột..., xem bói xem tướng, nói xấu kẻ khác, không vâng lời cha mẹ, phụ nữ ăn mặc hở hang v. v...

Đứng về phương diện đời sống xã hội, điều thứ nhất tức *Wadjeb* không quan trọng bằng điều sau cùng tức Harăm. Vì lẽ những điều Wadjed là những điều mà mỗi người phải làm, nhưng mà khiếm khuyết trên chi tiết khó nhận thấy, và hơn nữa theo

quan niệm chung, mỗi người đều chịu trách nhiệm về bản thân của mình trước đấng cao cả là Olloh, nếu không làm một điều gì bắt buộc, mình phải chịu tội, một phần nào cũng liên hệ đến cơ cấu xã hội nói chung.

Nhưng việc xâm phạm vào những điều Harăm mới là những hành vi tích cực, trắng trợn phản bội thôn xóm và bị bài trừ triệt để. Chế tài của thôn xóm trên phương diện này rất khắt khe, phũ phàng.

Lấy một thí dụ con heo chẳng hạn là một vật được xem là ô uế, có đời sống bẩn thỉu từ vạn kỷ đã bị xóm làng chê ghét đến sợ hãi, mà nếu bỗng nhiên tự dưng có một người mang thịt heo đến nhà họ, hoặc một người trong xóm bỗng ăn thịt heo, uống rượu..., tức thì người đó sẽ bị loại trừ khỏi các liên hệ thôn xóm ngay.

Chính các Hakim và Ahly hằng theo dõi thôn xóm về phương diện này và cũng trong khuôn khổ đó, tập tục được duy trì từ xưa nay.

Ngoài những cấm đoán của giáo luật có tính cách vĩnh cửu, lại còn những cấm đoán của tập tục nói riêng tuy cũng đóng hậu quả, nhưng lại biến đổi qua thời gian.

Lấy thí dụ về việc để tóc chẳng hạn. Lối trước 1945, một người Chàm Châu-Đốc khó mà được chấp nhận trong xóm làng nếu để tóc dài. Dù rằng việc để tóc ấy là do bắt buộc của việc sinh nhai nơi xứ người đi nữa thì về đến nhà là phải cạo ngay rồi mới dám đến dự các buổi họp với thôn xóm.

Nhưng ngày nay, sự trạng ấy có thay đổi là một số thanh niên đã để tóc, dù vẫn sống trong thôn xóm.

Người Chàm Châu-Đốc cũng tin tưởng có ngày xấu ngày tốt. Trong tuần, ngày thứ sáu được xem là ngày tốt nhứt và ngược lại, ngày thứ ba thì là ngày xấu, các công việc ít được khởi công vào ngày nấy.

* * *

Nói tóm lại, tín ngưỡng của người Chàm Châu-Đốc dựa vào một số quy tắc thành văn, hàng ngày do các Ha-kêm và Ahly hoạt động duy trì, tạo khuôn khổ tinh thần cho thôn xóm.

Trong mọi tập tục kể trên, có tục kiêng thịt heo là một tập tục gây nhiều khó khăn và trở ngại nhất cho người Chàm Châu-Đốc, khi phải sống bên ngoài thôn xóm.

Sự kiêng cữ từ khi còn bé đã khiến họ đi đến chỗ hoàn toàn ghê tởm thịt heo và do đó, không thể dùng cơm tại một quán ăn nào cả nếu quán đó không phải của người Hồi Giáo.

Những con vật như khỉ, chồn, chuột v. v... hay những con chim tha mồi bằng chân như quạ, dơi... đều bị cấm đoán.

Ngoại trừ cá, các vật làm thịt đều phải bị cắt cổ đúng theo quy tắc nhứt định, và điều kiện buộc phải do một người Hồi Giáo làm và nhân đó có đọc một đôi câu kinh dành cho trường hợp nấy.

Các con vật chết không phải do người cắt cổ như trên đều không dùng được.

DOHAMIDE

Kỳ tới : Đoạn kết.— Nhận xét về người Chàm ngày nay tại Việt-Nam.

danh nhân

2 – CLAUDE BERNARD

CÔ-LIÊU

(xem từ B. K. số 143)

Thuyết tất định là yếu lý của nền khoa học thực nghiệm

Với một sự nghiệp xây dựng trong 40 năm khảo xát và thực nghiệm của một thiên tài, Claude Bernard được thế hệ sau xác nhận là đáng đứng địa vị một ông thầy của khoa học thực nghiệm. Nhưng sự đánh giá ấy còn chật hẹp quá, vì không biết đến tầm quan trọng về phương diện tư tưởng của quan niệm triết lý ông đã chủ trương. Bergson cho rằng Claude Bernard còn là ông thầy của tư tưởng hiện đại.

Chúng ta thử tìm hiểu Claude Bernard trên phương diện này.

Trong phòng thí nghiệm không phải ông chỉ làm công việc chiêm nghiệm và miêu tả hiện tượng sinh lý, ông còn tìm cách cắt nghĩa và tìm ra luật lệ chi phối hiện tượng ; căn cứ vào sự liên lạc của những phương pháp đã dùng, ông đề ra một phương pháp luận lý thực nghiệm, như vậy là ông « làm triết lý ».

Quan niệm triết lý của ông khước từ hẳn ý định hệ thống hóa tư tưởng của mình. Nhờ quan niệm ấy, khoa học không bị ràng buộc vào hệ thống triết lý siêu hình. Khoa học ở ngoài phạm vi triết lý và tự đặt cho mình những phương pháp thực nghiệm trong tinh thần duy lý. Đủ điều kiện nguyên nhân phải xảy ra kết quả bất di bất dịch, không thể có ngoại lệ. Đó là thuyết *tất định* của Claude Bernard, thuyết ấy như ông đã nhiều lần thanh minh, không phải là một nguyên lý triết học, chỉ là một yếu lý hướng dẫn sự thực nghiệm khoa học.

Phát kiến ấy có giá trị tuyệt đối, vì nó hé cho nhà khảo nghiệm thấy rằng sinh vật không phải hoàn toàn là một lãnh vực bí hiểm đối với con mắt phàm trần. Hiện tượng sinh lý

không có gì huyền ảo và cũng có thể đem ra phân tích mà hiểu như hiện tượng lý hóa.

Đứng trong địa hạt thực nghiệm nhà khoa học không cần trả lời tại sao lại có hiện tượng mà chỉ cần tìm xem hiện tượng được cấu tạo như thế nào.

Theo ông, tìm sự thật không phải là tìm ở trong triết lý duy tâm hay duy vật, hai thái độ cực đoan, nhưng nhà khoa học phải biết cách diễn giải những quan niệm triết lý ấy cho đúng cách.

Trước hết thái độ ấy từ khước tư tưởng hệ thống. Hệ thống tư tưởng hoàn hảo hơn cả là không có một hệ thống nào. Ta hiểu rằng thái độ ấy ngày nay được các bác học cho là khuôn vàng thước ngọc hướng dẫn sự tìm tòi trên các lãnh vực khoa học.

Quan niệm hệ thống (hệ thống triết lý siêu hình) thời ấy dẫn giắt y học đến sự phân chia ra hiện tượng lý hóa và hiện tượng : sự sống của sinh vật. Sự sống bị chi phối bởi một «sức» huyền nhiệm tác động đến sinh vật ngoài luật tắc lý hóa. Nói thế tức là cho rằng luật tắc chi phối sinh vật khác luật tắc chi phối tĩnh vật. Claude Bernard không tin như vậy ông tra vấn thiên nhiên bằng thực nghiệm và chứng minh rằng luật lý hóa chi phối cả sinh vật.

Tuy nhiên đời sống không phải chỉ là những hiện tượng lý hóa. Ông công nhận điều ấy nhưng nhường phần huyền nhiệm của sự sống cho triết gia và đời phần thể xác sinh vật cho khoa học thực nghiệm. Thế thôi, ông không có tham vọng tìm cách định nghĩa sự sống như nhiều người đã phiêu lưu một cách nông nổi.

Một điểm nữa nên để ý là ông nói thuyết tất định khoa học không hại cho tinh chất tự do của con người. Ông cho rằng tính chất tự do của con người không có gì liên hệ đến sự kiện thể xác bị chi phối bởi những hiện tượng lý hóa tất định. Các cơ quan trong người ta hoạt động ngoài ý muốn của ta. Chúng ta không có quyền tùy ý muốn hô hấp và tiêu hóa hay không. Con người không vì thế mà không phải sinh vật có tự do.

Jean Rostand phản đối quan niệm ấy. Ông này đặt câu hỏi: nếu con người có tự do để hành động theo ý muốn, tại sao không có tự do đối với những hiện tượng khác tiêu biểu cho sự sống ?

Phương pháp thực nghiệm

Claude Bernard đưa ra một phương pháp khảo sát quan-niệm trong tinh thần thuyết tất định.

Cái hay của phương pháp là dung hòa lý thuyết và sự vật. Chỉ biết có sự vật thì sự thực nghiệm mông lung không biết bắt đầu từ đâu, thực nghiệm theo đường lối nào. Nhà thực nghiệm phải đặt ức thuyết, và thực nghiệm trong phạm vi ức thuyết đó.

Nhờ có trí nhận xét tinh vi, họ nảy ra những ý kiến mới, ý kiến đó là sự khám phá khoa học. Họ nảy ra ý kiến đó nhờ linh cảm của họ, nhưng

cũng có khi do sự tình cờ. Điều quan hệ là biết theo ức thuyết để chi hành thực nghiệm, rồi ngay sau đây lại trở về thụ động, hết sức khách quan mà theo dõi kết quả. Nếu kết quả xác định ức thuyết đúng thì chấp nhận nếu sai lập tức phải bỏ mà chọn con đường khác. Phải sửa đổi lý thuyết để lý thuyết phù hợp với thiên nhiên chứ không sửa đổi thiên nhiên cho phù hợp với lý thuyết ».

Trái với quan niệm siêu hình đưa ý kiến mình ra như một sự thật tuyệt đối, nhà thực nghiệm đặt ý kiến thành câu hỏi. Nếu câu trả lời đúng, họ công nhận là một sự thật, nhưng chưa phải là một sự thật tuyệt đối. Họ thâu góp dần nhiều sự thật của từng phương diện khác nhau để đi đến sự thật tuyệt đối.

Như vậy sự phát minh cần điều kiện có ý kiến trước đã rồi mới hướng sự tìm tòi về đó. Để bảo đảm cho kết quả chắc chắn, nhà thực nghiệm còn phải giữ thái độ hoài nghi. Đành rằng nhà thực nghiệm phải tin tưởng nguyên lý của thuyết tất định : cùng nguyên nhân phải đưa đến cùng kết quả, nhưng họ phải thừa nhận sự thật tìm ra chỉ có tính cách tương đối, chưa phải tuyệt đối. Sự dè dặt ấy thật ra không mâu thuẫn với nguyên lý thuyết tất định, vì phương tiện khoa học không đủ tinh vi, có thể có những điều kiện mà cuộc thực nghiệm chưa thực hiện được chăng, nên kết quả phải cho là tạm thời để đợi những sự kiểm soát mai sau.

Nhà bác học đã biết rằng ý kiến của mình được thực nghiệm chứng minh là đúng cũng còn phải thận trọng trước khi chấp nhận. Có thể liên lạc nguyên nhân kết quả đó chỉ là sự ngẫu nhiên may mắn chăng ? Để đánh tan sự hoài nghi ấy, phải thi hành một loại thực nghiệm đối chứng mới biết được đích xác.

Phương pháp thực nghiệm của Claude Bernard không khác phương pháp làm việc của nhà lý học và hóa học về nguyên tắc. Ông có công đem áp dụng với sinh vật với một vài canh cải kỹ thuật.

Lãnh vực của nhà sinh lý học được xác định rõ ràng là chỉ nghiên cứu những tác động của các cơ cấu trong thân thể sinh vật và tìm những luật tắc chi phối những tác động ấy, ngoài ra không cần biết đến nguyên nhân sâu xa có tính cách siêu hình.

Nhà thực nghiệm không được quên rằng một sinh vật, về phương diện sinh lý, là một toàn khối trong đó tất cả chi tiết đều có tương quan — khi thực nghiệm, họ phân chia những hiện tượng phức tạp ra từng hiện tượng đơn giản, tìm hiểu từng yếu tố cấu thành hiện tượng đơn giản. Công việc phân tích ấy chỉ có giá trị khi những yếu tố nhỏ đó có thể giúp họ thực hiện được sự tổng hợp để cấu tạo lại hình ảnh của toàn khối cơ thể sinh vật.

Sự nghiệp của Claude Bernard

Quyển «Nhập đề y học thực nghiệm» của ông được những thế-hệ sau

coi là căn bản của nền y học khoa học. Ông đã nghĩ đến việc sưu tập những kết quả tản mát trong mấy chục năm nghiên cứu lại để hoàn thành một công trình tổng hợp đại quy mô, ông muốn đưa ra một cái nhìn thống nhất về y học y, về hiện tượng sinh sống bao gồm cả thực vật lẫn động vật. Ông không hoàn thành được sự nghiệp ấy vì thiếu thì giờ, phương tiện và gặp nhiều trở ngại.

Tuy nhiên, với những tài liệu tản mát và rời rạc đó, sự nghiệp khoa học của ông đã có giá trị học thuật chính yếu. Di sản tinh thần đó đủ để thế hệ sau tôn ông làm vị thánh sư của y học thực nghiệm.

Sự tiêu hóa.— Claude Bernard đã dùng phương pháp thực nghiệm để chứng minh sự tiêu hóa là một hiện tượng phức tạp gồm nhiều phản ứng hóa học. Ông tìm ra công dụng của chất dịch ở lá lách để tiêu thụ chất mỡ. Lá lách còn tiết ra một chất phân hóa-tố để biến đường thành glucose và lévulose.

Trái với sự tin tưởng thời ấy, ông chứng minh rằng cơ thể người ta có thể làm ra nhiều chất để dinh-dưỡng chứ không hoàn toàn nhờ đồ ăn mang lại. Đó là sự chứng minh lá gan có chức vụ làm ra chất đường.

Ông tìm ra những «hạch nội» tiết ra dịch chảy vào trong cơ thể và mở đường cho những khám phá quan trọng của kích thích tố hormone

Thần kinh hệ.— Ông tìm ra tác dụng của dây thần kinh vận mạch (nerf-vaso-moteur) làm đảo lộn quan niệm cổ điển về sự tuần hoàn, nhờ đó một thế kỷ sau phát minh khoa giải phẫu sinh lý.

Nhờ ông, y học biết được thần kinh hệ chi phối sự tiêu hóa, sự tuần hoàn, làm cho các mạch máu co hay dãn, các tế bào dịch hóa ; loại dây thần kinh nào bị kích thích có thể gây nhiều rối loạn trong cơ thể ; cắt dây giao cảm thần kinh (nerf sympathique) sẽ làm cho con vật chết vì những cơ cầu chịu sự chi phối của dây giao cảm thần kinh bị tê liệt.

Hiểu được vai trò quan trọng của dây thần kinh vận mạch, khoa học đánh dấu một bước tiến quan trọng.

Chất độc.— Claude Bernard tìm hiểu được cách tác động của nhiều chất độc đến cơ thể sinh vật như chất curare (người da đỏ dùng để tẩm mũi tên độc), chất oxyde de carbone. Những chất độc đó làm bại liệt một vài yếu tố trong cơ thể sinh vật nên con vật phải chết, nhân đó ông hiểu thêm về cơ thể sinh vật. Nhờ những công việc khảo cứu đó ông tiến đến điểm chính yếu : phương diện hóa học của tế bào: Ông nghiên cứu xa hơn và tiến đến ý thức về nội giới của một sinh vật. Nội giới đó là một thế giới riêng của sinh vật, nó tự tạo ra thế quân bình với ngoại giới, luôn luôn biết lập lại thế quân bình đó mỗi khi sai lệch. Đó cũng là điểm quan trọng về sinh lý học, mở đường cho nhiều ngành khảo cứu sau này.

Ông cũng là người đầu tiên có ý thức rằng bệnh phát ra không phải

bất thần, mà người bịnh đã qua một thời kỳ bệnh xuất hiện ở trạng thái âm thầm kín đáo. Bệnh bạo phát cũng như có một giọt nước thêm vào làm tràn bình nước đã đầy.

Hiện tượng lên men.— Ông cho rằng hiện-tượng này là một hiện - tượng dịch hóa quan trọng của sự sống, nên để tâm nghiên cứu.

Nhưng không may ông qua đời trước khi hoàn thành việc ấy. Tuy nhiên theo bút tích ông để lại, người ta biết rõ thuyết của ông về hiện tượng lên men rượu như sau : chất men làm cho đường trong cơ thể sinh vật không phải là một thứ vi thể ở ngoài đưa vào, mà chính là một dịch chấp.

Pasteur phản đối thuyết ấy và cho rằng có một loại vi thể là levure ở ngoài đưa vào làm đường biến thành rượu. Tương lai đã minh chứng cho ông cái nhìn đích xác hơn Pasteur, Bác học Buchner tìm ra dịch chấp ấy.

***

Claude Bernard có một khuyết điểm lớn là không chú trọng đến những sinh vật nhỏ đóng vai trò quan-trọng về phương diện y học. Sau này khoa học mới tìm ra, và danh từ vi trùng mới xuất hiện để chỉ loại sinh vật ấy.

Cũng có khi ông ngây thơ vi phạm nguyên tắc thực nghiệm tự mình xướng khởi ra, như ông bảo vệ quan điểm: không có đường trong tĩnh mạch cửa (veine porte). Bây giờ thì ai cũng biết trong tĩnh mạch cửa có đường. Ông đã đánh bại những người chống đối không phải bằng khoa học mà bằng uy tín riêng. Nhiều người đã chế giễu ông. Một hôm ông bảo Barreswill, nhà hóa học nghiện rượu :

— Nếu tôi lấy con chó này để chứng minh rượu làm cho đồ ăn khó tiêu, thì ông nói sao ?

— Tôi sẽ nói rằng rượu không phải để cho chó uống !

Câu nầy đã trở nên một một giai thoại.

Giá trị của thuyết tất định và khoa học thực nghiệm

Từ một thế kỷ nay biết bao nhiêu phát kiến cách mạng làm đảo lộn một nền móng của nhiều ngành khoa học.

Quan niệm tất định bị lung lay về phương diện lý học từ khi thuyết tương đối ra đời. Nhưng trên địa hạt sinh vật học, những nguyên tắc của Claude Bernard đưa ra vẫn là khuôn vàng thước ngọc cho phương pháp suy nghiệm.

Sự tiến triển của sinh vật học từ một thế kỷ nay đã đưa khoa học đến trình độ phải thận trọng khi áp dụng thuyết tất định, nhất là những vấn đề quan trọng. Thí dụ ngày nay người ta thừa nhận rằng vi trùng không trực tiếp là nguyên nhân một chứng bệnh. Nó chỉ có thể gây bệnh khi nhiều yếu tố khác đã giúp nó. Từ tác động của con vi trùng đến hiện tượng ngọa bệnh còn biết bao nhiêu liên lạc nhân quả nữa nhiều khi không biết hết được. Một tác động nguyên nhân độc nhất đưa đến kết quả tất định chỉ có thể là trường hợp đặc biệt hiếm có. Như vậy nhà khảo cứu ngày nay còn

phải có thái độ dè dặt hơn thời Claude Bernard.

Đối với Claude Bernard, trạng thái bệnh hoạn chỉ là sự mất nhịp nhàng của những hiện tượng sinh lý bình thường, bệnh hoạn không tạo ra những điều kiện mới mẻ cho hoạt động cơ thể. Ta biết rằng quan niệm ấy đã lỗi thời. Bệnh hoạn làm thay đổi phản ứng, sinh lý một sinh vật, tạo ra cho thể chất và tinh thần một thể quân bình khác. Người mắc bệnh là một người khác trước.

Nhà thực nghiệm áp dụng phương pháp khảo nghiệm trong tinh thần tất định còn phải thận trọng vì mỗi cá nhân là một thế giới khác biệt đối với cá nhân khác, về phương diện sinh lý, trừ phi là trường hợp sinh đôi một trứng tách làm hai. Một điều nhận xét về một cá nhân không thể suy rộng ra cho cả giòng nòi. Cũng vì vậy mà vấn đề ảnh hưởng của bụi phóng xạ đến phương diện sinh lý rất khó giải quyết, mỗi người phản ứng trước bụi phóng xạ một khác.

Điều nữa đáng chú ý là khi giải phẫu, lát dao cắt miếng thịt sống, kính hiển vi điện tử soi vào con siêu vi trùng, người ta chỉ còn vật chất đã chết hay khô queo không còn sự sống. Khí cụ để thực nghiệm đã giết chết sự sống, như vậy sao mà biết được hiện tượng sinh lý chân xác! Tuy nhiên mới đây đã có thứ kính điện tử để thấy được sinh vật còn sống.

Người ta nêu ra nhiều thắc mắc tương tự, nhưng những thắc mắc ấy chỉ có thể nhắc nhở nhà thực nghiệm thêm phần dè dặt, không nên khuyếch đại kết quả thâu lượm quá một giới hạn nào. Nguyên lý thuyết tất định vẫn hoàn toàn có giá trị. Sự thực về chất sinh sống thuộc sự hiểu biết của lý trí, không có cái gì xảy ra ngoài luật tất định nguyên nhân kết quả. Nếu cùng một nguyên nhân mà kết quả khác đối với mỗi cá nhân sinh vật, thì đó là vì còn những điều kiện nguyên nhân riêng biệt của mỗi cá nhân thêm vào mà ta chưa biết.

Vấn đề trọng đại đặt ra cho khoa học là khoa học thực nghiệm có thể đưa người ta tới chỗ hiểu biết uyên nguyên của sự sống không? Đời sống có thể quy về những hiện tượng lý hóa hay là một thực thể phải tìm lý giải ở chỗ khác? Trình độ hiểu biết ngày nay chưa cho phép trả lời và xét định về giá trị của khoa học thực nghiệm.

Thánh sư của khoa học ấy đã khôn ngoan dừng lại ở chỗ tìm hiểu hiện tượng sống phát hiện ra thế nào, tìm hiểu liên lạc nhân quả gần của những hiện tượng ấy thôi, ngoài ra để nhường cho siêu hình học. Ông muốn như mặc nhiên xác định giá trị của phương pháp thực nghiệm.

Có lẽ trong tương lai, công việc khảo cứu sẽ đưa đến giai đoạn mà lá bùa tất định của khoa học thực nghiệm hết thiêng hay trái lại xác định nó là một yếu lý chân xác vĩnh viễn.

CÔ-LIÊU

Tài liệu viết bài này rút trong cuốn « Claude Bernard et la médecine expérimentale » của Robert Clarke.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

tác-phẩm văn-chương là một công-trình của tinh-thần

HÌNH-thức nghệ-thuật xác-định một tác-phẩm có phải là tác-phẩm văn-chương hay không. Vậy tính-chất nghệ-thuật của văn-chương ở đâu? Cái hay, cái đẹp trong tác-phẩm rung-động, cảm-xúc thẩm-mỹ của ta là ở chỗ nào? Ta có thể trông thấy, sờ mó tới được không? Nói cách khác, hình-thức nghệ-thuật trong văn-chương có phải là những yếu-tố vật-chất, hữu-hình, mà giác-quan có thể lĩnh-hội được không?

Ở nơi khác (1) trong khi bàn về tác-phẩm nghệ-thuật, chúng tôi đã có dịp xác-định tính-chất nghệ-thuật trong một tác-phẩm là một hình-thức nào đó, được cấu-tạo bằng những đường, nét, mầu sắc, âm-thanh chứa đựng những đặt-tính khả-xúc (qualités sensibles) làm rung-động khiếu thẩm-mỹ của ta. Hình-thức nghệ-thuật là cái làm cho ta phân-biệt một bức họa chẳng-hạn *khác* với tầm vải, tờ giấy, tuy bức họa cũng như tầm vải, tờ giấy đều chỉ là vật chất cả. Hình-thức nghệ-thuật là một cái gì thuộc về tinh thần vì do tinh-thần sáng tạo ra, nhưng trong hội-họa, điêu-khắc, kiến trúc, hình-thức nghệ-thuật dựa vào những yếu-tố vật-chất hữu-hình : chất liệu (đất, đá, gỗ) đường, nét, chiều, cạnh, mầu sắc, khối-lượng v.v... Đó là những cái giác-quan có thể lĩnh-hội được và chính nó chứa đựng những đặc-tính khả-xúc nhằm thể-hiện cái khả-xúc là cứu-cánh của nghệ-thuật.

Trái lại, trong tác-phẩm văn-chương hình-thức nghệ-thuật không được xây dựng bằng những yếu-tố vật-chất, hữu-hình, khả-xúc.

Đây là một cuốn tiểu thuyết. Trông bề ngoài nó không khác bất cứ một cuốn sách nào, cũng chỉ là cái bìa,

(1) Xin xem « Xây-dựng tác-phẩm tiểu-thuyết » của tác-giả, chương : Tác-phẩm nghệ-thuật.

những trang giấy xếp lại thành một khối-lượng nào đó, có những giòng chữ giống nhau. Không có gì là *dấu hiệu vật-chất* để ta có thể căn-cứ vào đó mà phân-biệt cuốn tiểu-thuyết này là một tác-phẩm nghệ-thuật khác với cuốn sách kia là một cuốn sách toán hay triết-lý...

Nó cũng là một đống giấy im-lìm. bất-động, lù lù trên bàn kia hay trong tủ-sách, bên cạnh những cuốn khác, hoàn-toàn vô-nghĩa nếu chúng ta không cầm lấy, rút ra khỏi tủ sách.

Giả-sử ta cầm lấy, mà không biết đọc, vì ta mù chữ, hay vì nó được viết bằng một ngoại-ngữ ta không biết, ta có thể không đọc được, hay có thể đọc mà không hiểu gì, những hàng chữ kia, đối với ta cũng là một vô-nghĩa, và hơn nữa một hư-vô. Ta chẳng thấy tư-tưởng, cũng chẳng thấy văn-chương nghệ-thuật đâu cả. Nó không *có*, đối với ta, thế thôi.

Nhưng giả-sử ta có-thể đọc được bài thơ, cuốn truyện đi nữa, ta cũng không trông, nghe, xem thấy gì cả. Bài thơ trước mặt ta, trước giác-quan của ta, cũng chỉ là một tờ giấy trắng có những giòng chữ được xếp theo một thứ-tự nào đó thôi.

Ví-dụ đây là bài « Thu-Điếu » của nhà thơ Nguyễn Khuyến. Nếu đề-tài đó của một họa-sĩ, ta sẽ có một bức tranh cảnh thu ngồi câu cá : ngắm bức tranh, ta thấy ao nước trong veo, chiếc thuyền câu bé nhỏ, sóng biếc gợn, lá vàng rơi, mây xanh, con đường bên bờ có những khóm trúc lơ-thơ... Họa-sĩ dùng mầu-sắc, đường nét, không-gian để thể-hiện một cảnh dưới một hình-thức nghệ-thuật nào đó. Khi trông bức họa, hình-thức của nó, dựa vào những yếu-tố cấu-tạo vật-chất là mầu-sắc không-gian rung-động cảm-xúc nghệ-thuật của ta.

Trong bài thơ Nguyễn-Khuyến, khi đọc lên ta chẳng thấy gì, chỉ thấy những chữ đen in trên một giấy trắng, dầu vậy bài thơ vẫn có thể rung-động cảm xúc nghệ-thuật của ta như khi đứng trước bức họa...

Điều đó có nghĩa là tác-phẩm văn-chương hoàn-toàn là một tác-phẩm tưởng-tượng và ta lĩnh-hội nó không phải bằng giác-quan, nhưng bằng óc tưởng-tượng, bằng tinh-thần. Cho nên tất cả những gì là tính-chất nghệ-thuật, cấu-tạo vũ-trụ nghệ-thuật trong một tác-phẩm văn-chương đều ở trong tinh-thần, trong đầu óc của ta thôi. Những tính-chất nghệ-thuật đó không dựa vào những yếu-tố vật chất như dấu hiệu đưa tới ý-nghĩa tinh-thần, gợi lên hình-thức nghệ-thuật. Chính khi đọc thơ văn, ta phải xây-dựng lại trong óc ta vũ-trụ nghệ-thuật mà tác-giả đã xây-dựng trong óc của tác-giả.

Do đó, muốn lĩnh-hội được tác-phẩm văn-chương, phải *hiểu* đã mới có thể rung-động được. Tác-phẩm văn-chương thuộc về một ngành nghệ-thuật hoàn-toàn giới-thiệu với tinh-thần, vì bên ngoài, nó không có gì hết. Chỉ là những chữ như trăm nghìn chữ của mọi thứ tác-phẩm. Chính vì vũ-trụ nghệ-thuật trong tác-phẩm văn-chương hoàn-toàn ở trong tinh-thần, nên ta có thể vượt khỏi ngay cả những chữ

viết đã dùng để ghi tác-phẩm đó. Một câu ca-dao, một bài thơ, có thể học thuộc lòng, và khi đã thuộc, không cần nhìn vào chữ nữa.

Ngày xưa, khi chưa có văn-tự để ghi chép đã có văn-chương rồi. Tác-phẩm ở ngay trong óc người thuộc thơ, văn, và mỗi lúc người ta có thể gây dựng lại vũ-trụ nghệ-thuật trong óc mình, một cách âm-thầm, không cần đọc hay ngâm-nga lên. Nghệ-thuật trong văn-chương là một nghệ-thuật có thể thưởng-thức hoàn-toàn trong yên lặng. Bài thơ, văn, trong bản chất nghệ-thuật của nó, không có một vị-trí nào trong không-gian, thời-gian. Tấm tranh, bức tượng, là những tác-phẩm ở một chỗ nào đó trên tường nhà, hay phòng triển-lãm, ngoài công-viên. Nhưng bài thơ, bài văn ở đâu? Nó không ở đâu cả, vô hình, không ở ngay cả trong óc ta như một cái gì luôn có mặt ở đó. Nó chỉ *có* mỗi khi ta nhớ tới, và thể hiện lại bằng tri tưởng-tượng.

Tác-phẩm văn-chương là một tác-phẩm nghệ thuật hoàn-toàn tinh-thần cả trong cách lĩnh-hội lẫn bản-chất nghệ-thuật của nó.

***

Người ta có thể đem so-sánh văn-chương với các ngành nghệ-thuật khác. Sự so-sánh này cho người ta thấy nghệ-thuật gồm những cách biểu-hiện khác nhau, đi từ những hình-thức dựa vào nhiều yếu-tố vật-chất, đến những hình-thức hầu như không dựa vào một yếu-tố vật chất nào. Nói cách khác, nghệ-thuật xuất-hiện qua những tác-phẩm biểu-hiện không thuần-túy tinh-thần đến những tác-phẩm biểu-hiện thuần-túy tinh-thần.

Trước hết, có thể coi kiến-trúc như một ngành nghệ-thuật thực-hiện tình-cảm, ý-nghĩ của con người trong quan hệ với cuộc-đời, người khác, thần-linh ở một mức độ thấp nhất so với các ngành nghệ-thuật khác.

Kiến-trúc dùng những chất-liệu vật-dụng như đất, đá, gạch, ngói, v.v... xây-dựng những lâu đài, đền thờ, dinh thự, khán-đài v.v... theo một hình-thức kiểu-mẫu nào đó. Hình-thức này bày-tỏ một ý-nghĩ tượng-trưng rất khách-quan, vô ngã. Ví-dụ, những đền chùa ở Việt-Nam, Phật-giáo xưa kia thường được xây-dựng theo một kiến-trúc ẩn nấp dưới bóng cây, biểu-lộ một thái-độ tôn-sùng thiên-nhiên, hòa-hợp với thiên-nhiên và những đền thờ kiểu Gothique ở Âu-Châu theo Thiên-chúa-giáo thường mặc những hình-thức vươn lên khỏi làng-mạc, thành-phố như một thái-độ thách-thức thiên-nhiên, muốn chế-ngự thiên-nhiên.

Kiến-trúc cũng còn vay mượn những hình thức của loài vật để biểu-hiện một ý-nghĩa nào đó, như đắp tượng con sư-tử để chỉ-thị sức mạnh hay nhắc tới sự bá-chủ. Những kiến-trúc lâu-đài, con vật (1) tượng trưng là không chỉ-định những ý-nghĩa nhất định, và do đó có thể bao-hàm những ý-nghĩa không rõ rệt

(1) Ở đây là những dấu-hiệu tượng-trưng những nhược-điểm của vật.

Xét về khả-năng biểu-hiện tình, ý con người, nghệ-thuật kiến-trúc chưa đạt tới mức độ diễn-tả một cách linh-động sâu-sắc tình-ý trong cái chủ-quan, cá-biệt của nó; kiến trúc chỉ có thể gợi lên, nhắc tới một tình-cảm ý-nghĩa như một khái-niệm chung: sự tôn-sùng thiên-nhiên, sức mạnh mà không gây được những rung-động cảm xúc rõ-rệt nơi người đứng ngắm đền-đài, tượng hình. Cho nên khả-năng truyền-cảm của kiến-trúc còn rất nghèo-nàn, nói lên được rất ít tình-ý nhân-loại. Sở-dĩ như vậy là vì kiến-trúc chưa tạo được những hình-thức biểu-hiện trực-tiếp, phải vay mượn những hình thức rất xa con người, là những hình-thức của thiên-nhiên, loài vật để biểu-hiện con người. Chính vì dựa vào những hình-thức xa-xôi đó, mà kiến-trúc bị lệ-thuộc nặng-nề những yếu-tố cấu-tạo vật-chất: chất-liệu, khối-lượng không-gian ba chiều. Tác phẩm nghệ-thuật bị qui-định về vật-chất quá nhiều đến nỗi hầu như làm cho hình vật tự nó có một ý-nghĩa nội-tại (con sư-tử là con sư-tử) và nếu có chỉ-thị một ý-nghĩa nhân-loại, thì chỉ là một ý-nghĩa có tính-cách tượng-trưng xa-xôi mơ-hồ...

Đến điêu-khắc, đã tiến hơn được một bậc trong mức độ thể-hiện ý-nghĩa nhân loại. Điêu khắc vẫn dùng những chất liệu gỗ, đá, đất v.v... như kiến-trúc để xây-dựng tác-phẩm nghệ-thuật, nhưng không còn vay mượn những hình-thức của thiên-nhiên, loài-vật để biểu-hiện con người, mà là dùng ngay những hình-thức nhân-loại. Điêu-khắc lấy chính con người là phương tiện biểu-hiện tình-tự, cảm-nghĩ con người.

Ở đây người xem đã cảm thấy gần-gũi hơn với những ý-nghĩ, tình-cảm của con người vì nghệ-sĩ đã lấy chính khuôn mặt, ánh mắt, cử-chỉ tay chân, giáng điệu thân hình của con người làm những hình-thức biểu-hiện.

Nghệ-thuật điêu-khắc đã đưa ta vào sâu hơn đời sống bên trong của con người khi thể-hiện được những hình-thức diễn-tả trực-tiếp tình-ý của con người.

Tuy nhiên điêu-khắc chưa hẳn đưa ta tới nội-tâm, vì những dáng điệu, cử-chỉ, khuôn vẽ, toát ra từ tượng, hình, mới chỉ diễn-đạt một tâm-tình nói chung hay tình cảm vô-ngã của con người nói chung như vẻ oai-nghi của một tượng-thần hay vẻ u-buồn, nhàn-hạ, lem-lũ, hiên-ngang v.v... của những tượng người... Điêu khắc chưa nói lên được oai-nghi, u-buồn ở đây là thế nào.

Trong hội-họa, nghệ-sĩ bớt lệ-thuộc hơn vào yếu-tố cấu-tạo vật-chất. Không còn khối-lượng, không-gian ba chiều. Yếu-tố vật-chất ở đây chỉ là một mặt phẳng. Trên mặt phẳng đó, họa-sĩ bằng mầu sắc, đường nét, có thể vẽ cả một cảnh, một thế giới của con người, do đó nói lên được nhiều hơn cái chủ-quan của nội-tâm con người. Nói cách khác, họa sĩ vẽ con người trong tương-quan với cuộc đời, người khác ở một hoàn-cảnh nào đó, như thế họa-sĩ có điều kiện diễn-tả sâu-sắc linh-động tâm-tình ý-

nghĩa của con người một cách rõ rệt, trực-tiếp hơn.

Cho nên ngay cả khi vẽ một cảnh không người, cũng vẫn có thể gợi cảm-nghĩ mãnh-liệt nơi người xem tranh vì cảnh-vật đó đã được tiếp-thu lĩnh-hội do một dự-định, một chủ-đích của con người. Nó là một cảnh xuất-hiện theo cái nhìn, lối cảm-xúc của con người, Do đó, vẫn hàm chứa một ý-nghĩ nhân-văn, một tình-tự nhân-loại : cảnh *buồn*, cảnh vui, cảnh *ảm-đạm*, cảnh *sơ-sác*, cảnh *nhộn-nhịp*, cảnh *xa-lạ* v.v.., Chính lối nhìn và tình-cảm của người vẽ đã mặc cho cảnh những đặc-tính nhân-loại có khả-năng gợi cảm nơi người xem.

Hội-họa nói được rất nhiều với cảm-xúc nghệ thuật của ta, rung-động ta nhiều hơn là điêu-khắc vì những yếu-tố vật-chất cấu-tạo tác-phẩm ở đây vừa ít đi, vừa bị qui-định chặt-chẽ trong những hình-thức diễn-tả do tinh-thần sáng-tạo.

Đến âm-nhạc, sự lệ-thuộc yếu-tố cấu-tạo vật-chất càng giảm hơn nữa. Nghệ-thuật càng giảm sự lệ thuộc vào yếu-tố cấu-tạo vật-chất bao nhiêu càng gần-gũi con người hơn và do đó chứa đựng nhiều khả-năng rung-động, truyền cảm hơn bấy nhiêu.

Trong âm-nhạc, không còn dùng tới khối lượng, không gian, mặt phẳng, hình-giáng, màu-sắc, chiều sâu, chiều cao, kích thước gì nữa. Chỉ có những âm-thanh vô-hình xuất-hiện và tan biến nhanh chóng, trong những cơ-cấu hòa âm biểu-hiện trực-tiếp hơn cả hội-họa, một tâm trạng buồn, vui, hùng-tráng, nghiêm-trang, nhộn nhịp, êm-đềm... khi nghe một điệu nhạc buồn, lòng người không thể rộn lên buồn theo khả-năng rung-cảm của âm-thanh mãnh-liệt hơn màu-sắc của hội-họa. Nhạc có lời nói thẳng tới tình-ý mà bài ca muốn diễn-tả, ngay cả nhạc không lời cũng vẫn diễn-tả được tình-cảm, cảnh-vật, chỉ bằng cách phối-hợp âm-thanh, nhịp-điệu, nhanh chậm v.v ..

Nhạc là một tác-phẩm nghệ-thuật đã rất « tinh-thần » vì những phương-tiện biểu-hiện của nó đã không còn lệ-thuộc nặng-nề vào yếu-tố cấu-tạo vật-chất.

Bản nhạc là tác-phẩm nghệ-thuật thật-sự không phải là bản nhạc ghi bằng những nốt trên tờ giấy bất-động, nhưng là bản nhạc được trình-diễn và khi trình-diễn, không còn trông thấy, đụng tới nó như một vật ở trong một vị-trí không-gian, thời-gian nhất-định. Nó không ở đâu và lúc nào nhất-định. Nó chỉ *có* khi được trình diễn, và không *có* nữa khi thôi trình-diễn.

Đến văn-chương, không còn dùng những yếu tố cấu-tạo vật-chất nữa như khối-lượng, chiều bề, hình-thù, màu-sắc, âm-thanh, chuyển động. Chỉ có những chữ đưa vào một vũ-trụ hoàn-toàn tưởng-tượng ; ta không còn nghe, xem, thấy gì cả. Khi đọc một tác-phẩm văn-chương, ta phải xây-dựng tác-phẩm trong tinh-thần của ta. Cuốn truyện, tập thơ kia trong thư-viện, tủ sách, xếp cạnh trăm nghìn

những cuốn sách khác, không có dấu gì bề ngoài chứng tỏ nó là một tác-phẩm nghệ-thuật. Nó chỉ là tác phẩm nghệ-thuật khi ta cầm lấy đọc và cấu tạo lại, dựng lại vũ-trụ nghệ-thuật, mà tác-giả đã là người đầu-tiên dựng lên trong trí óc của họ. Văn-chương là phương-tiện biểu-hiện đầy đủ hơn cả nội-tâm và biểu-hiện một cách trực tiếp, không phải dùng tới những hình thức gián-tiếp vay mượn ở thiên-nhiên, sự vật. Để diễn-tả một tình-cảm, ngôn-ngữ, chữ viết có khả-năng nói lên, gọi tên chính tình-cảm đó và hơn nữa còn có thể bày tỏ nó trong muôn vàn cách xuất-hiện của nó.

Cho nên, tất cả những gì là ý-nghĩ, tâm-tình xuất-phát từ đáy lòng người đều có thể bày tỏ, bộc-lộ bằng tiếng nói, chữ viết. Ngôn-ngữ, chữ viết có khả-năng biểu-hiện phong-phú nhứt, vì có thể nói lên được cả những điều không thể nghe bằng tay, xem thấy bằng mắt vì đó là những thực-tại tinh-thần.

Ví dụ: Âm-nhạc có-thể đưa ta vào thế giới bên trong của con người, thể-hiện được tình-cảm, ý-nghĩ, nhưng không thể bày tỏ một quan-niệm sống hoặc diễn-tả một tình-tự là thế nào, do những lý-do nào tạo-thành v.v... một cách rõ ràng như ngôn-ngữ, văn-tự. Trái lại, thơ văn có thể diễn-tả trực-tiếp những điều đó.

Sở-dĩ ngôn-ngữ chữ viết có khả năng biểu hiện trực-tiếp là vì chữ gắn liền với nghĩa — Chữ — Nghĩa — Cho nên vũ-trụ của văn-chương là vũ-trụ những ý-nghĩa. Đi vào văn-chương là trực-tiếp đi vào lãnh-vực ý-nghĩa, không qua trung gian có ý nghĩa tượng-trưng của những yếu-tố cấu tạo vật-chất.

Chính vì vũ-trụ của văn-chương là vũ-trụ ý-nghĩa, nên nó chỉ giới-thiệu với tinh-thần, với óc tưởng tượng, và do đó cũng chỉ có thể lĩnh hội được văn-chương bằng óc tưởng tượng.

Nếu tưởng-tượng là nguồn-gốc, nền tảng của mọi ngành nghệ-thuật từ kiến-trúc đến văn-chương, vì ít nhiều, ngành nghệ-thuật nào cũng phải dựa vào tưởng-tượng để sáng tác hay lĩnh-hội, thưởng-thức, thì văn-chương là ngành nghệ-thuật bao gồm được tất cả những yếu-tố nghệ-thuật đặc-biệt của các ngành khác mà cũng phải dùng tưởng-tượng để sáng-tạo hay lĩnh-hội, như trong thơ có thể tìm thấy điệu nhịp của nhạc, hình ảnh của hội-họa. Văn thơ có thể biểu-hiện được những đặc-điểm cá tính của nhạc, hội-họa mà không cần nhờ tới giác quan, những yếu tố cấu-tạo vật-chất. Óc tưởng-tượng có khả-năng thay thế giác-quan và do đó tác-phẩm văn-chương là một tác-phẩm nghệ-thuật hoàn-toàn « tinh-thần ».

Bielinsky nói : « Thi ca là một ngành nghệ thuật cao. Bất cứ một ngành nghệ-thuật nào khác đều bị giới-hạn bằng những chất liệu dùng để diễn-tả nghệ-thuật đó khi sáng tạo nó. Nghệ-thuật kiến-trúc có thể làm cho chúng ta kinh-ngạc, vì sự hòa-hợp các bộ-phận của nó thành một khối rất đẹp, hay vì hình-thức đồ-sộ,

lớn-lao của nó. Nhưng phương-tiện khêu-gợi tâm-trí của nó chỉ có thể làm đến thế thôi. Lãnh-vực của điêu-khắc rộng hơn, phương-tiện của nó cũng phong-phú hơn kiến trúc : nó bộc-lộ được vẻ đẹp của thân xác con người, diễn-tả được cách biểu-lộ tư-tưởng trên nét mặt người nhưng nó cũng mới chỉ diễn-tả được một khoảng khắc suy-tư của bộ mặt, một dáng điệu của thân-xác mà thôi. Hội-họa có thể bày tỏ toàn-thể con người, ngay cả thế-giới bên trong của tinh-thần nhưng hội-họa cũng bị giới-hạn ở điểm mới nắm được một khoảng khắc của hiện tượng. Âm-nhạc đặc-biệt diễn-tả được nội tâm, tuy những điều nó diễn-tả không tách rời được âm thanh, mà chỉ nói nhiều với tình-cảm, chưa nói được rõ rệt với tri-tuệ. Còn thi ca diễn-tả bằng ngôn-ngữ của con người,mà ngôn-ngữ thì vừa là bản nhạc, vừa là bức tranh, vừa là một quan-niệm rõ-rệt. Cho nên thi ca bao-quát mọi yếu-tố của các ngành nghệ-thuật khác, như thể bao-trùm tất cả những phương tiện diễn-tả riêng biệt của mỗi nghệ-thuật khác ».

Theo Hegel, các ngành nghệ-thuật trình-bày một lịch trình diễn-tiến của tinh-thần tự giác là tinh-thần đi từ những hình-thức thấp kém nhất (kiến-trúc) đến những hình thức cao nhất là văn chơ.

Nghệ-thuật chẳng qua chỉ là những cách thể biểu-hiện khác nhau của tinh-thần, và văn thơ là cách thể biểu-hiện trực-tiếp, sâu-sắc hơn cả vì nó không giới-thiệu với giác-quan như một nghệ-thuật điêu-khắc, kiến-trúc, cũng không giới-thiệu với nguyên tình-cảm, như trong âm-nhạc, mà chỉ giới thiệu với tinh-thần, óc tưởng-tượng, nghĩa là văn-thơ không cần tới những phương tiện vật-chất của thế giới bên ngoài làm trung-gian.

« Kiến-trúc là một ngành nghệ thuật nghèo hơn cả về biểu-hiện ý-tưởng. Điêu-khắc đã phong-phú hơn, trong khi lãnh-vực của hội-họa và âm-nhạc có thể lan rộng hơn nữa.

Càng trừu-tượng hóa những vật-liệu bên ngoài và càng gạt bỏ tính-chất phức-tạp, phiền đa của chúng, càng phong-phú về hình-thức và ý-tưởng diễn-tả. Thi ca thoát khỏi được sự qui-định trội bật của vật-liệu, đến nỗi tính-chất quyết-định những cách thể diễn-tả của nó không đòi hỏi sự hạn chế vào một nền-tảng đặc-biệt nào, hay vào một giới hạn của một quan-niệm biểu-hiện nào.

Nó không bị ràng buộc với bất cứ một hình-thức nghệ-thuật nhất-định nào cả. Nó là một nghệ-thuật phổ-biến, có thể tạo dựng và thể-hiện một đề-tài dưới bất-cứ hình-thức nào miễn là hình-thức đó có thể tưởng-tượng ra được ; và như thế, bởi vì yếu-tố đặc biệt của nó là chính tưởng tượng, cái nền chung của mọi hình-thức nghệ-thuật và của mọi ngành nghệ-thuật riêng biệt » (Mỹ-học, tr. 92-93).

NGUYỄN VĂN TRUNG

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N. $ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại - lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NHÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

Ông Lê-Thành-Phương với Phong-trào Cần-vương tại Phú-Yên (1)

NGUYỄN ĐÌNH-TƯ

LÂU nay, khi nói tới Phong-trào Cần-Vương tại các tỉnh miền Nam Trung phần, các nhà chép sử chỉ chép một cách qua loa là tại các tỉnh Bình-Định, Phú-Yên, Khánh-Hòa và Bình-Thuận, có ông Mai-Xuân-Thưởng lãnh-đạo phong-trào, mà không nêu tên các vị nguyên-soái từng tỉnh, trong lúc đó các vị văn-thân từ Bình-định trở ra được nêu danh rất nhiều, khiến người đọc sử có cảm-tưởng rằng, ghi như vậy chẳng qua muốn làm đẹp lòng nhân-dân các tỉnh Phú-Yên, Khánh-Hòa, và Bình-Thuận, và cũng là để khoa-trương thanh-thế của phong-trào mà thôi, vì ông Mai-Xuân-Thưởng chỉ hoạt động ở Bình-Định và tuẫn tiết ở đó. Nếu ông là người lãnh đạo phong trào tại các tỉnh nói trên, chẳng qua cũng là nói về tinh thần, còn trên thực tế, ai là người đã trực tiếp chỉ huy phong trào kháng Pháp lúc bấy giờ tại Phú-Yên ?

Để giải đáp câu hỏi trên đây, hôm nay chúng tôi xin trình bày bài biên khảo về vị thủ lãnh Cần-vương ở Phú-Yên, nhằm mục đích tỏ lòng biết ơn một bậc tiền bối cách mạng đã vì non sông, dân-tộc mà hy sinh tính mệnh dưới lưỡi gươm quân thù, đồng thời để góp thêm tài liệu cho các nhà chép sử về phong trào Cần-vương tại miền Nam Trung-phần.

Vị thủ lãnh ấy là ông LÊ-THÀNH-PHƯƠNG, thường gọi là ông TÚ PHƯƠNG.

Ông Lê-Thành-Phương sinh năm Ất-Dậu (1825), quán tại làng Mỹ-Phú, tổng An-Vinh, nay là xã An-Hiệp, quận Tuy-An, tỉnh Phú-Yên. Ông sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, chuyên sống về nông nghiệp.

Thuở nhỏ, ông theo đòi bút nghiên với một ông đồ ở trong làng, sau ra

tinh tập văn với ông Điển-học Đinh-Xuân-Trạc. Năm Ất-Mão (1855), đời vua Tự-Đức, ông thi đậu Tú-tài tại trường thi Huế. Năm ấy ông 30 tuổi.

Tám năm trước năm ông thi đậu, tức năm Đinh-vị (1847) đời vua Thiệu-Trị, Pháp bắn phá cửa Đà-Nẵng, báo trước một giai đoạn lịch-sử đen tối của Tổ-quốc Việt-Nam, và gieo vào tâm-hồn sĩ-tử nước nhà lúc bấy giờ một mối xúc-động sâu xa. Vì lẽ đó, sau khi đã đậu được Tú-tài cho bõ công mấy chục năm đèn sách, ông Lê-Thành-Phương trở về quê sống cuộc đời ẩn-dật, nhìn xem cuộc thế xoay vần ra sao.

Tiếp đó là những tin chẳng lành, từ Nam ra từ Bắc vào, dồn-dập đến với ông, càng nung nấu thêm trong lòng ông mối căm-thù thực-dân, và oán-hờn lũ chó săn bán nước cầu vinh.

Nào là quân Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ, ông Phan-Thanh Giản uống thuốc độc tự-tử và ba tỉnh miền Tây cũng rơi vào tay Pháp. Nào là quân Pháp đánh phá thành Hà-Nội, ông Nguyễn Tri-Phương bị thương, không cho địch băng bó và nhịn đói mà chết, rồi tiếp ông Hoàng-Diệu tuẫn-tiết theo thành, và sau đó quân Pháp chiếm đóng toàn xứ Bắc-Kỳ. Nào là việc Triều đình Huế ký hiệp-ước năm Quý-mùi (1883) và năm Giáp-thân (1884) nhìn nhận nền đô-hộ của thực-dân Pháp.

Bấy nhiêu tin-tức đã làm cho ông Lê-Thành-Phương sôi-sục căm-hờn. Ông thường lui tới các vị khoa-cử và nho-sĩ trong vùng như cử-nhân Nguyễn-Văn-Thành, khoa-sinh Bùi-Giảng ở hạt Tuy-An, ông Nguyễn-Hào-Sự ở hạt Đồng-Xuân v.v.., để luận đàm quốc-sự. Tuy bấy giờ mấy ông chưa có ý thức thành-lập đảng, nhưng cũng đã thề cùng nhau hiệp lực đánh Pháp cứu dân cứu nước.

Giữa lúc đó, tại Huế xảy ra biến-cố năm Ất-dậu (1885), vua Hàm-Nghi bỏ kinh-thành chạy ra Quảng-Trị hạ chiếu Cần-vương, gởi đi khắp các tỉnh trong nước: kêu gọi sĩ-phu đứng dậy chống giặc.

Bấy giờ có ông Nguyễn-Hiệu (2) ở Quảng-Nam tiếp được chiếu Cần-Vương, liền đứng ra lập Nghĩa-hội do ông làm Hội-trưởng, rồi cho người đi khắp các tỉnh miền Nam Trung-kỳ vận-động phong-trào, liền được các bậc văn-thân sĩ-tử khắp nơi hưởng ứng nhiệt-liệt. Tại Bình-Định có các ông Mai-Xuân-Thưởng, Bùi-Điền, ở Phú Yên có các ông Bùi-Giảng, Lê-Thành-Phương, Nguyễn-Hào-Sự v.v...

Ông Bùi-Giảng tự xưng là Tổng-trấn, kéo quân tới chiếm đóng tỉnh thành tại thôn Tân-Thịnh tức Vũng-Lắm, nay thuộc xã Xuân-Thọ quận Sông-Cầu, còn ông Lê-Thành Phương tự xưng là Tổng-Thống quân-vụ đại-thần, đóng quân tại đèo Quán-Cau, nay thuộc xã An-Hiệp, quận Tuy-An, có người con thứ tư tên là Lê-Thành-Bính làm Hữu tham-quân. Ông tổ-chức lễ tế cờ tại núi Phú-Điềm ở Hòa-Đa là một hòn núi mà trên đỉnh rất bằng, có thể tập-hợp hàng ngàn người. Tại các xã trong tỉnh, các nhà phú-hữu ái-quốc cũng tự-lực cánh-sinh, chiêu-mộ nghĩa binh, gọi là các quan Thứ-Xá, đóng rải-rác nhiều nơi.

Bấy giờ bọn Pháp chưa dám đổ bộ, chỉ dùng tàu thủy chạy qua lại dọc theo bờ biển, thấy chỗ nào khả nghi lại nã đại-bác vào. Nghĩa quân đặt thần-công trên các

đỉnh núi gần bờ, cũng bắn trả rất oanh-liệt, gây cho Pháp nhiều thiệt-hại.

Người ta kể lại rằng, nhân thấy quân Pháp chưa đổ bộ, ông Phan-Quang-Nhụ, một cộng-tác-viên của ông Tú-Phương, có làm một bài tứ tuyệt như sau :

Qua làm chi đó chú Tây ôi?
Giải đất Nam-Châu có chủ rồi.
Sớm bảo đem thân về Phú-Lạng (3)
Anh hùng nát ruột thế không thôi.

Khi ngâm bài thơ ấy cho ông Tú-Phương nghe, liền bị ông đập bàn la rầy om-sòn, bảo câu kết như vậy thì sui lắm, « anh-hùng nát ruột » thì còn mong gì nữa.

Sau khi được lệnh, quân Pháp đổ bộ. Tuy bấy giờ lực lượng của nghĩa quân Cần Vương chỉ nhờ vào tấm trung-can của mọi người, chứ khí-giới không có gì đáng kể, trừ lực-lượng của ông Bùi-Giảng nhờ đánh chiếm được tỉnh thành, lấy được nhiều súng ống, thế mà thực-dân đánh dẹp mãi vẫn không xong. Nhiều trận ác-chiến đã diễn ra đôi bên. Quân của ông Bùi-Giảng đánh một trận cuối cùng tại cánh đồng Hảo-Danh, rồi rút lui lên vùng La-Hai. Còn quân ông Lê-Thành-Phương đánh một trận cuối cùng tại Cầu Đá thuộc Quán Cau, gây cho Pháp nhiều thiệt-hại, nhưng cuối cùng sức người và gươm giáo không thể chống nổi đại bác súng-trường của thực-dân, ông bị hua to, đem tàn quân chạy lên mạn Cũng-Sơn định tổ-chức đánh du-kích. Vừa lúc đó, Pháp cử tên Việt-gian bán nước Trần-Bá-Lộc, người Nam-Kỳ ra làm Tổng-đốc Bình-Phú-Khánh-Thuận với một đội lính khố xanh để đàn-áp nghĩa quân Cần-vương.

Trần-Bá-Lộc rải quân đóng giữ các nơi, còn chính y đóng đại bản-doanh tại vùng Ngân-Sơn, triệt đường tiếp-tế của nghĩa quân, cũng giống như kế-hoạch của tên Việt-gian Nguyễn-Thân đã áp-dụng để bao-vây nghĩa quân của cụ Phan-Đình-Phùng tại núi Vũ-Quang tỉnh Hà-Tịnh. Mặt khác y viết thư cho người mang lên chỗ ẩn-nấp của nghĩa quân để kêu gọi các bậc văn-thân ra hàng Pháp và hứa hẹn sẽ để bạt với quan thầy thực-dân.

Tiếp được giấy chiêu hàng của Trần-Bá-Lộc, ông Bùi-Giảng mang tất cả bộ-hạ ra hàng. Nhờ khi đánh chiếm tỉnh thành, ông ta lấy được một số công quỹ khá lớn, nên dùng của ấy đút lót cho Trần-Bá-Lộc và xin làm con nuôi của y, liền được y nhận lời, và để bạt với thực-dân, được thực dân cho làm chức ký-lục tại Sông-Cầu.

Nhờ tài bợ-đỡ quan thầy, và nhất là được tên Việt-gian Trần-Bá-Lộc nâng đỡ, chỉ 6 tháng sau, ông Bùi-Giảng được bổ đi Tri-huyện rồi thăng Tri-phủ, lên đến Tổng-đốc Bình-Định. Từ một thân khóa-sinh tầm thường nhảy tọt lên đến chức đầu tỉnh, nếu không phải do tài nịnh bợ thực dân, thì thử hỏi làm sao mà đạt được. Khi quay về đầu hàng thực-dân, ông Bùi Giảng đổi tên là Bùi-Tử-Quảng. Do đó, ta có thể nói rằng Bùi-Giảng là một chiến sĩ Cần-vương, mà Bùi-Tử-Quảng là một tay sai đắc-lực của thực-dân, hãm-hại đồng-bào không phải ít. Bằng cớ là năm Mậu-thân (1908) khi phong-trào kháng sưu ở Bình-Định bị thất bại, Bùi-Tử-Quảng đang làm Tri-phủ Tuy-Phước, đã thẳng tay tra-tấn, đánh đập rã tàn nhẫn những người Việt-Nam

yêu nước, để làm đẹp lòng quan thầy Pháp.

Còn ông Lê-Thành-Phương trước sau vẫn một dạ trung-thành với Tổ-quốc, giữ vững lời thề với quốc-dân, nhất quyết không chịu ra hàng giặc. Bấy giờ tên Trần-Bá-Lộc cho bắt vợ con ông giam giữ để lay chuyển lòng ông, nhưng ông vẫn không hề nao núng chí. Cuối cùng Trần-Bá-Lộc treo giải thưởng cho ai bắt được ông, nên ông bị tên chánh-tổng Hòa-Bình là Đặng-Trạch đánh lừa bắt nạp cho giặc.

Chúng giam ông tại Hàng Dao, nay thuộc thôn Hội-Tín xã An-Thạch, cho ông ăn uống tử-tế và dùng lời ngon-ngọt dụ ông đầu hàng. Ông cương-quyết không chịu. Ông đã khẳng-khái nói thẳng vào mặt tên Việt-gian Trần-Bá-Lộc câu bất hủ sau đây: « Ninh thọ tử, bất ninh thọ nhục », nghĩa là thà chịu chết, chứ không thể chịu nhục. Sau bảy ngày trời dụ-dỗ, bọn Trần-Bá-Lộc không tài nào lay chuyển nổi tấm lòng ái-quốc sắt đá của ông, nên ra lệnh xử tử ông.

Ngày 28 tháng giêng năm Đinh-hợi (1887), tại bến đò Cây Dừa thuộc thôn Phương-Lựu xã Ngân-Sơn, phủ Tuy-An, nhà anh-hùng ái-quốc Lê-Thành-Phương đã hiên-ngang và oanh-liệt ngửa cổ đón lấy lưỡi gươm quân thù, giữ trọn khí-tiết của bậc nho-sĩ chân-chính, trước sự thán-phục của đối-phương, và trước sự ngậm-ngùi thương tiếc của đồng-bào Phú-Yên. Ông thọ 62 tuổi. Trước khi chết, ông còn nói với bọn giặc rằng: « Bọn bay giết tao rồi thì giết luôn cả thằng con thứ tư của tao, nếu không nó cũng chặt đầu bọn bay ».

Sau khi ông chết, đầu bị bêu ở cây da chợ Chiều xóm Gò cũ ở làng Mỹ-Phú là nơi quê nhà của ông. Còn thân thì được con cháu đem quàn tại nghĩa-trang của người Hải-Nam ở thôn Bình-Hòa xã An-Dân bây giờ. Sau 20 ngày, chúng mới chịu cho đem thủ-cấp về chôn chung với thân. Con cháu và dân làng đã đưa thi-hài ông tới táng tại một gò núi thuộc đèo Quán-Cau là nơi ông đóng quân trước kia, từ đường Quốc lộ số 1 đi lên độ một cây số. Ngày nay phần mộ đã được sửa-sang chu-đáo.

Người con thứ tư của ông là Lê-Thành-Bình, sau khi được tin cha bị bắt và bị giết liền cùng mấy tên quân thủ túc theo đường xuyên sơn, định trốn qua Hạ-Lào mưu tính việc lâu dài. Chẳng dè, khi đi qua đồn Vàn-Hòa thuộc quận Sơn-Hòa, bị Pháp đánh úp, bắn trọng thương. Nhờ có quân thủ túc mang chạy thoát, không để cho địch bắt sống, rồi đưa ông về nhà, được 5 hôm sau thì ông mất, nhằm ngày mồng 3 tháng 2 năm Đinh hợi (1887), hưởng thọ 32 tuổi. Mộ phần của ông cũng được táng bên cạnh mộ phần ông Tú-Phương.

Sau khi cha con ông Lê-Thành-Phương chết, phong-trào Cần-Vương ở tỉnh Phú-Yên cũng tan-rã theo. Các quan Thứ-Xá, người thì nơi gương tuẫn tiết như các ông Nguyễn-Hoa-Sự, Võ-Thiệp, người thì ra hàng cho được yên thân, kẻ thì bị bắt và bị tù tội. Tuy công cuộc kháng Pháp ở đây không sôi-nổi, vĩ-đại bằng những nơi khác, nhưng ông Lê-Thành-Phương và dân-chúng Phú-Yên cũng đã góp phần đáng kể vào trong sử Cần-Vương của nước nhà.

Sống trong cảnh sung-túc mà chịu đem thân ra làm cách-mạng để chuộc lấy cái chết là điều rất khó. Làm cách-mạng chỉ với

tấm trung-can và cây gươm ngọn giáo mà dám chống với vũ-khí tối-tân của giặc, lại là điều đáng phục. Nhưng điều đáng phục hơn hết khó làm hơn hết là việc giữ vững chí-khí, thất bại không nản, khó-khăn không sờn, không để cho cường-quyền uy-hiếp, không để cho danh lợi mua chuộc. Kẻ anh hùng ra giúp nước, nếu không thành công thì chỉ lấy cái chết để đền đáp tấm lòng kỳ-vọng của đồng-bào mà thôi. Cha con ông Lê-Thành-Phương thật quả đã xứng là những bậc anh-hùng, tên tuổi đáng được xếp chung một danh-sách với các vị anh-hùng Cần-Vương Mai Xuân-Thưởng, Nguyễn-Hiệu, Phan-Đình-Phùng v.v...

Nhưng than ôi, tên tuổi của cha con đã bị thời gian làm lu mờ. Sự-nghiệp của cha con ông đã bị chôn vùi dưới ba thước đất, họa chăng chỉ còn lưu lại trong ký-ức của con cháu mà thôi. Năm 1956, nhân dịp kỷ-niệm Quốc-Khánh đầu tiên và ban hành Hiến-pháp, theo chủ trương chung, chính-quyền tỉnh Phú-Yên có cấp một số tiền để sửa-sang phần mộ, và tuyên dương công-trạng của các ông trong một buổi lễ. Nhưng chỉ như vang bóng một thời, bóng câu qua cửa sổ, hòn đá ném xuống mặt nước, sau đó không còn ai nhắc nhở tới nữa, thậm chí trong một cuộc hội họp để đặt tên cho các con đường tại thị-xã Tuy-Hòa, người ta đã quên hẳn tên ông Lê-Thành-Phương!

Hôm nay, đốt nén hương lòng hướng về dĩ-vãng tôi ghi lại đây tên tuổi và sự-nghiệp của bậc anh-hùng Cần-vương tỉnh Phú-Yên để đồng-bào trong toàn quốc cùng biết, gọi là tỏ lòng biết ơn bậc tiền-bối cách-mạng vậy.

NGUYỄN-ĐÌNH-TƯ

---

(1) Tài-liệu dùng để viết bài này phần lớn do người cháu 4 đời của ông Lê-Thành-Phương là ông Lê-Thành-Thao cung-cấp. Tác-giả xin có lời cảm ơn.

(2) Có nơi chép là Nguyễn-Duy-Hiệu.

(3) Phú-lạng-sa tức phiên âm chữ La France là nước Pháp.

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO

hãng ngày các bạn hãy đọc

***nhật báo* TỰ-DO**

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TỰ-DO

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de 80.000.000 N. F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM

135, *Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ*
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Dudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35 601

P.O. Box nº 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 siéges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F., A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, a Djibouti, à Addis-Abeba (Bur au de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; a Panama (Panama Trust Co. Inc.)

Nhân coi phim vụ án Nuremberg

TRẦN-THÚC-LINH

« Vụ án Nuremberg » được chiếu ở Thủ-đô đã hấp dẫn một số khán giả kỷ lục : cho đến ngày chót, không xuất nào, rạp chớp bóng không đầy nghẹt người coi.

Các chuyên viên điện ảnh được dịp nhận xét kỹ-thuật quay phim ít dùng đến ngoại cảnh. Các nhà đạo đức tha hồ mà luận bàn về lễ xuất xử, nghĩa hành tàng Người chót đã mang học luật cảm thấy hình thành một hướng mới trong ngành hình luật và không khỏi nghĩ đến việc cải thiện tổ chức cùng thủ tục hình sự nước nhà

Trước hết ta thấy những nguyên tắc cố hữu của hình luật hầu như bị phá vỡ vì không còn thích nghi với hoàn cảnh hiện tại mà sự liên đới quốc tế ngày càng chặt chẽ.

Với quan-niệm « chủ quyền quốc gia », người ta không quan niệm được việc đưa những nhà cầm quyền một nước ra xét xử trước một tòa án quốc tế. Nhưng lúc này các quốc gia lớn hay nhỏ không thể cô lập được, nên đều phải hy sinh một phần chủ quyền mà gia nhập những tổ chức quốc tế và chịu chung một trật tự quốc tế. Các luật lệ quốc gia thường trù liệu những trường hợp đặc miễn tài phán cho vị quốc trưởng, cho các tổng trưởng, cho các nghị sĩ cho các thẩm phán v.v... Hình luật quốc tế không chấp nhận các đặc quyền ấy. Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật không biết một ngoại lệ nào. Dù vua, dù quan, dù áp dụng luật lệ hiện hành, dù chỉ thi hành mệnh lệnh cấp trên, nếu xét ra những hành vi ấy phạm đến hòa bình, đến nhân quyền... đều bị đưa ra xét xử. Điều 3 hiệp ước Washington ngày 6-2-1922 về việc sử dụng hơi ngạt đã nói rõ « dù tuân lệnh cấp trên » cũng bị trách nhiệm hình sự. Điều 227 hòa ước Versailles đã buộc tội vua Guillaume II de Hohenzollern. Và

trong vụ án Nuremberg, tổng trưởng Tư Pháp Janning cùng các thẩm phán bị đưa ra xử đã bị kết án tù chung thân (1).

Nguyên tắc « ai làm nấy chịu » cũng hóa lỗi thời vì chỉ việc gia nhập một tổ chức hay một đoàn thể nào sau này Tòa-án xét ra có tội cũng bị kết án. Tòa-án Nuremberg cho các đoàn thể như đảng Quốc-Xã, tổ chức Gestapo (Geheime Statspolizei), S.S. (Schutzstaffeln du Nationalsozialistischen Deustchen Arbeiterpartei)... là những tổ chức phi pháp ; riêng việc gia nhập các tổ chức ấy đã là một tội, chưa kể những tội khác phạm phải khi tham gia vào một công tác chung nào. (2)

Nguyên tắc muốn trừng phạt phải có sẵn luật lệ dự liệu tội trạng và hình phạt cũng bị rạn nứt rất nhiều. Không cần phải có những luật lệ cấm đoán một hành vi nào ; tòa án có thể căn cứ vào các hiệp ước, vào tục lệ, vào những nguyên tắc quốc tế, những lý lẽ nhân đạo, vào cả lương tâm quần chúng mà xét xử. (3) Hơn nữa luật lệ có cả hiệu lực hồi tố và được giải thích rộng rãi ; lý luận suy diễn cũng được chấp nhận. Cho nên các tòa án ở Pháp đã coi việc phạt vạ chung là một hành vi trộm cướp, việc bắt dân phu làm xâu là một hành vi giữ người trái phép, việc giam người trong phòng ngạt là tội đầu độc, việc bắn để thị uy là tội mưu sát, việc gia nhập đoàn thể quốc xã là tội gian nhân hiệp dâng... (4)

Các nguyên tắc ấy dần dần được du nhập vào luật lệ quốc nội. Sắc lệnh ngày 28-8-1944 của Pháp, luật ngày 2-8-1948) của Lục-Xâm-Bảo, luật hiến pháp của Tây-Đức (23-5-1949) còn mang nhiều dấu vết đó. Đoạn 11 luật căn bản ngày 19-3-1956 của Tây-Đức nói rõ : « Các binh sĩ phải tuân lệnh cấp trên, phải thi hành lệnh trên tức khắc, hết sức và hoàn toàn. Tuy nhiên không can tội bất tuân lệnh trên nếu xét ra lệnh này xâm phạm nhân phẩm con người hay không thực hiện mục-đích công vụ. Bị cấm chỉ không được tuân theo một lệnh mà sự thi hành sẽ đưa đến một tội tiểu hình hay đại hình » (5)

Nếu tôn trọng những quyết định của Hội-đồng Liên-hiệp quốc, các nước sửa đổi luật quốc nội cho phù hợp với nguyên tắc được quốc-tế chấp nhận, các luật điển hiện hành phần lớn hóa lỗi thời. Nhưng đó là chuyện xa xôi. Gần ta hơn là việc cải thiện thủ tục hình sự cho giản dị hơn, công bằng hơn.

---

(1) Glaser — l'acte d'Etat et le problème de la responsabilité individuelle. Rev. pénale Octobre 1950 p. 1 et 5.

(2) Qui chế Tòa án Nuremberg đ. 11. Qui chế Tòa án Tokyo đ. 10

(3) Préambule IVe Convention de la Haye « les populations et les belligérants restent sous la sauvegarde et sous l'empire des principes du droit des gens, tels qu'ils résultent des usages établis entre les nations civilisées, des lois de l'humanité, et des exigences de la conscience publique »

(4) Glaser. La méthode extensive d'interprétation et le raisonnement par analogie doivent être reconnus comme valables en matière d'infraction internationales » p. 54.

(5) « Le soldat a le devoir d'obéir à ses supérieurs. Il doit exécuter leurs ordres de toutes ses forces, complètement, consciencieusement et immédiatement.

Il n'y a pas désobéissance lorsque un ordre n'est pas exécuté parce qu'il viole la dignité des hommes ou ne poursuit pas des buts de service.

Il est interdit de suivre un ordre dont l'exécution entraînerait l'accomplissement d'un crime ou d'un délit ».

Phim « Vụ án Nuremberg » đã tuyên truyền một cách kín đáo cho nền tư pháp Mỹ quốc, cho tính cách độc lập của thẩm phán Mỹ. Nhưng dầu sao ta cũng nhận thấy tác phong của Dan Haywood hồn nhiên hơn, không khí ở phòng xử giản dị hơn, thủ tục vấn đáp công bình hơn.

Khi ta thấy ông tòa Dan Haywood bám vào xe điện, ăn bánh ở một quán bên đường, lui tới các phòng trà, tham dự các dạ hội, thăm viếng cả vợ một chiến phạm và nghĩ đến những định-lệ danh dự buộc người thẩm phán Pháp ngày xưa phải hạn chế mọi giao du, phải có xe ngựa, phải mũ cao áo dài đi từ nhà đến pháp đình ta không khỏi ngậm ngùi khi thấy ở nước nhà còn có người muốn thẩm phán phải sống một cuộc đời tu hành khắc khổ trong một tháp ngà. Có lợi gì cho công lý chăng ? Hay không hiểu những biến chuyển của thời cuộc, thực trạng của xã-hội, thẩm phán thường áp dụng luật lệ một cách máy móc ?

Riêng về phẩm phục, nếu ta rõ từ cái mũ cối đến cái áo dài tay rộng, đen hay đỏ, với những lông chồn của thẩm-phán Pháp đều là mũ áo của các nhà Vua Pháp ngày xưa ban cho các quan tòa để thể hiện ý-nghĩa thay vua mà xử án (6), ta không khỏi thắc mắc lẽ nghi ấy có thể phù hợp với một xứ nóng, với một chế độ mà đường lối là bài phong diệt thực không ?

Về thủ tục áp dụng trước Tòa, đáng lẽ áp dụng đúng đắn các điều 151 và 190 Hình sự tố tụng hiện hành, phải là một thủ tục cáo tố. Vị chánh thẩm tới Tòa, không coi hồ sơ trước, không có một tiên kiến gì. Công tố viện tóm tắt vụ án, cho lục sự đọc các biên bản, trình Tòa các tang vật, rồi cật vấn bị can, hỏi cung chứng nhân để đưa ra những bằng chứng buộc tội. Bị can có quyền đưa ra mọi tài liệu, nại ra các chứng nhân, hỏi lại trước Tòa để đem lại những phản chứng. Vị chánh thẩm, bình thản, nghe bên buộc tội, nghe bên gỡ tội, rồi vô tư quyết định.

Luật lệ còn đó rõ ràng mà không hiểu vì lý do gì thủ tục mất hẳn tính cách cáo tố, tuy cuộc thẩm cứu, được công khai và vấn đáp. Vị chánh thẩm coi trước hồ sơ, cật vấn bị can, lấy lời khai chứng nhân, lắm khi còn hò hét rầy la bị can hoặc chứng nhân khi thấy lời khai không phù hợp với biên bản cảnh sát hoặc vi bằng dự thẩm. Còn đâu là sự bình thản để cân nhắc lý lẽ của hai bên công tố và bị can ? Trong phim « vụ án Nuremberg » ta thấy một cách rõ ràng bị can và công tố hoàn toàn bình đẳng, chánh thẩm là hiện thân của sự vô tư.

---

(6) M. Rousselet — Histoire de la magistrature française. P. 322.

L'habit des magistrats est le même que celui du Roi. On matérialisait ainsi le principe suivant lequel la Justice est l'attribut essentiel des souverains, et lorsque le Roi délègue aux Magistrats le soin de la rendre, ceux-ci doivent avoir le même habit que lui.

A. Duchesne — « L'habit de M. M. les Présidents estoit le vray habit dont estoient vêtues leurs Majestez » les souverains donnaient leurs costumes aux magistrats.

Les parlementaires revêtaient d'abord une robe noire comparable à une soutane, appelée simarre. Celle-ci était recouverte d'une robe à longues et larges manches de couleur rouge pour les cérémonies et noire pour l'usage journalier. Au-dessus, les hauts magistrats revêtaient le manteau de pourpre bordé d'hermine.

Ngày 31-5-1946. Khi khai mạc Tòa án quốc tế Nuremberg, vấn đề thủ tục cũng đã được thảo luận kỹ càng. Anh, Mỹ chủ trương thủ tục cáo tố, Pháp, Nga chủ trương thẩm cứu công khai và vấn đáp. Sau rốt giáo sư H. Donnedieu de Vabres, đại diện của Pháp phải công nhận thủ tục cáo tố dễ phát huy sự thực hơn (7)

Không cần phải dùng những danh từ dao to búa lớn, nếu quyền buộc tội và quyền bào chữa được đặt ngang hàng, nếu vị chánh thẩm giữ được nhân hậu vô tư, nền tư pháp đó tôn trọng giá trị siêu việt của con người.

Hẳn có người trách : Khi Pháp trao trả chủ-quyền tư pháp, nhà cầm quyền Việt-Nam lúc đó thấm nhuần thủ tục của Pháp nên thường sao lại nguyên văn luật lệ của Pháp ; ngày nay hễ thấy một tổ chức khác đã vội cho là hay ; thái độ nào cũng thiếu tinh thần độc lập. Kẻ viết những dòng này mong mỏi được thấy một giải pháp độc đáo phát xuất nơi những khối óc không bị uốn nắn sẵn trong một khuôn sáo nào. Đó là nhiệm vụ của những chiến sĩ phát huy một nền văn minh mới trong một xã hội mới.

TRẦN-THÚC-LINH

(7) H. Donnedieu de Vabres — Le Procès de Nuremberg — « Le système accusatoire a favorisé la liberté d'expression et donne aux débats le caractère contradictoire qui convient le mieux à la manifestation de la vérité ».

Rev. sc. crim. et dr. pénal. comp. 1947. pp. 176 seg.

XIN GIỚI THIỆU VỚI BẠN ĐỌC BÁCH-KHOA

THỜI BÁO

tờ báo của mọi gia đình

Độc giả đón coi cho kỳ được

BÚT-HOA xuân 1963

— Một tập báo Xuân lộng lẫy giá trị về văn chương và nghệ thuật.
— Nơi tập trung nhiều nhà văn quen thuộc danh tiếng trong làng văn bút Thủ Đô.
— Một tập báo không thể thiếu trong mọi gia đình người Việt-Nam

Đón đọc BÚT-HOA Xuân sẽ đem đến các bạn một nguồn vui tươi thích thú . . .

CỎ MAY

Trần-huiền-ân

Ngày xưa, thuở chúng mình còn thơ ấu...
Lớp học trường làng hai đứa ngồi bên...
Lúc thầy bận, anh đưa tay nhẹ cấu
Tôi giật mình và ngước mắt nhìn lên...

Trên lòng quyết có đôi chim se-sẻ
Mượn lối đầu vách trống để ra sân.
Thầy vẫn bận, cho nên câu chuyện khẽ
Về đôi chim mỗi lúc lớn thêm dần...

Thầy quắc mắt, anh xoay người lại kịp,
Tôi mãi vươn mình chỉ trỏ đôi chim ;
Mặt bảng thét tiếng thước thầy gõ nhịp :
« Ghi trò Ân hai điểm xấu, ngồi im ! »

Tôi khép nép, nửa muốn hờn bật khóc
— Tuổi học trò điểm xấu nặng bằng non —
Nửa muốn đứng đậy : — « Thưa thầy... trò Ngọc...
Trò cũng cười, cũng nói chuyện như con ..»

Nhưng tôi cứ ngồi im. Chiều xồ trống
Lủi thủi về. Anh đến sánh vai tôi ;
Mặt trời ẻn lặn, xô hai chiếc bóng
Cao lêu nghêu chậm rãi lướt men đồi...

Anh tỉ tê mừng, nhờ tôi khỏi phạt ;
Rồi lựa lời an ủi bạn không vui
Ta quên bẵng đồi cỏ may bát ngát :
Bông li ti găm trắng ngập ngang đùi !

Bỗng chợt thấy, cả hai liền vứt sách
Bên vệ đường cặm cụi nhổ bông may.
Đến nhà muộn, mẹ anh hiền chẳng trách,
Còn tôi .. hoen nước mắt : bị cha rầy !

Sau buổi đó, làng quê un khói đạn,
Mái trường thân ngon miệng lửa xâm lăng.
Tám chín năm trời, bao nhiêu tự tán ?
Tôi trở về, đơn lẻ một thân băng !

Lớp học trường làng thay màu ngói đỏ,
Tôi thay thầy chăn dắt đám em ngoan...
Kỷ niệm cũ, nay vun trồng lại đó :
Anh ở đâu ? Lòng có gửi mây Hàng ?

Anh ạ ! Mỗi lần nhìn đôi chim sẻ,
Mỗi lần qua đồi lút ngập bông may,
Tôi nghĩ đến chúng mình khi tấm bé
Càng yêu nghề, mến lũ trẻ thơ ngây...

T. H. Ã.

ngoại đạo

Trần-Đại

Đè nỗi buồn lan dưới mặt trời
Bỗng dưng em chiếm mất hồn tôi
Khơi lên dấu tích tội ngoài đạo
Làm cách xa em như biển khơi

Cho hờn hận tôi mọc lớn dần
(Em là đôi mắt của Abel)
Thói quen nổi loạn phường du tử
Nguyên tội tôi còn thể xác Caïn

Ôi nụ cười môi tượng lung linh
Soi đêm về lễ em hồn nhiên
Từng hàng thánh giá vươn cao vút
Tim óc tôi đầy lửa giáng sinh

Úp thánh kinh vào nửa mặt — khi
Lời ăn năn thắp sáng sao khuya
Tình yêu huyết quản loài vô đạo
Thượng đế ! Tôi xin được vỗ về !...

T. Đ.

✕

sinh nhật

Tường-Linh

Người con trai ấy lớn lên
Hờn gươm chiến quốc đè trên cuộc đời
Buồn trông vật đổi sao dời
Mười lăm năm sống trùng khơi vẫn gào

Mây đèo thác núi xôn xao
Tay gươm tay súng tay nào vẫy Em
Xa chiều trăng rụng bên thềm
Vàng bay ngõ cũ đau niềm từ ly

Người con trai ấy ra đi
Phong ba nếp trán hàng mi lạnh lùng
Ngẫn ngơ nhập tiệc quần hùng
Gió lay thức mộng lửa bùng cháy thơ

Hỏi bây giờ là bao giờ
Mắt cay còn vướng sương mờ biển dâu
Lời câm ngăn tiếng nguyện cầu
Tóc bồng xưa đã phai màu tuổi xanh.

12-12-62

T. L

lời nguyện ra khơi

HỮU-PHƯƠNG

căng gió ra đi vui bờ bến lạ
ráng chân trời hứa hẹn những vầng mây
bao nhiêu sắc bao nhiêu lời gắn bó
đẹp ngày về sự nghiệp nằm đầy tay

trong giây phút lạc loài dâng khắp nẻo
biển oan thù gươm sóng tợ đao binh
tuổi chúng con bỗng dưng thành thơ dại
trước bao la ôi ! bé nhỏ niềm tin

nhưng Thượng đế người trọn quyền sai khiến
chúng con là kẻ thuộc những đoàn viên
với mảnh thuyền đầy suốt đời vượt biển
vạn người thương cho gió thuận mây hiền

tình phụ tử vẫy vui sau bão tố
nghĩa vợ chồng đoàn tụ buổi mưa giông
kẻ vốn mưu sinh nhọc nhằn bể khổ
người rộng tay bỏ thì những nguồn ân

sinh mệnh chúng con trong tay Người Thượng-đế
xin tình thương che chở lúc gian nguy
chúng con cần phù trợ bởi đôi khi
hồn yếu đuối không còn tin ở Chúa

những lúc trời yên như khi sóng bủa
xin Người ban vững chắc một niềm tin
khát vọng bao la hồn con bé nhỏ
trong tay Người con ước mãi bình minh

H. P.

(Trích *Tâm sự người đi biển*)

DOÃN-QUỐC-SỸ

Ác mộng

1 | Ngày thứ bảy đầu tháng, hai giờ chiều. Tháng mười một, mùa mưa Sài-Gòn đã hết, cơn mưa này ở đâu lạc loài tới ? Sau giấc ngủ trưa, đứng dậy nhìn thấy khoảng tráng xi-măng bên ngoài ướt bóng, các chậu cây vạn niên thanh, lá lưỡi hổ, hoàng mai ướt dầm, Hiển mới biết là trời đã mưa trong khi chàng chợp ngủ. Hiển kéo nghế ngồi xuống bên cửa sổ. Giấc ngủ phải nặng nề lắm nên mưa nhiều thế mà chàng không hề hay biết chi cả.

Trời tối xầm và lại bắt đầu mưa, mưa rất mau và nhỏ hạt, gió thổi lộng từng đợt phút chốc giọt giành đổ xuống . . . đổ xuống . . lớn dần, rộn rã dần. Đường mưa êm nhẹ, nhỏ tăm tắp, đôi lúc rối loạn bởi đợt gió tới, đường mưa đan lát thành tấm lưới mênh mông mà giọt giành là những dây rợ lớn làm sườn lưới. Gió tiếp tục từng đợt ào tới ghê ghê. Cảm thấy những đầu ngón tay lạnh hẳn Hiển nắm chặt ủ chúng trong lòng bàn tay, đôi bàn chân cũng lạnh lắm giá đi đôi bít tất vào thì hay, nhưng Hiển vẫn ngồi nguyên chỗ cũ bên cửa sổ. Mưa ngớt mà mây thì tiếp tục ùa tới, giọt giành nhỏ xuống từng giọt. . . từng giọt . . như nhịp theo với ý nghĩ mệt mỏi chán chường của chàng. Mỗi đợt gió ùa tới những giọt giành mệt mỏi chán chường lại bị xô dồn cho rơi xuống tới tấp, thấp thoáng bóng một lùm cây xa xa chĩu ngọn rồi lại vươn lên rồi lại chĩu xuống. . . Những đợt gió liên tiếp này nhắc Hiển nhớ tới cảnh mưa ngâu tháng bảy. Cả khoảng giời âm u ngày nay cũng vậy. Áp mũi sát cửa sổ Hiển ngẩng nhìn khoảng trời cao, một con diều hâu đôi cánh xòe rộng nghiêng về một phía, cái đuôi xòe rộng nghiêng về phía khác tự mặc cho lạng theo chiều gió nửa như hững hờ, nửa như tinh nghịch. Còn tiếng kêu run run gọi rét của nó nữa chứ ? Có lẽ tại ngồi trong nhà nên Hiển không nghe thấy. Chàng mở cửa ngách tiến ra khoảng xi-măng bên ngoài ngẩng nhìn. Con diều hâu đã lạng khuất, mặt trời trên cao hiện diện thành một vùng tròn ánh sáng trắng lộng và hơi chói, xung quanh mây xám tiếp vần vũ.

Hiển cảm thấy thèm châm một điếu thuốc lá như người nghiện thực thụ. Chàng vào mở buffet, nhưng chính Kha cũng không nghiện, đôi khi Kha mua chỉ để mời bạn, lần này trong ngăn buffet không có gói thuốc dở nào, Hiển trở ra khoảng xi-măng. Một cảm giác hoàn toàn cô độc, một cái gì sầu thăm, xót thương thật mệt mỏi, thật chán chường dâng lên chiếm lấy tâm hồn chàng. Không được ! Còn tập bản thảo kia ! Bao mộng tưởng triu mến chàng xây dựng, chàng vuốt ve trong đó. Cả khoảng ngót một trăm trang đầu chàng viết xong, đôi lúc Miên giở ra đọc. Chỉ có Miên đọc mà Hiển cũng chỉ bằng lòng cho Miên đọc thôi, với người khác — dù là Kha — chắc chắn Hiển đã gập tập bản thảo lại và nói là chưa viết xong. Đôi mắt trong sáng trẻ thơ của Miên chăm chú lướt theo từng dòng, đôi mắt sẵn sàng được hấp dẫn tự dòng này sang dòng khác, điều đó là một khuyến khích lớn cho Hiển. Cuốn truyện đã được lập dàn theo một lý tưởng, các nhân vật đã được quy định với các trang *nốt* ngày một nhiều xếp theo hồ sơ từng nhân vật. Với một đầu óc toán học, Hiển muốn chuyển sang nghiệp văn chương, sự thành công có chăng ? Không rõ, nhưng khởi đầu là sự làm việc có khoa-học. Hiển nhất định sẽ hoàn thành nó. Nếu văn thơ của Kha trong gia-đình Văn-Hóa là tiếng nói tràn bờ của tình cảm thì tác phẩm của Hiển sẽ là tiếng nói của lý trí đào xuống thành dòng, xuôi theo một hướng rõ rệt.

Một tia nắng sổ lồng bâng khuâng xuất hiện nhưng mây sầu đã ùa tới xóa đi ngay. Cả khoảng chiều còn lại hôm đó như vậy, sự chiến đấu của ánh sáng với bóng mưa. Mỗi lần chợt gặp tia nắng Hiển lại cảm thấy lòng bàng hoàng say mê và mỗi lần gió lạnh ùa tới bóng mây chiến thắng và mưa lất phất rơi, chàng lại để mặc cho tâm hồn tê liệt đi bồng bềnh trôi theo kỷ-niệm của gió đầu mùa, của những ngày mưa ngâu tháng bảy dai dẳng miền Bắc. Và Hiển cảm thấy tâm tình vừa phức tạp vừa giản dị một cách lạ.

Chiều xuống. Giờ này mà Kha-Miên chưa về, hẳn hai người ở lại luôn ngoài Vũng-Tàu cho đến mai. Căn nhà nhỏ bỗng rộng thênh thang. Hiển chưa bật đèn, trong bóng tối mờ mờ Hiển nhớ tới một đoạn phim nào đó, người đàn bà Tây phương ngã trên cầu thang thổ huyết, lập tức xe Hồng-thập-tự tới, nàng được đưa vào nhà thương, được tiêm thuốc, được truyền máu. Nàng sống lại vì xã-hội có tổ chức nhưng Hiển cảm thấy nàng càng chết trong lòng vì những kẻ săn sóc nàng kia chỉ là những bóng ma săn sóc, những bóng ma lạnh lẽo hay đúng hơn những thể xác không linh hồn săn sóc. Xã-hội là một guồng máy lớn, mỗi người thi hành một cách có ý thức phần nhiệm vụ máy của mình, nhưng có ý thức với nhiệm vụ mà không có linh hồn với nạn nhân, linh hồn họ còn ở phía vợ và con họ. Cá nhân họ kết hợp với vợ con họ thành một cá nhân lớn hơn chút xíu, nàng đâu có chỗ len chân vào đấy ? Nếp sống truyền thống của xứ sở nàng là cá nhân chủ nghĩa mà ! Nhân loại đi trên dây — lời Khiết nói với chàng ngày nào — phải luôn luôn thức tỉnh giữ thăng bằng, khi chết là rơi vào hư vô hoặc rơi vào hư vô là chết cũng thế.

Hiển không đi hiệu ăn, chàng nằm vật xuống mệt mỏi, ngủ thiếp đi một chút rồi

lại sực dậy trằn trọc. Khoảng quá nửa đêm, không hiểu chàng chợp ngủ lần thứ mấy.

Hiển đi vào một cửa rừng có ba con voi cao ngất trời. Hình như chính Kha chăn ba con voi đó. Bên trong khu rừng bóng tối hàng hoàng rờn rợn, Hiển rùng mình cảm thấy như đương chông chênh đi vào một thế giới quái đản nào. Vừa muốn sống trên nhiều bình diện để khám phá cuộc sống vừa muốn trở về điểm khởi đầu của Thái-Cực, thật là mâu thuẫn! Ý nghĩ đó bỗng bềnh nổi lên và Hiển hấp tấp ra khỏi rừng. Lúc đi qua vòm cây — ba con voi còn cao hơn vòm cây — Hiển rụt cổ lại chỉ sợ vòi voi rủ xuống quấn lấy cổ chàng. Bên ngoài rừng, ánh sáng lộng lẫy và cuộc sống bình thường. Kha ngồi trên thảm cỏ mỉm cười tỏ ý hoan nghênh chàng đã trở về với ánh sáng bình thường.

Hiển tỉnh dậy. Hình ảnh âm u của khu rừng, hình ảnh ba con voi cao hơn vòm cây lúc đó còn làm chàng cảm thấy rờn rợn, nhưng chàng tỉnh dần những hình đó càng bớt vẻ huyền bí và đến sáng hôm sau khi ôn lại giấc mộng, Hiển thấy giấc mơ đó thật là ngớ ngẩn. Rồi Kha Miên ở *cap* về, Hiển cũng chẳng buồn thuật lại cho hai người nghe. Sáng thứ hai, sau khi Kha đã đi dạy học Miên mới báo tin cho Hiển hay nàng có mang. Hiển mừng lắm. Đứa con Miên sau này sẽ gọi Hiển bằng bác. Hiển bế nó, Hiển mua quà cho nó, khi nó đã lớn Hiển giắt nó đi xi-nê, đi xem hát, nghe vọng cổ. Nó nghe vọng cổ hay xem xi-nê thì cũng thế, Hiển sẽ không ghét vọng cổ nữa vì Hiển nghe vọng cổ theo cái tai của đứa cháu, Hiển vui cái vui của nó.

Kha bao giờ cũng yêu Miên, nhưng đời sống tình ái của Kha loang toàng quá, Miên thản nhiên chịu đựng đấy nhưng ai bảo là nàng không đau khổ? Giờ đây Miên sắp có con đời sống tình cảm của Miên đầy đặn hơn, vững vàng hơn. Có lẽ chưa bao giờ Hiển cảm thấy yêu đời bằng lúc đó. Và mấy ngày liền chàng nghĩ về trẻ thơ. Trẻ thơ ăn no ngủ kỹ, ngón tay xinh cho vào miệng mà bú. Trẻ thơ không sợ chết, không đau đớn vì sự chết, bởi trong lòng trẻ thơ không có sự chết. Nhưng người lớn sợ chết, sợ trẻ thơ chết oan uổng, sợ mình chết bỏ lại trẻ thơ bơ vơ.

Chết chưa, Hiển lại rơi vào một cơn ác mộng!

Mưa lớn ngập chiếc sân gạch khá rộng. Hiển vẫy vùng bơi từ góc này chéo sang góc kia ngụp lặn trong đó. Chợt các cặn bẩn cùng những hạt cơm vỡ vụn và nát nhũn lắng ở đáy sân bị xao động nổi lên đặc kịt mặt nước. Hiển đứng vội dậy thì thấy rằng nước không ngập quá đầu gối. Nhìn xuống làn nước vẩn đục, Hiển thấy có con sộp mẹ cùng đàn sộp con hấp tấp bơi đi kiếm mồi, mẹ và đàn con trông cùng xơ xác, nhất là con mẹ, vẩy thưa và bạc phếch như vừa quẫy thoát tự trên thớt xuống, đôi mắt nó tự dưới làn nước ngước lên trông khôn lọ, khôn như người vì vậy vẻ xác xơ của nó càng đáng thương, thiếu não cả lòng Hiển.

Ngay đêm sau, Hiển mơ thấy cùng Miên bơ vơ ở một cái quán miền trung du vào mùa mưa nước lên mau mắc.

Hiển nói với Miên (hay nói với lòng chàng): « Người ta cho anh em mình ăn chè đỗ đen làm sao cô bỏ đỡ? Miên đi vào trong nhà tìm bánh nếp chăng? Anh đã ra đứng giữa đồng chờ cô, sao cô vẫn chưa ra?

Miên lạc ở trong quán ăn ấy sao ? Anh em mình còn phải đi quãng đường khá xa nữa mới tới huyện Lập-Thạch nơi có mộ cha mẹ, còn phải qua đèo Mon, đèo Cả, đèo Khế, trời ơi, đường lên đèo Cả dốc ngược, nước ngập thung lũng, trời lại sắp mưa nữa cô thấy không ? Miên vẫn chưa ra, em lạc ở trong quán ăn sao ? Anh phải trở lại quán ăn, một mình cô không thể đi tới mộ cha mẹ, dòng thác đèo Cả nhìn xa như một tấp lụa trắng rũ xuống tự một rừng cây xanh ».

Hiển cảm thấy thân thể nhẹ bỗng, trôi nổi bình bồng trong khoảng không gian vô cùng tận... Rồi bàng hoàng sực tỉnh...

Cũng như những hình ảnh của những giấc mơ đêm trước, khi thức giấc Hiển thấy chúng ngớ ngẩn làm sao ấy, vậy trong giấc mơ, chúng linh động vô ngần, gợi cảm vô ngần. Cũng kể từ đấy Hiển mang mang cảm thấy trong cơ thể như có cái gì khang khác và những giấc mơ đục đau thương buồn tủi với những nhận xét chua chát đó là sự suy nhược của một bộ phận nào trong cơ thể. Bộ phận nào ?

2 | Lần này bức thư tự ngoài Bắc qua Pháp rồi do Mẫn chuyển tới Miên là một bức thư của người bạn cũ của chính nàng. Thủy, tên cô bạn, trước cùng làm ở nhà thương Phủ-Doãn với Miên. Thực ra Miên không thân với Thuỷ cho lắm vì Thủy ít nói lại rất thận trọng trong việc giao du, hình như Thủy là con một ông huyện đã về hưu thì phải. Sau hiệp định Genève Miên theo nhà thương xuống Hải-Phòng rồi vào Nam, Thủy nghe chồng ở lại. Vì vậy mà khi đột nhiên nhận được thư Thủy Miên càng thấy cảm thương bạn thấm thía.

Bức thư đó Miên đọc xong, trao cho Hiển xem ngay :

M. mến,

S.O.S. M. ơi ! Th. bị cancer du rectum, *tuần tới sẽ mổ* Cancer *thời kỳ thứ ba rồi M. ạ, vì bệnh phát chậm quá, mới biết đầu tuần nầy. Có lẽ Th. bị bệnh ung thư này từ hai năm nay, nhưng lúc ấy cứ cho là* hémo-roïde interne *nên chỉ chữa trĩ mà thôi. Cách đây ba tháng bệnh trở nên nặng, máu ra nhiều mất ngủ, nhức đầu... Bác sĩ tiếp tục chữa trĩ và thần kinh. Giờ mới biết là ung thư hậu môn và nó đang hủy diệt những tế bào tốt, lần lần tiến tới màng tử cung. Mấy hôm nay mỗi ngày tiêm hai lọ Sarkomycin Banyu của Nhật. Hôm nay Th. yếu lắm, người xanh lướt chỉ còn da bọc xương. Đứng trước cái chết Th. thương mẹ, thương chồng, thương hai đứa con bé dại quá (đứa trai lên năm đứa gái lên ba) và Th. nghĩ đến M. Nguyện vọng duy nhất của Th. là chận đứng được bệnh để sống thêm được vài năm nữa thôi, cho hai đứa con lớn lên tí nữa, cho mẹ và chồng đỡ vất vả ! Nếu ở Sài-Gòn có những thuốc gì chữa cancer tốt thì M gửi cho ngay và nếu có thể gửi cho một số tiền để mua thuốc ở đây.*

Bạn M. chờ mong được cấp cứu

Th.

Miên đã lập tức lấy tiền của Kha gộp với tiền của nàng mua tạm được 250 tiền quan mới chuyển sang compte của Mẫn ở Paris để Mẫn tùy nghi hoặc mua thuốc hoặc chuyển bằng tiền mặt về Bắc cho Thủy. Lẽ cố nhiên Miên không quên viết thư cho Thủy với bao mến thương.

Ít lâu sau Miên nhận được thư của Mẫn, nàng cau có — ít khi nàng cau có — đưa cho Hiển.

Thưa chị,

Em đã mua ngay thứ thuốc trị ung thư của Pháp và gửi ngay cho chị Thủy bằng đường hàng không. Số thuốc đó tới Hà-Nội thì mậu dịch mua hết, thành ra chị Thủy không có thuốc dùng, chẳng hiểu rồi chị phải làm cách nào, điều đình ra sao mà mua lại thuốc đó của mậu dịch ? Mà biết có mua được không ? Em có phản kháng nhưng vô hiệu quả, đành bó tay vậy thôi.

Bây giờ nói về bệnh ung thư của chị Thủy chắc chị cũng thừa biết bệnh tới giai đoạn đó chỉ là chờ chết. Từ ba đến sáu tháng ; Ai mà dám mổ vì ở trong toàn máu, mủ, thịt thì đã thối rồi không thành sẹo được nữa.

Chúc chị mạnh. Chị cho em gửi lời hỏi thăm anh Hiến, anh Kha.

Em,

Mẫn

Hiến mím môi, đôi mắt chiếu thẳng vào một khung tranh treo trên tường, chàng muốn tìm câu gì thật tục tằn để nguyền rủa nhưng lời chạy trốn vành môi khép lại mạnh hơn, đường thẳng muốn khít hẳn lại. Tiếng Miên thở dài làm chàng quay lại, đôi mắt Miên long lanh, nàng khóc Hiến muốn tìm một câu nào để an ủi sự đau cái đau của kẻ khác đó, nhưng lời cũng chạy trốn. Từ xưa chàng vẫn bất lực, có lẽ lời của thế nhân vẫn bất lực, trước những tình cảm cực đoan hoặc về nguyền rủa hoặc về ca ngợi đó.

Những cơn ác mộng tiếp tục đi về thất thường trong giấc ngủ của Hiến. Những hình ảnh đó thường vẫn trở thành ngớ ngẩn khi chàng thức tỉnh hẳn, chúng như những con cá vớt ra khỏi biển đặt lên bãi cát Nhưng cũng có những giấc mộng giữ được liên lục câu chuyện và giữ nguyên được niềm rung động quái đản thê lương ngay cả khi Hiến tỉnh hẳn ôn lại.

Mưa lớn đến nỗi nước ngập cả thung lũng ruộng mạ thối nát, trâu bò bị nước cuốn ra sông, một cụ già đương vớt một con bê ngay ven thung lũng. Hiến cùng một người bạn ngồi trên một chiếc bè nhỏ ghép bằng ba ống bương, bên chàng còn một ống sáo bằng trúc Hình như chàng có thể thổi được một khúc dân ca nhưng chàng không chịu thổi. Bạn chàng nhảy lên bờ, chàng nằm dài trên bè, sóng đánh đu đưa thỉnh thoảng co chân lên xem có con đỉa nào bám vào không. Có tiếng la lớn làm Hiến nghển cổ. Trên bờ thung lũng, một tên mọi đen tay bị xích dường như một con thú dữ hung hăng gầm thét nhảy tới phía bạn chàng khi đó tay cầm một thanh kiếm nhọn.

Nó mà nhảy tới — Hiến nghĩ — và chụp được vòng tay qua đầu anh bạn thì vòng xích ở tay nó cũng là vòng xích giam chết anh bạn. Ý chừng anh bạn cũng cảm thấy nguy cơ đó bèn thích mạnh mũi kiếm vào cổ tên mọi. Nó ngã ngửa người và giãy đành đạch nhưng rồi nó đứng dậy ngay, khoảng cổ bị đâm có hoen vết máu nhưng máu không chảy ra nữa. Cả anh bạn lẫn Hiến cùng nhảy lùi xuống ruộng khi đó nước đã rút ra sông hết. Tên mọi nhảy theo ngay, dáng bớt hung hăng nhưng vẫn ra chiều quyết liệt tranh đấu đến cùng. Tay anh bạn cầm một chiếc sào dài đi vào ngực tên mọi để ngăn bước tiến của nó. Chiếc sào dài cong lên như cầu vồng. Hiến bắt đầu cảm thấy đau. Chợt tên mọi ngã lăn xuống ruộng rồi một lát sau biến thành đất đen. Còn lại một mình Hiến, chàng cảm thấy mình bị bao vây bởi đất và

mỗi luống đất, mỗi cục đất là một hình ảnh tên mọi đen. Tên mọi bỗng hóa thành địa, rất nhiều địa bâm lấy gan bàn chân chàng, bò lên bắp chân lên đùi, qua bẹn, lên bụng, lên nách, lên cổ.

Hiển bừng tỉnh, xương sống còn lạnh ớn. Sau mỗi giấc mơ như vậy khi sực tỉnh bao giờ Hiển cũng cảm thấy nhoi nhói ghê ghê ở khoảng bụng dưới. Có thể đó là một dấu hiệu chàng bị ung thư dạ dày chăng ? Thốt nhiên Hiển nghĩ đến những dòng thư của Mẫn : « *.. Ai mà dám mổ, vì ở trong toàn mủ, mũ, thịt thì đã thối rồi không thành sọ được nữa* ».

Và cũng sau mỗi giấc mơ như vậy. Hiển thấy khó ngủ lại lắm, nhiều khi Hiển vùng dậy đem bản thảo ra làm việc lặng lẽ cho đến khi thật mệt.

3

Mấy trang ghi của Kha nguệch-ngoạc. Hiển cầm lên lơ đãng đọc. Kha vẫn có thói quen xếp ý cho có thứ tự trước khi khởi viết. Kha sửa soạn một khúc trường ca ? Đôi mắt Hiển bỗng sáng lên, Hiển đọc kỹ lại từng dòng.

Buổi Hòa Nhạc Giữa Trời

Tất cả đều được thánh hóa ngay từ lúc họ bước vào sân cỏ.

Đại hồ cầm chơi vơi như gió lướt, thoạt âm thầm ở cung trầm rồi vươn lên cao nức nở như người mẹ ôm con cố nhoi lên khỏi luồng nước đương cuồn cuộn tràn ngập làng mạc, cánh đồng.

Cả dàn nhạc dàn tiếng như người đàn bà héo hắt gục đầu trước gió, cố ủ đứa con đói khát trong lòng.

Tiếng nhạc lên rồi rơi xuống nhẹ như tiếng nấc. Trần gian biến thành địa ngục. Tiếng sáo đau đớn gào thét. Tiếng vang dồn dập đuổi theo như bóng một người chạy hốt hoảng trong một cánh đồng hoang vắng và lộng gió.

Cả ban nhạc với thanh la trống phách mau rợ, tíu tít những đường gươm thét hận, nất khí ngập trời, so le đuổi nhau hỗn hển. Từng nhịp chói tai như mãnh thú vồ trượt con mồi.

Tiếng đàn dây réo rắt như dế khóc canh thâu. Từng cặp linh hồn lần đường về âm phủ, tiếng suối ma róc rách lạnh ghê xương thịt. Long lanh xương động theo tiếng trống điểm thùng dưới trăng khuya.

Cả dàn nhạc vang đều, thoạt nhẹ rồi cực mạnh.. cực mạnh.. từng đợt lưỡi thép làm cỏ dọn đường. Tạm ngừng. Vũ trụ up tối như bóng người sụp lạy rạng đông.

Tiếng đàn gẩy lanh chanh là bước đi của thế hệ ấu trĩ thừa hưởng mồ hôi nước mắt của ông cha mà không vô ơn.

Vũ trụ giao tình, mây trời uốn éo viền ánh sáng lồng lộng. Trăng bình minh lơ đãng từ trên đỉnh trời nhìn xuống.

Tất cả đều được thánh hóa ngay tự lúc họ bước vào sân cỏ !

Lũ người trịnh trọng công bố những điều mà chúng tự biết cũng như mọi người đều biết là giả dối, chúng được thánh hóa khi bước vào sân cỏ ?

Lũ người tự bơm hơi độc, tự thở hút uế khí, lần lượt té xỉu, nhưng cho đến khi té xỉu miệng vẫn không ngớt thuyết giáo về khôn ngoan, lũ người đó cũng được thánh hóa khi bước vào sân cỏ ? Hiển ra giường nằm mỉm cười sảng khoái ngưng khi chàng vừa chợp mắt giấc mơ lạ sắm tới như hồ thành tỉnh vỗ mỗi.

Đi lên một cái dốc cao rồi quay lại nhìn, Hiển thấy con sông Kỳ-Cùng ở Lạng-Sơn con sông Thương ở Bắc-Giang và con sông Lô ở Tuyên Quang chập lại. Hiển đi qua những vùng đất đầy những xác gà gục chết thịt của chúng đã tiêu hết sở dĩ còn là hình gà vì đám lông chưa bay đi. Bước chân ghê ghê. Đi vào làng, đường cái nhớp nhúa, con sông nhỏ nước đen bùn lầy. Nhà giầu trong làng trang hoàng vàng son tân mùn, kiêu hãnh với dân ngu nhưng đầy tự ty với người ngoại quốc.

Khiết anh bạn cao thượng của Hiển, chủ nhiệm nguyệt san Văn Hóa tổ chức một cuộc triển lãm. Phòng tranh vuông vắn ở ngay trên một con sông nước trong — trong như những con suối lớn trên Việt-Bắc chàng đã từng đi qua — bên dưới cá lượn từng đàn có những con lớn bằng người lượn lờ lững ngay trên mặt nước. Xem tranh ảnh xong Hiển nhảy xuống bơi xuôi dòng về làng Hạc-Thủy — (vậy thì đây là thượng lưu sông Đáy ?) — chàng cứ phải bơi lẩn quẩn để tránh những con cá lớn, sợ nó ăn thịt mình. Tay chàng một lần quờ phải đầu một con cá lớn thấy xương nó lệch lạc, thịt nó bầy nhầy nát nhẽo, chàng hiểu tại sao nó không ăn thịt được chàng. Yên tâm chàng bơi veo veo xuôi dòng và nhìn thấy đằng xa cha mẹ cùng bà con thân hữu đợi chàng ở khúc sông đầu làng Hạc-Thủy. Ấy chết phải tìm quần áo chứ, trần truồng thế này lên bờ sao được ?

Lăng đăng thế nào Hiển gặp lại Khiết. Hiển đứng trên một bờ thành cao, một cái thành cổ thì phải, Khiết ngồi trên một mỏm đá bên dưới, ngửng lên đáp lời chàng hỏi. Hiển thấy Khiết bận quốc phục quần trùng áo dài, đầu chít khăn nhiễu tam giang. Khiết than phiền đời sống khó khăn và đương túng bấn lắm. Khiết muốn nhận một chức lớn, tuần phủ hay án sát chẳng hạn. Khiết nói tựu chức đó rồi chỉ cần sử dụng công quỹ một thời gian ngắn là hết túng và giầu có. Khiết hết cao thượng rồi, thật là đáng buồn ! Hiển bỏ Khiết ngồi lại một mình trên mỏm đá. Cố giữ thăng bằng đi trên thành cao, chàng luôn luôn phải tránh những đống phân người. Những kẻ vô ý thức nào đã lên tận đây phóng uế phá hoại bầu không khí cổ kính thanh cao ? Hiển xuống một cái dốc nhiều bụi, chàng chăm chú nhìn xuống vệ đường hy vọng bắt được vật rơi vào (như thời trẻ nghèo túng) và vui mừng nhặt được chiếc bút chì nguyên từ xanh. Rũi thay đó là chiếc bút hỏng. Nhìn ra xa một chút, ngổn ngang trên bờ cỏ còn nhiều bút nguyên từ nữa, đỏ ẻo, xanh cỏ, nhưng xem chừng đều là đồ hỏng.

4 | Những giấc mộng của Hiển ngày một thê thảm, ngày một thê thảm.

Hiển ngồi ăn cơm trong phòng, ăn vội vã xong rồi ra, tới hành lang có bóng hai người đàn ông ngồi đấy chờ ai. Thấy họ làm điệu chào mình, Hiển cũng cúi đầu chào lại. Trời âm u sắp nổi cơn bão như đài phát thanh đã báo trước từ hôm qua. Bỗng trong câu chuyện của hai người Hiển nhận ra tiếng Khiết, người bạn chí thân của chàng mà có lẽ đã từ mấy năm nay đôi bên trở thành lạnh nhạt. Tuy nhiên khi nhận ra Khiết chàng cũng dừng lại cất tiếng thân mật :

— Anh Khiết đấy hả ?

Và tiếng Khiết đáp lại cũng thân mật, vẫn giọng dễ dàng nhã nhặn được chút hài hước khi xưa :

— Vâng, anh ăn cơm rồi à?

— Tôi vừa ăn xong, anh ở lại ngủ trưa với tôi nhé.

Thôi tôi về ngủ với vợ hơn!

Hiển lạnh người. Thực chàng không ngờ người bạn thân mà chàng từng thương yêu và kính trọng để lại có thể trả lời chàng trắng trợn nhường ấy. Phải, anh ta vừa lấy vợ, cô vợ trẻ hơn anh đến hai mươi tuổi, nhưng anh bạn nỡ nào trả lời chàng thô bỉ đến thế. Hiển gục mặt vào chậu nước khi trở lại hành lang thì Khiết và người bạn đã xuống lầu và tiếng Khiết nói chuyện với người bạn đó vọng lên tự dưới đường lẫn với tiếng xe cộ vùn vụt, xa dần . . . rồi mất hẳn. Trước đây có bao giờ hai người gặp nhau mà lạnh lùng thế này đâu, gặp nhau là phải ăn phải uống phải đi với nhau một quãng, nếu không thì ít ra cũng phải ngồi bên nhau nhìn nhau im lặng cho giây phút êm đềm. Hiển muốn gặp vợ chồng thằng em — Mẫn đã có vợ — Hiển gọi Mẫn là cu Tý. Cu Tý đích thân đưa Hiển xuống xem mặt cô em dâu. Thoáng trông buồng vợ chồng em dưới bếp Hiển vô cùng bất mãn với cha mẹ, chàng hờn oán cha mẹ sao lại bắt vợ chồng thằng em út nằm ở một căn buồng điều tàn sát bếp như vậy. Chàng bước vào, trời ơi, cô em dâu đương ngồi xổm dưới đất cho con ăn, than ôi, buồn làm sao, đứa con nàng lại là con chó vàng! Em dâu chàng, một cô gái quê xinh xắn mới thành đàn bà, khuôn mặt trái soan, nước da xanh xao, nàng mặc quần thâm. Con nàng — con chó vàng — đương liếm sữa ở một chiếc bát đàn, con chó rất xinh cũng có vẻ thuần thục và hiểu biết như người, có điều bộ lông vàng hơi xơ xác vì cha mẹ nghèo không nuôi cho ăn được đầy đủ.

— Em không đủ sữa bác ạ — cô em dâu nói với chàng — em phải mua thêm sữa ngoài cho cháu ăn.

Hiển giật mình nhận thấy trước ngực cô em dâu là con thằn lằn cực lớn, nó bám lấy yếm cô em dâu thân thuộc như cái bướu có từ thuở còn thơ đuôi nó luồn dưới ghế còn kéo dài ra tận khe cửa nơi chắc là nó vừa chui vào. Buồn rầu Hiển quay ra sân, có hai con cá rô uốn cong mình rẫy đành đạch. Hiển hơi rùng mình vì linh tính thoáng báo cho hay cá rô có trên sân gạch là do rắn tha về. Quả nhiên chàng nhận thấy cách con cá rô không xa là con rắn cạp nong cạp nia khúc đen khúc vàng, màu vàng rất tươi. Thấy động con rắn trườn mình bò trốn về phía hàng rào dưới, lúc nó bò như vậy mới thấy là nó dài, dài như một con trăn chứ không còn là rắn nữa. Con trăn đó vừa mất hút, Hiển nhận thấy một con trăn khác, da mốc thếch. Mẫn đã vớ đâu được chiếc gậy đập tràng đầu con trăn, nó uốn cong một khúc lớn, ráng sức tuột khỏi đầu gậy và lao vút về phía Hiển. Chàng nhảy lùi vội lên sân trên vấp phải vỉa hè.

Sực tỉnh, mồ hôi lạnh toát ra ướt đẫm người, Hiển vùng ngồi dậy những mong với cử chỉ mạnh đó sẽ giúp chàng tỉnh hẳn. Khoảng bụng dưới như thót lại đau mơ hồ và khoáy sâu vào. Có thực đó là triệu chứng ung thư dạ dày? Hiển rón rén mở cửa đi xuống nhà cầu bước chân mỗi khi đặt xuống thàng thấy ghê ghê tưởng như trong bóng tối rất có thể chàng dẫm lên một con trăn nào đó. Khi chàng trở lại, Miên ở buồng bên sực dậy. Lúc đó khoảng ba giờ sáng.

— Anh dậy đấy ư — Miên hỏi.

— Ừ! — Hiển đáp.

— Anh có ngủ được không ?

— Có ngủ được chút ít.

Một lát Hiển vẫn thấy buồng bên Miên trằn trọc. Kha cũng vừa thức giấc. tiếng Kha hỏi khẽ :

— Anh Hiển vẫn khó ngủ hở em ?

Tiếng Miên thở dài đáp lại.

Không đừng được, Hiển cất tiếng hỏi Miên :

— Miên ơi, dạo nầy cô có nhận được thư của Mẫn không ?

— Dạ có, vẫn thường thường là cứ hai tuần một lần em nhận được thư của Mẫn. Lá thư vừa rồi em nó nói kỳ này nộp xong luận án nó sẽ ở lại Pháp thêm một năm để nghiêng cứu về đồng chủng liệu pháp — homoœopathie.

— Số tiền gửi có đủ cho nó tiêu không ?

— Dạ đủ lắm !

Yên lặng. Nửa giờ sau biết chắc là Miên đã ngủ lại, Hiển mới bật chiếc đèn nê ông nhỏ lôi tập bản thảo ra. Chàng đọc lại một trang, dập xóa gần hết rồi tắt đèn nhưng vẫn ngồi nguyên chỗ cũ ôm đầu thả lỏng cho trí suy nghĩ. Chàng nhớ lại khuôn mặt xanh xao của cô em dâu trong mộng và đứa con là con chó vàng. Cả hai mẹ con cùng hiền lành và dễ thương lạ.

5

Căn phòng khá rộng, bài trí, tựa căn chơi bi-a. Có điều bàn bi-a ở đây được thay thế bằng chiếc sa bàn lớn bên trên có đắp mô hình. Một ông đứng bên bàn nói với một số người quanh đấy : « Hễ hơi động tĩnh tôi sẽ hành động như thế này ». Ông bấm nút khuy, những phi cơ kiểu khu trục đậu ở trung tâm sa bàn tự động bốc lên quay tròn ở những điểm quan trọng và thả bom — bom nguyên tử — cùng một lúc, từng đám khói nấm nhỏ bốc lên trông rất ngoạn mục. Hiển thấy có mặt cha mình trong phòng và cùng với những đám khói nấm nhỏ chàng thấy bàn tay cha mình — bàn tay cầm riu của người — bị bốc cháy như cây đuốc thịt không sao dập tắt cho được. Hiển nhìn qua cửa sổ, một quả bom nguyên tử thật nổ trên một khoảng sông gần đấy. Đám mây nấm tàn rất mau, trên bờ sông, chỗ bom nổ chỉ còn một cột khói thoạt nghỉ ngút rồi loãng dần để lại một vài sợi lơi lả tan mất theo gió. Một vùng mây nấm khác bốc lên, xa hơn chỗ cũ một chút : một quả bom nguyên-tử khác vừa nổ ! Quả bom nổ xa thế mà làm cháy căn nhà ngay gần đấy, căn nhà lợp bằng những tàu dừa chỉ còn xống với sơ. Một người đàn bà cũng xơ xác như những tàu lá đó chạy ra dập lửa vừa bén tới bà có mang và bà kiễng chân lên mới với tới tàu lá, Hiển nhận ra mẹ, người đang có mang Mẫn « Mẹ ơi, mẹ đừng với thế nguy hiểm lắm có thể hư thai ». Mùi diêm sinh đầm ngạt không-khí, hình như vừa có thêm nhiều bom nguyên-tử khác nổ. Hiển cảm thấy lục phủ ngũ tạng bứt rứt, tim phổi như bị nướng chín nẫu bên trong. Rồi đây tất cả mọi người sẽ đi ngoài cháy, sẽ mê man toát mồ hôi lạnh chết lần, sẽ chết hàng chục vạn hay nhiều hơn nữa. Hiển vội vã trèo lên núi thật cao, trèo lên Hy-Mã Lạp-Sơn thâm ý muốn nhìn khuôn mặt nhân loại một lần cuối cùng, trên đó không khí trong lành và tuyết lạnh làm tươi lại trái tim bị nướng bằng diêm sinh. Càng lên cao Hiển càng thấy mình đi vào vũ trụ, càng tan vào vũ trụ, điều nầy làm chàng cảm thấy yên lòng trước cái chết.

Tiếng chậu rơi bên ngoài làm Hiển bừng tỉnh. Lần nầy là giấc mơ ban ngày, đúng vào lúc ấy đoàn xe nhà binh rầm rộ ngoài đường lớn, đều đặn từng chiếc xe một . . . từng chiếc xe một . . . thoạt tiếng máy nổ xa xa, rồi lớn dần, rồi như xé màng tai khi xe vút qua, y như thời kháng chiến tiếng *Spitfire* hay *Hell Cat* rú máy nhào xuống khạc đạn thành « tiếng cười sằng sặc của Tử thần ». Khuôn mặt Hiển phờ phạc cho đến chiều, Miên ở nhà thương về tỏ ý đáo quan sát và lo lắng.

Hiển đưa Miên theo bậc gác lên thượng tầng một tòa lâu đài cao lắm, lớn lắm, lớn đến nỗi ngay trên thượng tầng nầy mà cây cối mọc ở các kẽ tường đầy đó xanh um như rừng. Bên trong, dưới một vòm cây cổ thụ là một cái mộ xây khá lớn. Muốn vào phải qua một cổng lớn phía bên. Hiển tới bấm chuông chờ người mở cửa. Cánh cửa vẫn đóng im ỉm, chuông điện nhường như không kêu. Miên làm hiệu chỉ cho Hiển thấy chiếc điện thờ gần đấy ngay phía trước mộ xây. Hiển cũng bước tới bấm chuông, tiếng chuông vang rền nghe ra ảo não nhưng đó chỉ là tiếng chuông của riêng tòa điện thờ nầy. Mái điện thấp, tiếng chuông càng âm u, những nén nhang tự bùng cháy thành những đốm lửa đỏ, khói nhang tỏa ra rất chóng. Tiếng chuông vẫn tự động vang rền hư ảo. Hiển đã ra đứng bên Miên nhìn về phía cổng lớn khi đó vừa từ từ mở ra. Một người đàn bà mù hơi nghiêng mặt hướng về phía Hiển. Tựa như có tiếng người đàn bà đó đương trách mắc kẻ nào đứng khuất gần đấy. Trong bụng sinh nghi, Hiển lùi chếch sang một bên cổng để nhìn rõ hơn và chàng rùng mình : kẻ đứng khuất đó là một con quỷ, không lông, không tóc, không áo quần, tuy hình người nhưng toàn thân từ đầu đến chân là một khối thịt nhẵn thín, mốc đen và bóng nhẫy trông thật kinh tởm. Hiển vùng chạy xuống thang lầu. Sực nhớ còn Miên ở lại chàng ngừng lên vẫy Miên cuống quýt, nhưng ác hại thay Miên chưa biết gì về con quỷ đen nên vẫn thản nhiên đứng nguyên chỗ cũ trước cặn điện thờ. Hiển dậm chân : « Xuống mau em ơi ! » Và chàng bừng tỉnh, tim còn đập mạnh, lồng ngực tức nghẽn muốn ứa máu.

Cơ thể và tâm hồn Hiển rã rời, những cơn ác mộng đó tới tàn phá cho chúng thêm tơi tả. Không ngủ lại được ngay, Hiển bật đèn ghi chép, gạch xóa. « Tất cả đều được thánh hóa ngay tự lúc họ bước vào sân cỏ ! » Hiển có nhớ tới dòng chữ ghi của Kha.

Tựa như con sông bên lở bên bồi.

Người quân nhân đó muốn chừng là cai xếp thì phải vì Hiển thấy có hình lon kim tuyến ba chữ V trên cánh tay áo. Đặc biệt y đội chiếc mũ thuộc địa phía trước cũng như phía sau đều có hình ba chữ V chồng lên nhau, thành thử y như sắp biến thành ngựa vằn. Khuôn mặt y đen và nhiều chứng cá, đôi môi mỏng và thâm đỏ thêm bóng tối lên hàng răng xin y đứng với một số lính thuộc địa khác. Bóng tối sập xuống là cả bọn y biến thành lũ đi săn người. Đã từ lâu mỗi khi tắt ánh mặt trời, thế giới trong bóng tối biến thành thế giới hãi hùng của cuộc săn thường dân đẫm máu như vậy. Sương sa mờ mịt, bóng tối tràn đầy, Hiển đã cùng đoàn người tị nạn chạy rạt về một phía. Chàng thoáng thấy bóng lũ quân nhân hăm hở tiến mất hút vào khu rừng bên kia đường. Thật may ! Hãy biết thoát chúng lúc này. Nhưng phải đi nhanh nữa, đi gấp nữa để khi quay trở lại chúng không sao đuổi kịp bọn mình. Bỗng một ánh đèn

xuất hiện trong màn sương đục. « Chúng ta rơi vào một bọn khác rồi ! » — bà cụ già nói. Ánh đèn vẫn như lờ đờ đứng nguyên chỗ cũ nhưng cụ già kinh nghiệm biết là cả bọn sẽ không thoát nổi lũ chúng nếu không có một người chịu hy sinh. Cụ bèn bấm đèn cho tia sáng rọi thẳng về phía đó. « Các người đi nhanh sang bên kia đồi nghe ! » — cụ nói, Tia sáng của ánh đèn bấm trong tay cụ lồng vào với tia sáng chiếu lại của ánh đèn nhạm kiếm trong sương đục. Chúng ta đã bắt đầu tiến dè dặt nhưng chắc. Hai tay Hiến bế hai đứa trẻ (con Miến và con Mẫn) cố tiến cho kịp sang bên kia đồi, ba bốn đứa trẻ nữa theo sát bước chân chàng, đó là lũ con của các bạn trong gia đình Văn-Hóa, chúng đã khá lớn, lên chín mười cả. — « Nhanh lên các cháu không chết cả ! Bám sát lấy bác nghe không ! « Có đứa nhảy lên bám lấy cổ khiến đầu chàng gục xuống, bước đi nặng chĩu. Không sao, mọi người đã chui vào một đường hầm thoát lên đích đồi. Lũ trẻ càng quấn lấy chàng. Bên này đồi là con sông, bờ sông là một triền dốc đất đỏ không có một bụi cây . — « Lao mình xuống triền sông nghe các cháu ! Có thể thoát đó. « Trời ơi sao chàng không nhảy được, bàn chân sa vào vùng lầy nhỏ, ngón cái như bị kim đâm vào nhoi nhói. Chàng vùng bước mạnh. Không được ! Bàn chân đã bị giữ rịt trong bùn, ngón cái càng nhói buốt như bị rắn cắn hay bị đâm phải bàn chông Dùng tận lực chàng vùng nhảy lần nữa. Chàng ngã sấp...

(trích trong «Người Bệnh» sẽ xuất-bản tiếp theo «Ba sinh hương lửa»)

DOÃN-QUỐC-SỸ

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◇ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20 821 — SAIGON

Car, c'est vraiment, Seigneur, le meilleur témoignage
Que nous puissions donner de notre dignité,
Que cet ardent sanglot qui roule d'âge en âge
Et vient mourir au bord de votre éternité (1)

BAUDELAIRE

⁂

Cũng tại đường treo dốc dựng
bao nhiêu con mắt ngại nhìn mây
Buổi nặng đời theo khói lên cao
Tìm tha thứ cho những ngày nghiêng tối
cho các bước lầm trớt ngã vì chẳng bao giờ
hái ngọn cỏ thơm
không thiết màu xanh
Vì sợ biết, cuồng hoa, và khát dục

Trăm ngàn vẻ sáng dọi các xa khơi
vượt mức, còn đi
phép lạ, nước cờ quen thắng
Được tất cả
vẫn ngờ như chẳng có

Bảy tháng ba phen chờ thoát nạn
Đài muôn năm dọa dồ mấy lâu nay
Gặp lúc áng trời căng tía
Đáy hang cùng chỉ cách một gang tay

---

(1) *Tạm dịch :*
Lạy Chúa, quả thật không bằng-chứng nào hơn
Để tỏ rõ con người dư phẩm-cách
Là tiếng khóc kia thiết-tha nức nở
hết thuở này qua thuở khác
Và lên tắt nghỉ ở cõi bờ vô-tận thiêng liêng

Ngọc còn dấy
Sắt, lửa, bùn tăng giá
Ác rừng không tắt qua vạn lần sông đổi hướng
Lớp này lớp khác sóng ngầu vỡ lở
các thời hoang

Đẹp rót nguồn say
chứa từ thuở nương mình hốc đá
Lúa sẽ thừa nuôi bốn tỉ các loài ham sống
các loài mong yếu

Thiếu chi nữa
Mắt yên
đàn bỏ sáo
Đã hứa, bông lành sao chối nở
Những mùa sai hẹn mọc toàn đen
giữa vực nghèo hun lẽ cháy
Dặt cạn lâu rồi chưa thử khóc
Đợi các chiều khô chịu dỏ thương
Tạm lánh về thơ rửa lỗi
vào thu uống lại chút băng sương
để mỗi cơn hè nguôi khí bức
Nước biển đầy châu
mang đúc cho thành hạt lệ
Tiết này sớm tạnh giọt mưa ngâu

Phía hương tan gió lạc tiếng chuông cầu
Nghe hắt bóng
vang tin giờ ngỏ lượng

Hòa-Âm XVII

Đ. T.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiếu năm 185

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

*

LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC
38, Bishopsgate, London E. C. 2

*

SAIGON CHI - CỤC
CHI - CỤC CHÁNH : 3, Đường Võ-Di-Nguy
CHI - CỤC PHU : Đại - lộ Thống - Nhất
(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.

*

NAM - VANG CHI - CỤC
10, Phlauv Preah Kossamac

*

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIEN-ĐÔNG

*

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

NGƯỜI CHỈ HUY

(The leader of the people)

JOHN STEINBECK

NGUYỄN HIẾN-LÊ dịch

L. T. S. — Có ít thì giờ mà muốn biết qua những nét chánh về nghệ thuật của Steinbeck thì nên đọc *The long valley* (Thung lũng lớn), một tập gồm 13 truyện ngắn mà mỗi truyện có một vẻ : truyện thì hài hước như *the Harness* (chiếc yên ngựa) ; truyện thì rùng rợn như *The Snake* (con rắn) ; có chuyện nhẹ nhàng, ý nhị như *Chrysanthemums* (Cúc), *The White quail* (Con cun cút trắng), có truyện chua xót như *The raid* (Cuộc ráp) ..

Vì có nhiều vẻ như vậy nên nhà phê bình nào cũng tìm trong tập đó được một vài truyện để khen. Pierre Bredin, tác giả *Les Ecrivains américains de l'Entre deux guerres* thích nhất Chrysanthemums mà ông khen là có giọng của Tchekov ; André Gide thích *The raid* vì truyện tuy ngắn mà tả được một bi kịch của thời đại bằng những nét rất khéo, không đậm quá, không nhạt quá ; đa số các Sách Văn tuyển lựa *The leader of the people* (Người chỉ huy) buồn man mác mà lẫn chút vui hồn nhiên ; một số người ưa những tình tiết hấp dẫn, đột ngột, thì lựa *Johnny Bear*.

Bách-Khoa đã giới thiệu với độc giả truyện *Johnny Bear*, nay xin giới thiệu thêm *The leader of the people*.

CHIỀU thứ bảy đó, Billy Buck người làm công trong trại ruộng lấy cào gom đống cỏ khô còn lại từ năm trước và liệng từng nạng cỏ qua hàng rào dây kẽm cho mấy con bò đã lửng dạ. Trên trời, những cụm mây nhỏ giống đám khói đạn nổ, trôi về phương Đông, dưới ngọn gió tháng ba. Người ta có thể nghe tiếng

gió thổi ào ào trong khu rừng rậm ở ngọn đồi, nhưng tại trại ruộng ở đáy lòng chảo này, gió không xuống tới.

Em nhỏ Jody vừa chạy ở trong nhà ra vừa ăn một lát bánh phết bơ. Thấy Billy cào nốt đống cỏ khô, em lết lại gần ; người ta đã rầy em rằng lết lối đó thì hại gót giày lắm, nhưng em cũng không chừa. Một bầy bồ câu trắng ở cây trắc bá bay vù ra khi em đi ngang qua, lượn một vòng chung quanh cây rồi trở lại đậu trên cây. Một con mèo mướp nhỏ từ mái hiên căn nhà ván nhảy ra, chạy qua đường, ngừng lại, chạy lộn về. Jody lượm một cục đá, tính ném, nhưng đã trễ quá, con mèo đã chui xuống dưới sàn rồi. Em liệng hòn đá vào cây trắc bá và làm cho bầy bồ câu trắng lại bay vù ra, lượn một vòng nữa.

Tới đống cỏ khô, đứa nhỏ tựa vào hàng rào dây kẽm gai, hỏi :

— Còn có bấy nhiêu là hết, phải không chú ?

Chú Billy, một người đứng tuổi, siêng năng, ngừng tay, cầm cái chàng nạng xuống đất, đỡ nón ra vuốt tóc, đáp :

— Chả còn gì cả, trừ ít cỏ đã mục vì đất ẩm thấp.

Chú đội lại nón, xoa hai bàn tay khô đét như da thuộc.

Jody hỏi :

— Chắc là đầy nhóc chuột, phải không chú ?

— Ừ, lúc nhúc những chuột. Chúng phá quá.

— Vậy khi nào chú làm xong, em có thể kêu chó lại cho chúng bắt nhé ?

— Được mà.

Chú lấy cái chàng nạng dỡ một ít cỏ ẩm tung lên cao. Ngay lúc đó ba con chuột nhắt nhảy lên rồi hoảng hốt chui vào đống cỏ.

Jody thở ra khoan-khoái. Bầy chuột mập mạp lông mướt, không biết kiêng nể ai đó, lần này thì không còn một mống. Đã tám tháng nay chúng sinh sản trong đống cỏ khô. Jody dùng mèo, bẫy, thuốc độc, đủ cách mà không sao diệt được chúng. Trong cảnh yên ổn, chúng hóa ra lanh lợi, ngạo mạn và mập ú. Bây giờ thì tới lúc chết rồi : không còn sống thêm được một ngày nữa.

Billy ngó đỉnh những ngọn đồi bao vây cái trại, bảo :

— Có lẽ em nên hỏi ý ba trước đã.

— Ừ, ba ở đâu ? Để em đi hỏi ngay bây giờ.

— Sau bữa cơm, ông đã cưỡi ngựa lên trại ở ngọn đồi.

Chắc cũng sắp về.

Jody ngả lưng vào cọc hàng rào.

— Ba mà để ý gì tới chuyện đó.

Billy tiếp tục làm việc, giọng ngài ngại :

— Cứ hỏi ý trước đi thì hơn. Còn lạ gì tính ông.

Jody biết rõ tính cha. Ở trại bất kỳ là việc quan trọng hay không, ba em, ông Carl Tiflin, bắt mọi người phải xin phép ông rồi mới được làm.

Jody để lưng tuột lần theo cây cọc, cho tới khi ngồi bệt xuống đất. Nó ngửng lên ngó những đám mây tròn bay theo gió.

— Chú Billy, như sắp mưa, hả ?

— Có thể lắm. Gió đó thì mưa nhưng gió chưa đủ mạnh.

— Ước gì em giết xong được bầy chuột trời đánh này rồi hãy mưa.

Nó quay lại ngó xem Billy có để ý đến lời rủa ra vẻ người lớn của nó không, nhưng Billy vẫn tiếp tục làm, không phê-bình gì cả. Jody quay đi ngó ngọn đồi trên đó có con đường từ thế-giới bên ngoài đưa vào trại. Ánh nắng yếu ớt tháng Ba như gội sạch ngọn đồi. Những cây gai lá như tráng bạc, những cây đậu bông tím và vài cây anh túc tỏ bông trong bụi từ bi. Ở lưng chừng đồi, Jody thấy con chó đen Doubletree Mut đang bới một cái hang sóc. Nó cào-cào một lát rồi ngừng để hất đất ở phía cẳng sau ; nó hăng hái đào ; đáng lẽ nó phải biết rằng đào hang sóc thì không làm sao bắt được sóc chứ.

Thình lình, Jody thấy con chó cứng sửng, chui ra khỏi hang rồi ngó về chỗ lõm ở đỉnh đồi chỗ mà con đường đi qua. Một lát sau, hình ông Carl Tiflin cưỡi ngựa in lên nền trời xanh nhạt, rồi ông xuống dốc tiến về trại. Trong tay ông có vật gì.

Đứa nhỏ đứng phắt ngay dậy la :

— Có thư.

Nó chạy về trại, vì chắc là thư sẽ đọc lớn tiếng ; nó muốn được nghe. Nó tới nhà trước ba nó, chạy tuột vô. Nó nghe thấy ông Carl xuống ngựa, tiếng yên rít lên, rồi tiếng vó vào sườn con ngựa để bảo nó vô lẫn, cho Billy tháo yên rồi thả cho ăn cỏ.

Jody chạy vô bếp, la :

— Chúng ta có thư.

Má nó đương coi cái xoong đậu, ngửng lên hỏi :

— Chúng ta là ai ?

— Ba. Con thấy ba cầm cái thư.

Ông Carl bước vô bếp, bà vợ hỏi :

— Thư ai gởi đó, mình ?

Ông ta cau ngay mày lại :

— Làm sao mình biết là có thư ?

Bà quay đầu về phía đứa nhỏ :

— Thằng Cái gì-cũng-biết nó bảo đấy.

Jody mắc cỡ.

Ba nó khinh bỉ ngó nó, bảo :

— Ừ, nó đã thành ra thằng Cái-gì-cũng-biết. Việc của ai nó cũng xen vô, trừ việc của nó. Cái gì nó cũng chúi mũi vào.

Bà Tiflin dịu giọng :

— Cũng tại nó không có công việc gì nhiều để làm. Nhưng thôi thư của ai đấy ?

Carl vẫn trợn mắt ngó Jody :

— Nó coi chừng đấy, tôi sẽ kiếm việc cho nó làm không kịp nghỉ tay a.

Ông ta chìa một bức thư niêm phong ra :

— Chắc là thư của ba em.

Bà Tiflin lấy một cái ghim cài tóc để mở bao thư. Bà mím môi lại, vẻ chú ý lắm. Jody thấy mắt bà đưa đi đưa lại theo những hàng chữ. Bà kể cho mọi người nghe :

— Ba nói là chiều thứ bảy sẽ đánh xe lại đây, ở chơi với chúng mình ít lâu.

Nhưng hôm nay là thứ bảy rồi. Thư tới trễ rồi.

Bà nhìn con dấu nhà bưu điện :

— Thư bỏ hôm kia. Đáng lý hôm qua phải tới rồi chứ ?

Bà ngẩng lên chồng, có vẻ hỏi han, rồi sầm mặt lại, bất bình, hỏi chồng :

— Về mặt mình sao kỳ vậy ? Mấy khi ba đã tới !

Carl quay mặt đi, tránh cơn giận của vợ. Thường thường, ông ta nghiêm khắc với vợ, nhưng đôi khi vợ quạu lên thì ông ta sờ.

Bà vợ lại hỏi :

— Mình làm sao đấy ?

Ông ta giảng giải, giọng xin lỗi y như giọng em nhỏ Jody vậy, coi mà thảm hại :

— Chỉ vì ba nói nhiều quá. Nói không ngớt.

— Nói nhiều, ừ, rồi thì làm sao ? Mình cũng nói nhiều vậy.

— Phải. Nhưng ông ngoại bảy nhỏ chỉ nói có mỗi một chuyện.

Jody hăng lên, xen vô :

— Chuyện Da đỏ. Tụi Da đỏ với cuộc băng qua cánh đồng.

Carl quay lại, giận dữ :

— Cút đi, cái-gì-cũng-biết. Đi, đi, cút đi !

Jody lầm lũi đi ra cửa sau và khép cánh cửa có lưới sắt lại một cách bình tĩnh không tự nhiên. Dưới chân cửa sổ nhà bếp, nó nhìn thấy một cục đá bình kỳ cục, thích quá ngồi xổm xuống để nhặt rồi mân mê trong tay.

Qua cửa sổ để ngỏ, có tiếng vọng xuống rõ mồn một.

Ba nó nói :

— Thằng Jody nói đúng quá đi. Chỉ kể chuyện về tụi Da đỏ và cuộc băng qua cánh đồng. Tôi đã phải nghe chuyện ăn cắp ngựa ít nhất là cả ngàn lần rồi. Nhắc đi nhắc lại hoài hủy mà không lần nào đổi lấy một tiếng.

Má nó đáp, giọng thay đổi lạ lùng, làm cho nó ngồi dưới cửa sổ, quên ngắm nghía viên đá. Giọng bà hóa ra ôn tồn, giảng giải. Jody đoán rằng vẻ mặt bà cũng phải biến đổi dữ thì mới có giọng đó được. Ba bình tĩnh nói :

— Mình nè, nên nhận sự đó như vầy. Nên coi đó là một đại sự trong đời của ba. Ba đã dẫn một đoàn xe băng qua các cánh đồng cho tới bờ biển, và khi việc hoàn thành thì đời của ba coi là hết rồi. Đó là một việc lớn, nhưng nó không lâu. Nè, bà tiếp tục nói, coi như là ba sinh ra đời để làm việc đó, và một khi làm xong thì không còn cái gì để làm nữa, ngoài cái việc nhớ và kể lại cuộc hành trình đã qua. Nếu còn có nơi nào để tiến về phương Tây được nữa thì chắc chắn ba đã tiến rồi. Chính ba đã nói với em như vậy. Nhưng rút cục là gặp biển. Ba bắt buộc phải ngừng lại và định cư ở bờ biển.

Giọng ngọt ngào đó làm cho Carl nguôi giận và chịu thua.

Ông ta bình tĩnh gật đầu :

— Phải, anh đã trông thấy. Ba xuống núi, ngó về phía tây mông lung ra ngoài khơi.

Giọng ông hơi nghiêm một chút :

— Rồi ba lại câu lạc bộ *Móng ngựa ở Pacific Grove* kể cho mọi người nghe tụi Da đỏ quất bầy ngựa đi ra sao.

Bà vợ lại rán làm nguôi lòng chồng :

— Mình nghĩ xem, đối với ba, việc đó là quan trọng nhất mà. Mình nên chiều ba một chút, cứ chịu khó làm bộ nghe ba kể.

Carl quạu quọ quay đi, gắt gỏng :

— Ừ, nếu chịu không nổi thì tôi trốn vô cái nhà ván rồi ngồi lì đó với chú Billy.

Nói xong ông ta đi qua nhà trên, bước ra ngoài, đóng mạnh cửa trước một cái rầm.

Jody chạy đi làm công việc. Nó vãi thóc cho gà con mà không phá chúng. Nó lượm trứng trong các ổ chim. Nó chạy đi ôm củi về nhà, cột lại kỹ lưỡng đến nỗi chỉ có hai ôm mà đầy nhóc cái thùng đựng củi.

Má nó nấu xong món đậu rồi, rút lửa đi, cầm một cánh gà mái quét mặt lò. Jody nem nép dò ý bà xem bà còn giận nó không.

— Ngoại tới hôm nay, phải không má ?

— Ừ, trong thư ngoại nói vậy.

— Con nên ra đường cái đón ngoại không ?

Bà Tiflin đóng mạnh cửa lò.

— Ừ ngoan. Đi đón, chắc ngoại vui lắm.

— Vậy con đi đây.

Ra ngoài sân, nó huýt còi lanh lảnh để gọi chó, ra lệnh :

— Đi lên đồi.

Hai con chó ngoe nguẩy đuôi, chạy trước. Bên bờ đường, cây từ bi đã có trái non. Jody hái ít cọng vò trong tay, không khí thơm một mùi hăng hoang dã. Hai con chó nhảy tọt vào trong bụi, sủa để đuổi bắt một con thỏ. Bắt không được, chúng bỏ Jody, trở về nhà.

Jody leo lên đỉnh đồi.

Khi nó tới cái đèo nhỏ, chỗ con đường cái đi qua, gió chiều thổi mạnh làm rối tóc của nó và chiếc áo sơ mi đánh phật phật. Nó nhìn thấy dãy đồi nhỏ ở dưới chân và ở đàng xa là thung-lũng Salinas xanh mướt bát ngát. Nó nhận ra được chân thành Salinas trắng toát ở giữa cánh đồng, ánh chiều lấp-lánh trên các cửa kính. Ngay dưới chân nó, một bầy quạ họp nhau trên một cây « sên ». Cây đen ngòm những quạ, chúng kêu vang lên cùng một lúc.

Rồi nó ngó con đường xe thoai thoải từ chỗ nó đứng, mất hút sau một ngọn đồi để lại xuất hiện ở phía bên kia. Trên khúc đường khá xa đó, nó thấy một cái xe do một con ngựa hồng kéo. Xe khuất sau trái đồi. Jody ngồi xuống đất, rình chỗ mà chiếc xe sẽ hiện ra. Gió ca trên ngọn cây và những cụm mây phinh phính trôi vội về phương Đông.

Chiếc xe xuất hiện và ngừng lại. Một người bận áo đen, trên ghế bước xuống, lại gần đầu con ngựa. Mặc dầu là ở xa tít, Jody đoán được rằng người đó tháo bộ cương giả cho con ngựa vì đầu ngựa cúi gục xuống. Con vật lại bước và người đó chầm chậm leo dốc bên cạnh nó. Jody mừng quá la lên, chạy lại đón. Những con sóc nhảy vọt ra bên đàng chạy trốn và một con chim (1) ve vẩy cái đuôi, chạy lên đỉnh đồi rồi lượn đi, biến mất.

(1) Loài chim này ở miền Californie tiếng Anh kêu là road-runner (chạy trên đường) có đặc điểm là chạy nhanh hơn bay.

Jody rán vừa chạy vừa giẫm vào giữa bóng của mình. Một hòn đá lăn dưới chân nó té nhào. Tới một khúc quẹo, nó chạy băng ngang và thấy ông ngoại nó với chiếc xe ở trước mặt, cách nó không xa. Nó ngừng lại, và chừng chạc tiến tới, không lăng xăng nữa.

Con ngựa khó nhọc leo dốc, bước không muốn vững, cụ già thì đi ở bên cạnh. Dưới ánh tà dương, bóng người và vật chập chờn ở sau, to lớn dị thường. Cụ già bận một bộ đồ nỉ đen, đi đôi « ghệt » bằng da dê cổ áo cứng và rất thấp đeo một chiếc cà-vạt đen. Tay cầm một cái mũ đen rộng vành bẻ xuống. Râu cằm trắng, cắt ngắn; lông mày thưa rủ xuống mắt y như râu mép. Mắt xanh, vui mà nghiêm. Từ nét mặt đến toàn thân đều có vẻ uy nghi như núi đá, đến nỗi thấy cụ cử động, người ta phải ngạc nhiên. Khi cụ ngồi nghỉ, người ta có cảm tưởng rằng cụ đã hóa ra đá và không thể nào còn nhúc nhích được nữa. Bước chậm chạp mà chắc chắn, tưởng như đã bước thì không thể nào lùi được nữa, đã nhắm một hướng nào thì con đường sẽ không quẹo được nữa, và bước chân cứ đều đều, không khi nào nhanh hơn cũng không khi nào chậm lại.

Khi Jody hiện ở chỗ quẹo, cụ già lấy mũ vẫy nhè nhẹ làm dấu và lớn tiếng hỏi:

— Cháu Jody đi đón ngoại đấy hả?

Jody lại gần, quay nửa vòng, theo nhịp bước của ông ngoại, thân thể ngay ngắn, hơi lết gót một chút, đáp:

— Thưa ngoại vâng. Ở nhà mới nhận được thư của ngoại hôm nay.

— Đáng lẽ thư phải tới hôm qua rồi. Chắc chắn vậy. Nhà binh an cả chứ?

— Thưa ngoại vâng.

Nó ngập ngừng một chút rồi rụt rè hỏi:

— Thưa ngoại, mai ngoại muốn đi săn chuột không ạ?

Ông già mỉm cười đáp:

— Đi săn chuột ư cháu? Con người ở cái thế hệ này đã tới cái nước phải đi săn chuột ư? Ngày nay người ta không còn cường trong rừng nhưng ông nghĩ đã tới nỗi nào phải bắt chuột làm con thịt.

— Thưa ngoại không ạ. Chỉ là trò chơi thôi ạ. Đống cỏ khô sắp hết rồi. Cháu tính đuổi chuột ra cho cho bắt. Ngoại có thể ngồi hoặc đập đập ít cái lên đống cỏ.

Cặp mắt vui và nghiêm của ông già ngó xuống đứa nhỏ.

— Ông hiểu rồi. Mà không ăn chuột chứ? chưa đến nỗi vậy chứ?

Jody giảng giải:

— Thưa ngoại, để cho chó ăn ạ. Cháu đoán là săn chuột với săn tụi Da đỏ có chỗ khác nhau.

— Ừ, khác nhau nhiều... nhưng khi đã đuổi tụi Da đỏ đi giết con cái chúng, đốt chòi của chúng thì lúc đó cũng không khác săn chuột là mấy.

Hai ông cháu lên tới đỉnh đồi rồi bắt đầu xuống lòng chảo, ánh chiều không còn chiếu trên vai họ nữa.

Cụ già bảo:

— Cháu đã cao thêm được hai phân đấy nhỉ.

Jody khoe:

— Dạ hơn. Chiều cao của cháu có đánh dấu ở cửa. Từ lễ Thanksgiving (1) năm ngoái, cháu đã cao thêm được ba phân.

— Có lẽ tại người ta tưới nhiều cho cháu quá, cho nên chỉ có cái thân cây và cái ruột cây là phát mau. Đợi khi nào có trái rồi mới biết được.

Jody liếc ông ngoại để xem có nên tỏ vẻ bất mãn không, nhưng không thấy ông có ý gì làm nhục mình cả mà trong cặp mắt xanh, tinh anh đó cũng không có vẻ trách mắng gì mình cả.

Nó nói :

— Có lẽ ở nhà sẽ mổ heo.

— Không được. Ông sẽ ngăn cản. Cháu muốn ngạo ông ư ? Cháu biết rằng lúc này không phải là mùa nên mổ heo mà.

— Thưa ngoại, ngoại biết con Riley không, con heo nọc bự đó ?

— Ừ, ông biết.

— Con Riley đó ăn cỏ khô ở cái đống cỏ mà cháu mới nói, nó khoét một lỗ trong đó và đống cỏ đổ lên mình nó, làm cho nó nghẹt thở.

— Ừ, heo thường làm vậy.

— Con Riley dễ thương lắm ngoại ạ. Thỉnh thoảng cháu cưỡi lên lưng nó mà nó làm thinh.

Có tiếng cánh cửa mở trong căn nhà ở dưới chân họ và hai ông cháu thấy má của Jody đứng dưới hiên, vẫy cái khăn lá đỏ để chào. Rồi lại thấy Carl Tiflin ở lẫm đi lên nhà trên để có mặt tại đó khi hai ông cháu tới.

(1) Lễ đó ở Mỹ vào cuối tháng mười một.

Mặt trời đã lặn sau đồi Khói xanh ở lò sưởi tỏa ra, trải thành từng lớp phẳng ở trên cái lòng chảo màu tim tím Gió đã ngừng, những cụm mây nhỏ lơ-lửng ở trên trời.

Billy Buck ở trong chòi vắn ra, đổ vung một chậu nước xà-bông lên mặt đất. Mới giữa tuần mà chú cũng cạo râu vì chú trọng ông ngoại của Jody lắm và ông cụ cũng mến chú, bảo rằng trong cái thế hệ mới này chỉ có vài người như chú còn thì toàn là tụi thỏ đế hết. Chú tuy đã đứng tuổi mà cụ coi chú như con nít. Chú cũng đương bước vội lên nhà trên.

Khi hai ông cháu tới nơi, cả ba người đều đứng đợi ở cổng.

Carl chào :

— Thưa ba mới tới. Cả nhà đợi ba.

Bà Tiflin ôm cha và đứng yên cho cha vỗ nhẹ vào vai bằng bàn tay lớn của cụ. Billy trang trọng bắt tay cụ nhếch mép mỉm cười sau bộ râu vàng và cứng như rơm. Chú thưa :

— Để cháu dắt ngựa của cụ vô chuồng.

Rồi chú dắt ngựa đi.

Ông cụ ngó theo rồi quay lại với con cháu -nói như cả trăm lần trước đã nói :

— Thằng đó ngoan. Tao biết ba nó, ông lão Buck Đuôi-la-cái. Không hiểu sao người ta lại gọi lão là Đuôi-la cái, có lẽ tại lão dắt những con la chở đồ.

Bà Tiflin vô nhà trước nhất

— Ba ở đây chơi bao lâu ? Trong thư không thấy nói.

— Ơ, ba cũng không biết nữa. Tính ở khoảng nửa tháng. Nhưng lần nào cũng

định ở lâu mà rồi có bao giờ ở được lâu đâu.

Một lát sau họ ngồi vào bàn ăn phủ một tấm vải sơn trắng. Ngọn đèn có chụp thiếc treo ở trên bàn. Ở ngoài, những con bướm đêm lớn đập nhè nhẹ vào cửa kính phòng ăn.

Ông cụ cắt bíp-tếch ra từng miếng nhỏ rồi nhai chậm-chạp. Cụ nói :

— Đời. Ngồi xe như vậy mà ăn thấy ngon miệng. Y như cái hồi băng qua các cánh đồng vậy. Tối nào mọi người cũng đói mèm, đến nỗi không chịu đợi cho thịt chín nữa. Mỗi tối tao ăn được gần hai ký rưỡi thịt bò rừng.

Billy nói :

— Nhờ vận động nên ăn được nhiều. Ba cháu hồi xưa vận tải cho chánh phủ. Cháu còn nhỏ xíu mà đã giúp việc cho người. Chỉ có hai cha con mà ăn hết nhẵn một cái đùi nai nhỏ.

Ông cụ bảo :

— Tao biết ông già mày, Billy. Người rất tốt. Người ta thường gọi là ông Buck Đuôi-la-cái, không hiểu tại sao, có lẽ tại chú ấy dắt bầy la cái chở đồ.

— Thưa đúng vậy, ba cháu dắt bầy la cái chở đồ.

Ông cụ đặt dao nĩa xuống và ngó chung quanh bàn :

— Tao nhớ có lần bọn tao thiếu thịt...

Giọng cụ bỗng hạ xuống du-dương, lý dị, như theo một cái ngẫn âm thanh mà câu chuyện đã tự vạch sẵn.

— Không có bò rừng, không có sơn dương, đến thỏ cũng không. Bọn đi săn không bắn được một con chó sói nào. Lúc đó là lúc người chỉ huy phải đề-phòng. Mà tao là người chỉ huy, tao phải để ý xem xét. Tại sao ư ? Có gì đâu. Hễ họ đói thì họ giết bò kéo xe để ăn thịt. Các con có tin được điều đó không ? Tao đã thấy những đoàn xe giết bò kéo xe để ăn thịt. Họ bắt đầu giết những con đi ở giữa rồi tiến lần lần tới hai đầu. Cuối cùng là hạ nốt cặp bò dẫn đầu rồi tới những con vật buộc ở bên gọng xe. Người chỉ huy đoàn lữ hành phải ngăn cản việc đó.

Một con bướm lớn không biết làm cách nào vô được phòng và bay quanh ngọn đèn treo đốt bằng dầu lửa. Billy đứng dậy tìm cách đập nát nó trong lòng bàn tay. Carl chụp được, bóp chết nghiến, lại cửa sổ liệng ra ngoài.

Ông cụ tiếp tục :

— Lúc này tao nói...

Nhưng Carl ngắt lời :

— Ba xơi thêm ít thịt nữa. Chúng con sắp đến tâm món pudding đây.

Jody thấy một vẻ giận trong cặp mắt của má. Ông cụ cầm dao và nĩa lên.

Khi xong bữa, cả gia đình với chú Billy Buck hội họp trước lò sưởi ở phòng bên, Jody lo lắng rình ông ngoại. Nó đã quen những dấu hiệu đó rồi. Mặt cụ già đầy râu ria cúi xuống, cặp mắt mắt vẻ nghiêm nghị mà ngắn ngừ nhìn ngọn lửa ; những ngón tay lớn khô đét chắp lại đặt lên đầu gối.

Cụ bắt đầu kể :

— Không biết tao đã kể cho các con nghe tụi đạo tặc Piute đã đánh cắp ba mươi lăm con ngựa của chúng tao chưa.

Carl ngắt lời :

— Hình như ba đã kể rồi. Có phải đúng cái lúc ba sắp tới xứ Taboe không ?

Cụ già quay ngay lại ngó chàng rể :

— Đúng Vậy là tao đã kể chuyện đó rồi à ?

Carl tránh cặp mắt của vợ, đáp một cách tàn nhẫn :

— Cả chục lần rồi ạ.

Nhưng ông ta có cảm giác là cặp mắt giận dữ của bà vợ đương ngó mình chăm chú, và nói tiếp :

— Tất nhiên, nghe lại vẫn thấy thú.

Ông cụ lại nhìn ngọn lửa. Những ngón tay của cụ mở ra rồi chắp lại. Jody biết lúc đó cụ cảm xúc ra sao ; trong thâm tâm cụ chán nản và trống rỗng biết bao Mới ban chiều nó bị rầy là « Cái-gì-cũng biết », mà bây giờ nó can đảm liều một lần nữa. Nó nhỏ nhẹ thưa :

— Ngoại kể cho chúng con nghe về tụi Da đỏ.

Cặp mắt ông cụ lại hiện lên cái vẻ nghiêm nghị.

— Con nít bao giờ cũng chỉ muốn nghe nói về tụi Da đỏ. Công việc là của người lớn mà con nít lại thích nghe. Ừ, được để xem nào. Hồi đó tao muốn mỗi chiếc xe có một miếng sắt dài, chuyện đó tao đã kể chưa nhỉ ?

Mọi người đều làm thinh. Chỉ có Jody là nói :

— Thưa chưa ạ.

— Ừ, đây chuyện như vầy. Khi tụi Da đỏ tấn công, chúng tao quay xe lại thành một vòng tròn rồi chiến đấu ở trong vòng đó Tao nghĩ rằng nếu mỗi chiếc xe có một miếng sắt dài đục lỗ để chĩa súng ra bắn, thì có thể gắn những miếng sắt đó vào những bánh xe ở ngoài, và một khi các xe quay lại thành vòng tròn thì ở trong vòng được yên ổn lắm. Như vậy tiết kiệm được mạng người, đủ bù vào số sắt nặng phải chở thêm. Nhưng tất nhiên là lữ đoàn không chịu. Từ xưa chưa có lữ đoàn nào làm như vậy, và họ thấy không có lý gì để tốn thêm tiền vào việc đó. Sau này họ mới ân hận là không nghe lời tao.

Jody ngó má, thấy vẻ mặt bà chẳng chú ý mảy may gì tới câu chuyện cả Còn ông chồng thì nậy một chỗ chai tay ở ngón cái, chú Billy Buck thì ngó một con nhện bò trên tường.

Ông cụ lại cho giọng nói theo cái ngắn của câu chuyện. Jody biết trước ông ngoại sẽ dùng những tiếng nào. Câu chuyện tiếp tục giọng xì xào rồi gấp gấp một chút trong cuộc chiến đấu, ủ rũ vì những kẻ bị thương, lầm rầm trong đám táng ở giữa cánh đồng mênh mông. Jody ngoan ngoãn ngồi yên ngắm ông ngoại. Cặp mắt xanh nghiêm nghị có vẻ bình thản. Hình như chính cụ cũng không thích câu chuyện đó lắm.

Khi câu chuyện đã kể xong và mọi người đã ngồi yên một chút cho phải lễ, Billy Buck mới đứng dậy, vươn vai, kéo quần lên, nói :

— Cháu phải về thôi.

Rồi lại đứng trước mặt ông cụ :

— Ở trại cây cháu có cái sừng cũ đựng thuốc súng và một cây súng tay có thông hỏng, không biết cháu đã đưa cụ coi chưa ?

Ông cụ lắc đầu nhè nhẹ :

— Rồi, hình như coi rồi. Nó làm tao nhớ tới cái súng tay tao dùng hồi chỉ huy lữ đoàn của tao.

Billy lễ phép đứng nghe hết câu chuyện ngắn đó rồi cáo biệt :

— Cháu xin phép cụ.

Và đi ra sân.

Lúc đó Carl Tiflin rán xoay hướng câu chuyện.

— Trên đường từ đây tới Monterez ba thấy đồng ấng ra sao ? Nghe nói là ít mưa.

— Khô khan. Không có một giọt nước trong đầm Laguna Seca. Nhưng chưa thấm vào đâu với năm 87. Hồi đó tất cả xứ này chỉ là cát bụi ; và năm 61 nữa, không một con chó sói nào là không chết đói. Năm nay còn mưa được bốn tấc nước.

— Vâng, nhưng mưa trễ quá. Nếu bây giờ mưa cho được một chút thì tốt.

Rồi ông ta ngó Jody.

— Con không thấy rằng tới giờ đi ngủ rồi ư ?

Jody ngoan ngoãn đứng dậy.

— Ngày mai con được giết chuột trong đống cỏ cũ không ba ?

— Giết chuột ? Được, giết cho không còn một mống đi. Chú Billy bảo cỏ khô hư hết ráo rồi.

Jody nháy ông ngoại, vẻ bí mật và khoái chí.

— Mai con sẽ giết hết cho mà coi.

Nằm trong giường, Jody nghĩ tới cái thế giới kỳ dị của tụi Da đỏ và loài bò rừng, một thế giới đã mất hẳn rồi. Nó tiếc không được sống vào thời đại anh-hùng đó, nhưng nó biết rằng nó không có cái bản chất anh-hùng. Tất cả những người đương sống, có lẽ trừ Billy Buck, không ai là đáng làm những việc mà người trước đã làm. Thế hệ trước là một hạng người khổng lồ, những người không biết sợ là gì, những người mạnh mẽ phi thường, ngày nay không còn nữa. Jody nghĩ tới những cánh đồng mênh mông, những đoàn xe chạy trên đó như những con rết. Nó nghĩ tới ông ngoại nó cưỡi một con ngựa trắng cao lớn để chỉ huy cả đoàn. Những hình ma to quá đỗi diễn qua óc nó, tiến tới chân trời rồi biến mất.

Lúc đó óc nó trở về trại một lát. Nó nghe thấy tiếng động xào xạc và gắp trong không gian và cảnh tĩnh mịch. Nó nghe thấy chó trong cũi gãi chí, khuỷu chân đụng vào ván. Rồi gió lại nổi, cây trắc bá đen rên rỉ và Jody ngủ lúc nào không hay.

Nó tỉnh dậy nửa giờ trước khi người ta gõ cái khánh tam giác để báo giờ điểm tâm. Khi nó đi qua bếp, má nó đương nhóm lò cho lửa reo lên. Bà hỏi nó :

— Con dậy sớm thế ? Con đi đâu ?

— Con đi kiếm một cây gậy tốt. Hôm nay giết chuột đây.

— Ai giết ?

— Ngoại và con.

— Vậy ra con đã mướn ngoại làm hả ? Con muốn có thêm người để nếu có bị rầy thì khỏi phải một mình nhận lỗi hả ?

— Con sẽ trở vô liền. Con chỉ muốn có một cây gậy tốt để ăn sáng xong là sẵn sàng.

Nó khép cửa lưới sắt rồi ra sân. Buổi sáng mát mẻ. Chim ríu rít chào bình minh, và những con mèo của trại từ trái đồi trở về, y như những con rắn mập. Chúng săn ong ban đêm, no nê, ngồi quây quần thành hình bán nguyệt ở cửa sau và kêu meo-meo để đòi sữa. Hai con chó Doubletree Mutt và Smather theo veo bụi rậm đánh hơi một cách trịnh-trọng, nhưng khi Jody huýt còi gọi thì chúng ngẩng ngay đầu lên và vẫy đuôi, chạy xuống, vừa ngáp vừa rũ lông. Jody nghiêm trang vuốt đầu chúng rồi tiến lại đám đỗ vụn dãi dầu dưới mưa nắng. Nó lựa một cái cán chổi cũ và một khúc cây cũ dày hai ba phân. Nó móc trong túi ra một sợi dây giày cột đầu hai cây gậy đó lại mà không thắt, để làm thành một cái đòn. Cầm khí giới mới đó nó vút trong không khí rồi đập xuống đất để thử, trong khi hai con chó nhảy ra bên để tránh, ăng ẳng lo ngại.

Jody đi vòng căn nhà định tới đống cỏ cũ để nhận xét địa thế chỗ sẽ xảy ra vụ tàn sát, nhưng Billy Buck, kiên nhẫn ngồi trên những bực thềm ở sau, bảo nó :

— Trở về nhà đi, sắp ăn sáng rồi.

Jody đổi hướng và trở về nhà. Nó gác cái đòn của nó vào những bực thềm, bảo :

— Để đuổi chuột cho chúng ra đấy. Em cam đoan là chúng mập dữ. Em cam đoan là chúng không ngờ gì hết về tai nạn sẽ xảy ra hôm nay.

Billy đáp, giọng một triết-nhân :

— Phải, chúng không biết được việc sẽ xảy ra mà em cũng vậy, tôi cũng vậy, chẳng ai biết được đâu.

Ý tưởng đó làm cho Jody hoang mang. Nó biết rằng điều đó đúng. Óc tưởng tượng của nó không hướng về cuộc săn chuột nữa. Má nó ra hiên phía sau, gõ vào cái kiểng hình tam-giác, và tất cả mọi ý tưởng tan hết ráo.

Khi họ ngồi vào bàn thì ông cụ chưa vô. Billy lấy đầu ra dấu, chỉ cái ghế của cụ, hỏi :

— Cụ mạnh chứ ? Có sao không ?

Bà Tiflin đáp :

— Cụ thay đồ lâu lắm. Còn chải râu, đánh giày, chải áo.

Carl rắc đường lên món ăn nấu bằng sữa ột.

— Một người đã chỉ huy một đoàn xe băng qua đồng thì phải săn sóc y phục của mình chứ.

Bà Tiflin quay lại :

— Mình, đừng nên vậy ! Thôi đi ! Giọng có vẻ dọa hơn là năn nỉ, nên làm cho Carl nổi quạu :

— Thế thì bắt tôi phải nghe bao nhiêu lần nữa câu chuyện miếng sắt và câu chuyện ba mươi lăm con ngựa ? Thời đó đã qua rồi. Nó đã qua rồi thì tại sao không chịu quên nó đi ?

Càng nói lại càng giận, giọng cao lên.

— Tại sao cứ lặp đi lặp lại hoài hủy vậy ? Ừ thì ba mình đã băng qua những cánh đồng. Tài giỏi lắm ! Nhưng bây giờ xong việc rồi. Không ai còn muốn nghe hoài nghe hủy câu chuyện đó nữa.

Cánh cửa nhà bếp nhè nhẹ khép lại. Cả bốn người ngồi ở bàn bỗng lạnh toát đi. Carl đặt cái thìa lên bàn rồi đưa tay lên cằm.

Cánh cửa nhà bếp mở ra và ông cụ vô. Miệng mỉm cười gượng gạo và mắt như trốn tránh mọi người. Cụ cất tiếng chào, ngồi xuống, nhìn đăm đăm vào đĩa sữa bột.

Carl không thể làm thinh được.

— Ba... ba đã nghe lời con nói ?

Ông cụ gật đầu nhẹ.

— Thưa ba, không biết hôm nay con làm sao ấy. Con không muốn nói như vậy. Chỉ là vui miệng thôi ạ.

Jody mắc cỡ, liếc nhìn mẹ và thấy bà nín thở ngó chồng. Ông chồng làm cái việc ấy, bậy quá. Nói câu đó chắc ông đứt ruột ra. Đã nói rồi mà chối là điều gớm ghiếc lắm đối với ông, chối mà lại tự hạ mình xuống mới là vô cùng xấu xa chứ.

Ông cụ ngó chỗ khác, giọng nhã nhặn :

— Ba luôn luôn rán nhìn cái phía tốt của mọi sự. Ba không giận đâu. Anh nói gì ba cũng không chấp, nhưng điều anh nói đó có thể đúng, và chính chỗ đó, chỗ đó mới làm cho ba buồn.

Carl đáp :

— Lời con nói không đúng đâu. Sáng nay trong người con không được bình thường. Con ân hận đã nói câu đó.

— Đừng nên ân hận điều gì cả, anh Carl. Già như tôi đâu còn sáng suốt nữa. Có lẽ anh nói đúng. Cuộc băng qua đồng đã xong rồi. Nó xong rồi thì có lẽ nên quên nó đi.

Carl đứng dậy.

— Tôi ăn đủ rồi. Tôi đi làm đây. Cứ thủng thẳng mà ăn, chú Billy !

Ông ta vội vã bước ra. Billy nuốt cho xong bữa rồi theo ra. Nhưng Jody không thể rời cái ghế được, bởi ông ngoại :

— Từ nay ngoại không kể chuyện nữa ư ?

— Có chứ ! Ông cũng vẫn kể, nhưng chỉ khi nào.., ông biết chắc là người ta muốn nghe kia.

Jody đứng dậy.

— Thưa ngoại, cháu đợi ngoại ở ngoài. Cháu có một cây gậy để đuổi chuột rồi.

Nó ra sân đứng đợi ở cửa cho tới khi ông cụ bước ra hiên.

Nó gọi :

— Thôi đi giết chuột bây giờ đi, ngoại.

— Để ông ngồi sưởi nắng ở đây. Cháu đi giết chuột đi.

— Nếu ngoại muốn, ngoại cầm cây gậy của cháu này.

— Không, ông chỉ ngồi đây một lát thôi.

Jody buồn rầu đi về phía đồng cỏ cũ. Nó nghĩ tới những con chuột mập mạp, nung núc để cho thêm hăng hái. Nó lấy đòn đập xuống đất. Bầy chó ăng ẳng mơn trớn chung quanh nó, nhưng nó tiến không được. Nhìn lại sau lưng, nó thấy ông ngoại ngồi dưới hiên, nhỏ bé, gầy ốm và đen.

— Sao mà trở về sớm vậy ? Cháu giết chuột rồi ư ?

— Thưa ngoại không. Để hôm khác sẽ giết.

Ruồi buổi sáng vo ve sát mặt đất và kiến lăng xăng ở trước bực thềm. Mùi hăng của cây từ bi từ trên đồi tỏa xuống. Cái hiên bằng ván phơi ra dưới nắng.

Khi ông cụ bắt đầu nói, Jody còn vơ vẩn chưa nhận ra :

— Buồn như vậy thì ông không nên ở đây nữa.

Ông cụ nhìn những bàn tay già nua và mạnh của mình.

— Ông có cảm tưởng rằng cái việc băng qua đồng đó không đáng làm. Ông cụ ngước mắt lên nhìn những ngọn đồi và thấy một con ó yên lặng đậu trên một cành khô.

— Ông kể lại những chuyện cũ đó nhưng ông không muốn nói như vậy. Kể lại là ông muốn cho thiên hạ cảm thấy một cái gì mà cái đó thì ông biết. Cái quan trọng không phải là tụi Da đỏ, cũng không phải là những cuộc mạo hiểm, cũng không phải là cái việc tới được đây. Cái quan trọng là biến đổi được một đám người thành một con vật thuần nhất, khổng lồ, bò qua cánh đồng. Và ông là khúc đầu của con vật đó. Con vật đó tiến về phương Tây, tiến hoài về phương Tây. Mỗi một người cũng muốn một cái gì cho riêng mình, nhưng con vật khổng lồ gồm tất cả những người đó thì chỉ muốn mỗi một điều nầy là tiến về phương Tây. Ông là người dẫn đường, nhưng nếu không có ông thì cũng có người khác lên cầm đầu. Con vật đó cần có một cái đầu.

« Giữa trưa nắng mà dưới những bụi rậm nhỏ, bóng tối đen ngòm. Khi người ta nhìn thấy dãy núi ở xa thì ai nấy đều khóc . . . Nhưng cái quan trọng không phải là cái việc tới được đây mà là cái việc tiến về phương Tây.

« Bọn ông đã đem đời sống lại miền nầy, cho nó an trí ở đây, cũng như một bầy kiến tha trứng lại. Và ông là người dẫn đường. Cuộc tây tiến đó lớn như Thượng Đế vậy, và những bước chậm chạp để thực hiện cuộc di-cư đó, mỗi ngày một chồng chất lên nhau cho tới khi xuyên qua được đại lục.

« Rồi bọn ông tới biển và thế là hết.

Ông cụ ngừng lại, chùi mắt, mi mắt đã hóa đỏ.

— Đó, đáng lẽ ông phải nói như vậy, chứ đừng kể chuyện.

Khi Jody nó , ông cụ giật mình, ngó nó :

— Một ngày kia có lẽ cháu có thể cầm đầu một bọn người được.

Ông già mỉm cười :

— Còn nơi nào nữa mà đi ? Biển rộng ở đó để cản đường các người rồi. Suốt dọc bờ biển, có một dãy người già oán ghét biển cả vì nó đã ngăn cản bước đường của họ.

— Thưa ngoại, đi tàu thì cháu có thể tiến được nữa chứ ?

— Không còn chỗ nào để đi nữa, cháu ơi. Chỗ nào cũng có người chiếm rồi. Nhưng cái đó, không phải là cái đáng buồn nhất. Không, không phải là cái

đáng buồn nhất. Đáng buồn nhất là con người ngày nay không còn cái lòng tây tiến nữa. Cuộc tây tiến không còn là một cơn đói nữa. No chết hẳn rồi. Ba con nói đúng. Hết hẳn rồi.

Ông cụ chắp tay lại ôm gối ngồi nhìn ngón tay của mình.

Jody thấy buồn lắm.

— Ngoại muốn uống nước chanh, để con pha ?

Ông cụ định từ chối, nhưng thấy vẻ mặt đứa cháu, ông bảo :

— Ừ, pha cho ông một ly đi, uống cho vui.

Jody chạy vô bếp, má nó đương rửa chén.

— Má, cho con một trái chanh làm nước chanh cho ngoại nhé ?

Má nó nhái cái giọng của nó :

— Và một trái nữa để làm nước chanh cho con nhé.

Bỗng nhiên bà ngừng lại :

— Jody ! Con đau ư ?

— Không, con không xin cho con.

Bà ngọt ngào bảo nó :

— Lấy một trái trong chạn đó, con. Đợi đấy, má lấy đồ ép chanh cho.

NGUYỄN-HIẾN LÊ *dịch*

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

**

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

- *Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique.*
- *Installations de gazothérapie.*

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

QUAN NIỆM HỘI HỌA

do NGUIỄN-NGU-Í, ĐỖ-TẤN và DƯƠNG-BÍCH-NGUYÊN phụ trách

XV

Ông Lê-Văn-Đệ

✱ Ông LÊ-VĂN-ĐỆ.

— Tốt nghiệp khôi-nguyên Trường Cao-Đẳng Mỹ-Thuật Hà-Nội, khóa 1930.

— Cựu Sinh-viên Trường Quốc-Gia Cao-Đẳng Mỹ-thuật Paris.

— Môn-sinh của J. Pierre Laurens,

— Giải thưởng Phòng Nghệ-sĩ Pháp-Quốc Paris (Salon officiel des Artistes Français),

— Học bổng Nghiên-cứu tại Rome và Athènes,

— Giám-đốc Mỹ-thuật về Á-châu trong kỳ Triển-lãm Quốc-tế báo chí công giáo tại Vatican năm 1936.

— Điều khiển công cuộc tổ-chức Mỹ-thuật của Tòa Thánh Vatican trong kỳ Triển-lãm Quốc-tế Paris năm 1937,

— Trưởng Phái-đoàn Nghệ-sĩ Việt-Nam kỳ Triển-lãm Quốc-tế Mỹ-thuật công-giáo Vatican năm 1950 tại Roma trong dịp năm Thánh.

Có tác-phẩm trưng bày :

— tại Viện Bảo-tàng Luxembourg ở Paris : « Gia-đình » (La famille), sơn dầu, 1934,

— tại Viện Bảo-tàng Mỹ-thuật giáo-sĩ thừa sai Vatican 1936 ; « Đức Mẹ » (Mater amabilis) và « Bà Thánh Madeleine dưới chân thập-giá » (Ste Madeleine sous la croix) (Bích họa).

— tại Viện Bảo-tàng Aix-la-Chapelle (Đức-Quốc) : « Mẹ và con » (La mère et l'enJant) (Vẽ lụa),

Khuynh-hướng : *Tân-cổ-điển.*

Sở thích : *Các thủ-ấn-họa Nhật-bản (Estampes japonaises) và các họa phẩm thời nguyên-thủy Âu-châu (Arts Primitifs).*

— Theo ý ông thì hội họa ngày nay ở Việt-Nam có những xu hướng nào đáng kể nhất và riêng ông đã ngả về xu hướng nào hay tự tìm lấy một đường lối riêng biệt ?

— Hội họa Việt-Nam mới có được hơn 30 năm trời. Con người lên đến tuổi đó, được gọi là đã trưởng thành nhưng với ngành nầy, quả thật là rất ấu thơ so với các nước Âu Á khác. Hiện tại ở xứ ta có rất nhiều xu-hướng, hay nói cho đúng hơn, xu-hướng nào cũng có nhưng tất cả đều ở vào thời kỳ dò dẫm, không có gì chắc chắn ở tương ai.

Riêng tôi, đường lối riêng biệt vẫn là xu hướng Cổ-Điển và Tân Cổ-Điển và thiên về Tranh Lụa.

Hội họa nước ta, một phần chịu ảnh hưởng của nền Hội họa Trung-Hoa ở lối vẽ tỉ mỉ và màu sắc nhẹ nhàng, một phần chịu ảnh hưởng của kỹ thuật Tây Phương nên đã có một sắc thái hoàn toàn riêng biệt. Hiện nay, với một vài sáng kiến mới mẻ và xem các sách Âu Tây, một số đồng nghiệp vẽ tranh theo xu hướng mới (như Trừu-Tượng) nhưng tôi nghĩ đường lối ấy không có gì hứa hẹn ở tương lai.

Tôi còn nhớ năm 1959, Ông André Malraux Tổng Trưởng Văn-Hóa Pháp có tổ chức một cuộc Triển Lãm tại Paris nhằm khuyến-khích Họa-sĩ vẽ tranh trừu tượng. Trong cuộc triển lãm nói trên, tranh trừu tượng được giới thưởng ngoạn hỏi mua nhiều nhất. Phong trào mua tranh trừu-tượng ở Pháp mạnh đến nỗi đã có một Họa sĩ chế ra được một máy để quay ra loại tranh trên, không khác gì tranh do các họa sĩ khác vẽ. Phải chăng có một số người tuy không hiểu cái hay, đẹp của tranh trừu tượng như thế nào, nhưng vẫn bỏ tiền ra mua để tỏ cho mọi người biết rằng mình cũng biết « thưởng thức » như ai, và, vì thế mới có một số con buôn đầu cơ nghệ thuật (trafiquants de l'Art) lợi dụng để hốt bạc. Hai năm sau, trong thời kỳ triển lãm lưỡng niên 1961, số tranh trừu tượng không còn được giới thưởng ngoạn ưa chuộng nữa và số bán ra thua kém xa loại tranh vẽ theo lối hữu hình (figuratif). Với bằng chứng trên, tôi tin rằng rồi đây tranh trừu tượng sẽ lui dần vào quên lãng của mọi người.

— Nếu có người cho rằng hội họa phải có dân tộc tính thì có người lại cho rằng hội họa cần phải được quốc tế hóa. Theo ý Ông hai lập luận trên đây có trái nghịch nhau không và Ông có nghiêng về lập luận nào không ?

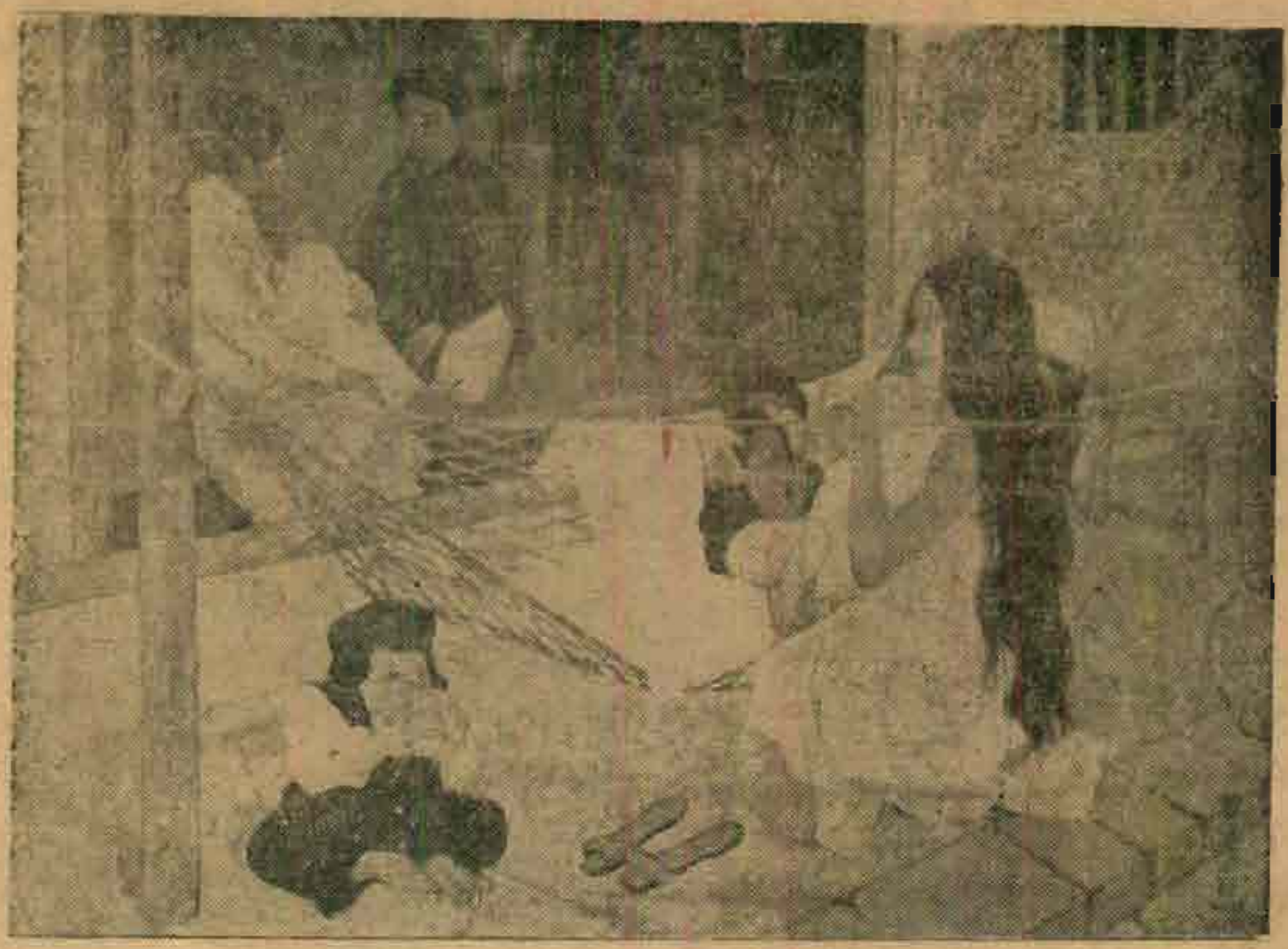

Họa phẩm của họa.sĩ Lê-Văn-Đệ

— Tôi vẫn đồng ý với tất cả những ai cho là hội họa cần phải có dân tộc tính. Hội họa của mỗi dân tộc đều có cái đẹp, cái hay riêng của nó. Khi xem tranh của một họa sĩ Việt-Nam có căn bản vững chắc sáng tác, dù vẽ theo lối Âu-Tây, người ta vẫn nhìn thấy có cái gì mang nặng màu sắc Á-Đông trong tranh. Những cái gì đó không phải do tác giả cố ý tạo ra mà nó xuất hiện từ trong huyết quản của con người họa sĩ, đi vào rung động của tâm hồn rồi truyền qua nét bút. Đành rằng một bức tranh đẹp, một bài thơ hay đều thuộc quyền sở hữu chung của mọi người trên thế giới, nhưng ta không nên bao giờ nghĩ đến việc quốc tế hóa Hội họa. Thế giới sẽ không còn có một Raphaël, Picasso hay Michel Ange trong lịch sử Hội họa nữa nếu tất cả Họa sĩ đều theo một đường lối quốc tế và tranh của một Họa sĩ Nhật chẳng hạn còn có gì khác biệt với tranh của Họa-sĩ Pháp hay Đức. Hơn nữa tôi cho việc quốc-tế-hóa Hội họa là một điều viển vông không thể thực hiện được ; mà nếu có thực hiện được đi nữa thì quả là một sự thiệt thòi lớn lao cho giới thưởng ngoạn sau này.

— *Xin cho ông biết những công trình tìm kiếm và những kết quả của ông trên địa hạt Hội họa.*

— Đã từ lâu (1934), song song với tranh lụa, tôi còn có xu hướng vạch một đường lối nghệ thuật tôn giáo (art sacré). Khi mà tôi được thưởng thức những siêu phẩm mỹ thuật ở La-Mã, tôi vẫn cho là nghệ thuật cần phải phụng sự mục đích

thiêng liêng cao quý hơn là « nghệ thuật vị nghệ thuật ». Được như thế, mình mới nhận thức được các điều CHÂN, THIỆN MỸ của nghệ thuật

Nói đến lụa, thì ta đã hình dung trong ý nghĩ cái gì đài các, nhẹ nhàng và uyển chuyển. Vì thế tôi nghĩ là vẽ trên lụa ta cần tìm những thể chất màu sắc thiên nhiên có thể ngấm sâu vào sớ lụa, chớ không phải chỉ nằm trên mặt lụa như nằm trên giấy hay trên vải. Như thế tranh mới giữ được tính chất nhẹ nhàng và bền bỉ của nó. Hiện tôi đã tìm tòi ngay trong xứ ta được một số màu thiên nhiên để dùng vào việc vẽ tranh lụa, Nhưng vẫn còn thiếu ít nhiều, nên lúc vẽ đôi khi vẫn phải bị bắt buộc dùng màu nhân tạo. Điều cốt yếu là tránh việc dùng màu nhân tạo được nhiều chừng nào hay chừng nấy. Còn về kỹ thuật, cách hòa hợp màu sắc và bố cục trong tranh tôi vẫn giữ đúng theo lề lối cổ hữu của nó, mặc dù có người cho rằng chúng tôi vẫn còn quanh quẩn trên lối mòn cũ kỹ của nền Hội-họa.

— *Việc giảng dạy ở Nhà Trường có làm trở ngại cho sự sáng tác của ông không ?*

— Có, thật ra thì Họa-sĩ lúc nào cũng thích vẽ hơn là công việc sổ sách, giấy tờ, nhưng, bù vào đó tôi được một phần an ủi lớn là đã đào tạo cho xứ sở một số Họa sĩ trẻ có nhiều hứa hẹn tốt đẹp ở tương lai.

— *Hiện giờ nhà trường có phổ biến những xu-hướng và những quan-niệm nghệ thuật mới của Hội-họa cho sinh-viên không ?*

Có một nhân viên cao cấp trách chúng tôi sao không giảng dạy cho sinh viên xu hướng trừu tượng. Chúng tôi giải thích là không có chương trình giáo khoa nào về xu hướng đó. Mà thật, cần gì phải giảng dạy, hiện sinh viên của trường có thể vẽ được ngay tranh trừu tượng không thua kém gì tranh của nhiều họa sĩ đã triển lãm. Chúng tôi không cấm sinh viên vẽ theo xu hướng nào cả, ngoài phạm vi nhà trường họ muốn làm gì thì làm. Nhưng khi đã đặt chân vào trường rồi thì tất cả đều phải hướng theo khuôn khổ của chương trình giáo khoa. Sau nầy ra trường có sẵn vốn căn bản vững chắc về Hội-họa rồi, họ muốn theo đường lối nào tùy thích.

Thật thà mà hỏi : Phần đông họa sĩ trừu tượng có vẽ được một bức tranh đẹp và đúng phép theo lối Tân Cổ-Điển được không, trong lúc bất cứ họa sĩ phái Tân Cổ-Điển nào cũng « làm » được tranh trừu tượng. Hỏi tức là trả lời rồi vậy.

— *Có người cho rằng kỹ-luật và phương pháp giảng dạy hiện nay của nhà trường thường gò bó nghệ thuật và cản trở bước tiến của người đi học ; xin ông cho biết ý-kiến về điểm này.*

— Về việc một số sinh-viên chống đối « chế độ » nhà trường, theo tôi thì không riêng gì trường này, ngành này, và bất cứ ở đâu, trường nào cũng có những phần tử bất mãn đó.

Một vài sinh-viên nhà trường đã phải ra trường sớm, dư luận phần đông cho rằng nhà trường đã đuổi họ vì họ đã gửi tranh dự các cuộc triển lãm hay đoạt một vài huy chương trong các phòng tranh. Về điểm này tôi sẽ nêu ra đây một vài trường hợp như sau :

Ô. Lê-Văn-Đệ, 1936
(hình vẽ ở Roma)

Trường Cao - Đẳng Mỹ - Thuật cũng như các trường Quốc-gia Âm-nhạc, Kịch-nghệ, Sư-phạm, đều có một kỷ luật, quy chế gần giống nhau, nghĩa là sinh-viên đang khi theo học không được tham dự những hoạt-động chuyên môn của mình ngoài công cộng mà không được phép của nhà-trường ; quy chế này không riêng ở nước ta mà các nước tân tiến như Pháp, Ý đều như thế cả.

Tuy kỷ luật nhà trường như vậy, mà vẫn có một số sinh-viên nhà trường vi phạm, nhưng chưa ai đã phải ra trường sớm, vì bị đuổi, do quyết-nghị của hội-đồng giáo-sư cả. Sự khoan dung này không phải là vì hội-đồng thiếu biện-pháp đối xử hay nhu nhược mà chính là nhà trường đã đặt nặng vấn đề giáo-dục và thông cảm hoàn cảnh hơn là áp dụng biện pháp cứng rắn.

Bằng chứng : trong hai năm qua một số sinh-viên nhà trường đã gửi tranh tham dự các cuộc triển lãm mà vẫn được tiếp tục học như thường. Chỉ có một ít người ra trường nhưng lại không phải vì lý do nhà trường đuổi.

Anh Lê-Chánh, sinh-viên năm thứ ba trong niên khóa 1960 - 1961, đã dự rất nhiều phòng tranh được giải và văn bằng danh dự, mà chỉ học được có nửa năm trong niên khóa này đã phải ra trường sớm, vì sinh kế.

Những sinh-viên : Lâm-Huỳnh-Long, Lê-Thanh Phương-Mai, Nguyễn-Hữu-Phước, Đỗ-Trọng-Nhơn, Hồ-Hữu-Thủ, Đoàn-Hân đã dự rất nhiều cuộc triển lãm. Một số đã đoạt được giải, hay văn bằng như Lâm-Huỳnh-Long, huy chương bạc phòng tranh hội - họa mùa xuân vừa qua, và bao nhiêu văn bằng tưởng lệ, danh dự. Lê-Thanh, được học bổng đi Pháp trong cuộc chọn tranh của Đệ nhất Triển lãm Quốc-tế Mỹ-Thuật tại Việt-Nam. Đỗ-Trọng-Nhơn, Nguyễn-Hữu-Phước cũng là những sinh-viên được giải thưởng trong nhiều cuộc triển lãm trước và mới đây lại được thêm tại phòng Triển lãm Quốc-tế Mỹ-Thuật.

Xa hơn, tại trường Cao - Đẳng Mỹ-Thuật ở Huế, những sinh-viên liên tiếp tham dự triển lãm trong gần ba năm nay như các anh Nguyễn - Văn - Liễu, Đinh-Cường v. v... cũng không ai phải ra khỏi trường cả (bị đuổi).

Trong 8 năm qua nhà trường chỉ sa thải một số sinh-viên chừng 3, 4 người vì đã phạm những kỷ-luật quá nặng của nhà trường.

Những trường hợp tôi vừa trình bày ra ở trên cũng đủ chứng minh là nhà trường bao giờ cũng nâng đỡ Sinh-viên, và đặt nặng vấn đề giáo-dục.

★

CUỘC PHỎNG VẤN VỀ QUAN NIỆM HỘI HỌA

✱ LƯU-ĐÌNH-KHẢI.

Lưu-Đình-Khải

— Sinh ngày 12 4-1910 tại làng Phước Lợi (Chợ Lớn).

— Tốt nghiệp trường Cao-đẳng Mỹ thuật Đông-Dương khóa thứ ba, tháng 6 năm 1933

— Giáo sư hội họa Trung học Pétrus Ký (26-10-1933)

— Giáo sư trường Mỹ-Nghệ thực hành Gia-Định.

— Hiện là Hiệu trưởng trường Trung Trí Mỹ nghệ Gia-Định từ năm 1961.

— Huy chương Monisaraphon : 1-3-1944.

— Hàn lâm bội tinh 23-6-1952.

— Theo ý ông thì hội họa ngày nay ở Việt-Nam có những xu hướng nào đáng kể nhất và riêng ông đã ngả về xu hướng nào hay tự tìm lấy một đường lối riêng biệt ?

— Hiện nay Hội họa Việt-Nam có rất nhiều xu hướng hay nói cho đúng hơn nữa là các nước Âu-Mỹ có phái nào thì chúng ta có phái ấy, nhưng tất cả đều ở vào thời kỳ ấu trĩ và không có xu hướng nào được phát triển mạnh hay được giới thưởng ngoạn đặc biệt chú ý.

Riêng tôi, từ trước đến nay vẫn theo xu hướng Cổ-điển và Tân Cổ-Điển. Nói thế không phải là chối bỏ những xu hướng khác mà chính tôi vẫn luôn luôn tìm tòi những điều hay, lạ của nhiều phái mới và cũng nhìn nhận là nó có cái đẹp riêng của nó.

— Nếu có người cho rằng hội họa phải có dân tộc tính thì có người cho rằng hội họa cần phải được quốc tế hóa. Theo ý Ông hai lập luận trên đây có trái nghịch nhau không và Ông có nghiêng về lập luận nào không ?

— Tôi cho là hai lập luận trên đây không có gì đối chọi vì tôi nghĩ rằng hiện nay Hội-họa Âu-Châu gần như không còn có biên giới nữa. Các Họa-sĩ Âu đã đi lần đến chỗ cùng có một tư tưởng cũng như lối « vẽ » phẳng phất giống nhau. Điều này đã lan tràn đến Bắc-Mỹ và hiện đang lấn dần xuống các Quốc-Gia miền Bắc Nam - Mỹ. Phải chăng vì ở những nơi này phương tiện giao thông được mau chóng và dễ dàng nên Họa-sĩ có nhiều dịp gần gũi nhau, cùng trao đổi kinh nghiệm, tư tưởng như người cùng trong một xứ. Tôi chắc rồi đây không sớm rồi muộn nó sẽ lan tràn đến Việt-Nam và các nước Á-châu khác như nhạc Rock, Twiss vậy. Việc này cũng không có gì lạ vì mỗi thế hệ người ta quan niệm cái đẹp một khác nhau. Thí dụ như trước đây 40 năm người ta cho một cô gái đẹp cần phải có gương mặt tròn như trăng rằm, tóc dài chấm gót, dáng đi yểu điệu, da trắng như dồi phấn, sau đó chừng mười năm thì phải có gương mặt trái xoan v..v.. và đến bây giờ thì như sao chúng

ta cũng đã hiểu. Các nước Âu-Châu họ không nói đến Dân tộc tính nữa mà gọi nó là Địa-phương hóa Hội-họa. Trong kỳ triển-lãm quốc-tế tại vườn Tao-Đàn vừa qua, khi xem tranh Nhật-Bản ta có đoán nổi là của Nhật hay không, nếu không có bảng ghi tên Quốc-Gia treo trước gian phòng của nó ? Cũng có một vài nước còn giữ được đôi chút màu sắc riêng biệt của xứ sở như Mã-Lai, Pháp, Nam-Dương nhưng rất ít, ít cho đến đỗi phải tinh mắt lắm mới nhận ra. Tôi cho là Dàn-tộc-tính hay Quốc-tế-hóa là điều không mấy quan trọng miễn là Họa-sĩ Việt-Nam tiến mạnh và giữ được chỗ đứng ngang hàng với các Họa-sĩ năm châu.

Tôi e rằng sau này dù không muốn Quốc-tế-hóa -Hội-họa có lẽ ta cũng không cưỡng nổi đà tiến của nó và việc bảo tồn Dàn-tộc-tính sẽ là điều hết sức mong manh như ngọn đèn trước gió bão. Theo tôi, vấn đề tối cần là họa-sĩ Việt-Nam đừng bao giờ để mất tinh-thần dân tộc.

— *Xin Ông cho biết những công trình tìm kiếm và những kết quả của Ông trên địa hạt Hội họa.*

— Về công trình tìm kiếm của tôi và những kết quả trên địa hạt Hội-họa thì thật không có gì đáng kể Mà có tìm ra được cái gì hay, lạ, tôi đã phổ biến cho anh em và các sinh-viên ở trường cùng hưởng chung chứ không khư khư giữ riêng cho mình.

— *Công việc nhà trường có làm trở ngại cho việc sáng tác của Ông không ?*

— Tôi đã mất rất nhiều thì giờ cho công việc nhà trường nhưng không vì thế mà tôi ngưng sáng tác. Hiện nay tôi đã vẽ được ít nhiều tranh và vẫn luôn luôn coi việc sáng tác là môn giải trí mà tôi say mê và thích thú nhất.

— *Xin Ông cho biết ý kiến về một vài xu hướng mới như xu hướng Trừu tượng chẳng hạn.*

— Như tôi đã nói trên, xu hướng nào cũng có cái hay cái lạ của riêng nó. Tôi đã cố tìm hiểu về loại tranh này và cũng hiểu được chút ít. Từ xưa đến nay phần nhiều tranh Việt-Nam ta có những đề tài rõ ràng như những tuồng hát thường thường vào những hồi kết cuộc, lúc nào Trung cũng thắng Nịnh, Chính-nghĩa diệt Bạo-tàn, người ngay thắng kẻ gian. Phải chăng lối dàn xếp, bố cục này đã quá quen thuộc với quần chúng rồi, cho nên trong mấy năm gần đây có nhiều tuồng hát, phim hay đã « vãn » vào lúc mình không thể biết trước được và bắt khán giả khi ra về vẫn còn nhiều suy nghĩ. Người ta cho nó hay, vì đạo diễn biết ngừng đúng lúc. Tôi cho tranh trừu tượng cũng bắt chước na ná giống như thế : màu sắc lối bố cục trong tranh đều mang nặng tính chất « khó hiểu » và đề tài chính như ẩn nấp dưới lớp sơn dày. Với bao nhiêu đó tranh trừu tượng đã buộc người thưởng ngoạn phải tìm tòi, suy nghĩ nhiều để cố hiểu Họa-sĩ muốn diễn tả cái gì nhưng sợ điều nói trên không có mấy ai thành công được nếu tranh không có tựa.

Căn cứ vào sự hăng say sáng tác của tất cả Anh em Họa-sĩ Việt-Nam, tinh thần chăm chỉ, cố gắng học hành của các em sinh viên, sự nâng đỡ thiết thực của Chính-Phủ, báo chí và giới thưởng ngoạn, tôi tin rằng ngành Hội-họa Việt-Nam sẽ tiến mạnh không kém một quốc gia Âu Á nào trên thế giới và sẽ có nhiều Họa-phẩm giá trị làm rạng danh cho xứ sở.

★

LÊ-YÊN.

Tên thật : Lê-Yên.

Sinh năm 1913 tại Hà-Nội. Tốt nghiệp Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-Dương năm 1937.

Từng tham dự nhiều cuộc Triển-lãm ở ngoại quốc (Paris, San Francisco..) và nhận được nhiều huy chương quốc tế.

Vào Nam năm 1953. Đã làm việc và dạy tại trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Hà-Nội, trường quốc học Vinh, trường Khải-Định, Đồng-Khánh, Kỹ-thuật và Cao-đẳng Mỹ-thuật ở Huế.

Lê-Yên tay khoác áo, giữa là Nguyễn Gia-Trí và bên là Tôn-Thất-Đào

Tôi vào trường Mỹ-thuật Huế hiện đã dời vào trong Đại Nội, nhưng không gặp *thầy* Lê-Yên mà lại gặp *trò* Đinh-Cường. Cường bảo tôi : có lẽ giờ này *thầy* đang dạy ở trường Trung học Kỹ-thuật. Chúng tôi dạo quanh một vòng, nói chuyện về cuộc Triển-lãm Quốc-tế vừa rồi ở Saigon, đặc biệt là về những nhận xét của Tạ-Tỵ và Thái-Tuấn về cuộc triển-lãm này, rồi kéo xuống nhà của *thầy* ở mãi gần cuối đường Minh-Mạng trong một khu vườn u tịch, phía trước có một cái hồ sen.

Trong khi đợi *thầy* đang *bậu* bữa cơm trưa để kịp đi dạy vào lúc 2 giờ chiều, chúng tôi ngồi nghe chim hót (vì phòng khách — và đồng thời cũng là phòng ngủ của Lê-Yên tiên sinh — có một cái *chuồng* chim khá lớn nuôi đủ các thứ chim hót

khá hay) và xem mấy bức tĩnh vật treo rải rác đây đó trong phòng có lẽ không phải vì mục đích mỹ thuật mà vì để... cho những bức tường đỡ trống trải

Lê quân đã lên kia rồi ! Lấy tình quen biết lâu ngày, tôi vào đề ngay :

— Tạp chí Bách Khoa nhờ tôi đến quấy anh đây. Họ muốn hỏi : tại sao trong gần mười năm nay, anh không vẽ nữa mà chỉ dạy cho người khác vẽ ?

Câu hỏi như có vẻ « xúc phạm » đến lòng tự ái của một nghệ sĩ, anh vội vàng thanh minh và giải thích :

— Anh nghĩ tôi còn có thì giờ đâu nữa để mà vẽ ! ? Hết Kỹ-thuật đến Mỹ-Thuật, hết Mỹ-Thuật lại chạy sang Kỹ-thuật ; về đến nhà thì bổn phận đối với con cái... Ngay cả những cuộc phỏng vấn từ bên Pháp gởi sang đã lâu mà tôi cũng chỉ trả lời được một vụ, với những lời lẽ vắn tắt. Nhưng bắt đầu hè này tôi sẽ cố gắng thu xếp để có thì giờ sáng tác.

Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt đầy hứa hẹn của người đối thoại và hỏi tiếp :

— Theo anh thì nàng Mỹ-thuật Việt-Nam trong những năm gần đây như thế nào ? Còn duyên hay hết duyên ? Có còn quyến rũ anh như hồi mới ra trường cách đây vài ba mươi năm nữa không ?

— Nàng Mỹ-thuật của chúng ta trong những năm gần đây muốn ngả theo những chiều hướng mới cho sát hợp với những *thị hiếu quốc tế* và dường như xa rời cái cốt cách và bản sắc dân tộc. Điều này không có gì khó hiểu. Nó như nhiều người trẻ tuổi hôm nay bắt chước thanh niên nước ngoài mặc áo chim cò mặc quần *gin*, nhưng vẫn không thiếu những người đứng đắn, một mặt muốn *khai phóng*, nhưng một mặt vẫn cố gìn giữ những đường nét và màu sắc dân tộc.

Để giúp điều kiện cho anh cụ thể hóa những ý tưởng của anh về điểm này, tôi hỏi thêm :

— Đặc biệt trong bốn năm dạy ở trường Mỹ-thuật Huế, anh thấy có những xu hướng nào phát hiện mạnh mẽ nhất ?

Anh không trả lời thẳng câu hỏi nhưng anh nói về quan niệm đi dạy của anh :

— Có người bắt sinh viên hội họa phải nhất luật làm đúng theo những điều họ dạy, họ bảo. Tôi thì không. Nghệ thuật ẩn náu trong lòng mỗi người chứ không phải có thể viện trợ từ bên ngoài vào. Giáo sư giúp cho những nghệ sĩ tương lai những kiến thức, những kinh nghiệm, những kỹ thuật thông thường để họ có thể đốt giai đoạn mà đi sâu vào lòng họ và đi sâu vào thiên nhiên một cách mau chóng và dễ dàng, đỡ phải mò mẫm những điều mà những người đi trước đã mò mẫm và nay đã có thể tổng kết lại thành những kinh nghiệm, những công thức, nguyên tắc. Tôt tin trong địa hạt khoa học e chắc cũng vậy.

Dừng một chút rồi như sực nhớ câu hỏi của tôi, anh nói :

— Những sinh viên mỹ thuật Huế khó lòng tự tách ra khỏi phong trào sinh hoạt chung của xã hội hôm nay ; và trong sinh hoạt nghệ thuật, họ cũng có xu hướng muốn hòa mình vào không khí nghệ thuật quốc tế, nghĩa là nặng về trang trí, về trừu tượng. Nhưng dù là gì, tôi cũng mong cho họ nói được những điều họ muốn nói, như thế là quý lắm rồi.

Một họa phẩm của Lê-Yên

— Anh mới nói về không khí nghệ thuật quốc tế. Anh có thể cho biết rõ thêm quan điểm của anh về vấn đề này không ?

— Tôi thấy có người cho rằng Hội họa phải có dân tộc tính, người khác lại cho rằng Hội-họa cần phải được quốc tế hóa. Riêng tôi, tôi không có gì thắc mắc trong vấn đề này. Người Nhật cũng dùng những kỹ thuật chế biến của Tây phương để sản xuất những con búp bê, nhưng con nào cũng mang những hình nét và màu sắc Nhật-Bản ; và búp bê của Nhật không phải là không được yêu chuộng trên thị trường quốc tế.

— Như vậy thì theo anh, nền Hội họa Việt-Nam nên đi theo đường hướng nào ?

— Hội họa cũng như âm nhạc vốn dĩ là một thứ ngôn ngữ quốc tế. Có lẽ chúng ta không nên để ý đến vấn đề quốc gia hay quốc tế, mà chúng ta nên để ý xem mình có nói được điều mình muốn nói trong kh *làm* tranh hay không. Và điều này liên hệ đến ý hướng của tác giả và nội dung của tá: phẩm chứ không liên hệ gì đến kỹ thuật thể hiện, dù rằng ở mỗi nội dung cần có một kỹ thuật thể hiện thích hợp.

— Nghĩa là theo anh, nội dung cần phải đi trước ?

— Nói như anh cũng được, mà nói cái tâm hồn và cái tư tưởng của nghệ sĩ đi trước rồi cái lối, cái cách trình bày cái tâm hồn và cái tưởng kia đi sau cũng được. Đó là tôi nói những nghệ sĩ chân chính, có những hoài bão thiết tha với nghệ thuật và có một trình độ kỹ thuật sắc bén. Còn đối với những người xem Hội họa như một trò ảo thuật thì tôi không dám nói đến.

Nghĩ một lúc, anh lại nói tiếp :

— Do nhận định trên mà tôi đã nói với anh : người sinh viên hội họa nên thu nhận thật cho đầy đủ và chín chắn những kiến thức từ giản dị đến phức tạp, những kỹ thuật từ *cũ* đến ***mới*** để sử dụng cho thành thạo thôi màu, cán cọ, rồi từ đó họ có thể phóng mình vào trường phái nào cũng được. Chấp nhận một trường phái hay tự tạo cho mình một đường lối sáng tạo riêng biệt là quyền của nghệ sĩ.

Theo những câu hỏi mà tòa soạn đã đề ra trong B. K. số 127, tôi hỏi anh :

— Trong những tranh anh làm ra từ trước đến nay, anh thích bức nào nhất ?

Anh vẫn không trả lời thẳng câu hỏi của tôi :

— Đã lâu không được nhìn lại những tranh đã làm, (một số phải để lại ngoài Bắc không mang đi được, một số đã bán cho thiên hạ) nên tôi không nhớ rõ là đã thích bức nào nhất. Nhưng có lẽ con đẻ ra đứa nào tôi cũng thương ngang nhau. Điều tôi thích nhất và tôi cho là thành công nhất trong đời hội họa của tôi là tôi đã giúp đỡ, hướng dẫn (nếu không dám nói là đào tạo) được một số người trẻ tại các trường sư phạm và nay mai đây, nếu có một sinh-viên nào ở trường Cao - Đẳng Mỹ-thuật Huế « làm nên trò trống » gì, có lẽ tôi cũng . . .

Thấy anh vừa liếc nhìn đồng hồ, tôi kết thúc cuộc quấy rầy bằng câu hỏi :

— Trong địa hạt văn chương, có người chia thành *lớp cũ*, *lớp mới*, anh thấy trong Hội họa thế nào ?

— Đó chỉ là một lối nói. Trong những ngày gần đây, tôi có nghe nói đến những danh từ như cổ-lỗ-sĩ, đợt sống mới v.v... nhưng anh nghĩ : trong quá trình xây dựng một quốc gia, nào phải chỉ có công những người hôm qua mà không cần đến những người hôm nay, hay ngược lại, chỉ cần những người hôm nay mà phủ nhận công lao của những người hôm qua ? Trong lịch sử Hội-họa, có chán vạn người đã *quá tuổi* nhưng nét bút của họ rất tân kỳ, trong khi có những người trẻ tuổi nhưng tâm hồn họ đã già từ trước khi cầm đến cái cọ

Cuộc phỏng vấn của Tạp-chí Bách-Khoa về « quan-niệm hội-họa » trong suốt năm 1962 tạm chấm dứt nơi đây. Tạp-chí Bách-Khoa cùng anh em phụ trách cuộc phỏng-vấn trân trọng cảm tạ 41 họa-sĩ đã vui lòng bày tỏ đường lối sáng tác và công trình tìm kiếm của mình để người xem tranh đứng trước các họa phẩm trong những phòng triển lãm sau này, sẽ nhận hiểu và thưởng thức dễ dàng hơn, cảm thông với các họa-sĩ hơn.

Chúng tôi chân thành cáo lỗi cùng các họa-sĩ đã trả lời bạn Nguyễn-Ngu Í trong những dịp tiếp xúc riêng, mà vì lý do sức khoẻ, bạn Ngu Í hất thường phải tạm ngưng làm việc nên chưa viết ra kịp những câu trả lời này ; một khi có dịp, Bách-Khoa sẽ lại trình bày đầy đủ cùng bạn đọc.

Cuộc phỏng vấn về quan-niệm hội-họa sẽ do bạn Thái-Tuấn tổng kết trong Bách-Khoa số kỷ-niệm 6 năm sắp tới đây.

TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY

HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BAO HIỂM CÔNG TY

TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents

Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BAO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000 000 ₰

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT

VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 – 23.913

Cùng với những ngày cuối năm 1962.

KHI NGƯỜI CHẾT CÓ MẶT ra đời

Tiểu thuyết tâm lí này của NGUYÊN-NGU-Í, viết xong từ 1954, nay mới in thành sách.

KHI NGƯỜI CHẾT CÓ MẶT không thuộc về loại tiểu thuyết có luận đề, có tư tưởng, cũng không thuộc loại tiểu thuyết làm văn chương, mà chỉ là một cuốn tiểu thuyết rất... tiểu thuyết, nghĩa là để các bạn « mua vui cũng được một vài trống canh » những khi xếp nó lại, các bạn không khỏi ngậm ngùi hoặc bâng khuâng nhè nhẹ.

Tựa của BÌNH-NGUYÊN-LỘC là một trả lời dứt khoát với những ai chủ trương tiểu thuyết phải nói lên một cái gì !

do NGÀY XANH xuất bản — Giá : 35 $

---

nhà xuất-bản HOA-PHƯƠNG-ĐÔNG

291, đại lộ Lý thái tổ, Saigon — Giám-đốc văn học : THẾ-NGUYÊN

Đã xuất bản : SÁNG MUÔN THU *thơ DIỄM-CHÂU*
NUÔI CON NHƠN TÌNH *truyện THẾ-NGUYÊN*

Sẽ phát hành vào đầu tháng Giêng 1963 :

TUYỂN TRUYỆN THẾ-PHONG

- Tác phẩm tập trung những truyện hay nhất của THẾ-PHONG trong mấy năm gần đây.
- Một tác phẩm ghi đậm những kinh nghiệm sống đầy nước mắt của người văn nghệ hậu chiến.
- Một tác phẩm mà tất cả những ai còn biết yêu văn chương nghĩa lý không thể bỏ qua.
- Dầy 150 trang, trình bầy rất mỹ thuật, **giá 50 đồng**

đã phát hành

TUỔI TÌNH YÊU thi phẩm gồm 40 thi bản ca tụng triết học và tình yêu của HẢI-PHƯƠNG, TRỊNH-CUNG trình bày giá **50 đồng.**

đã có bán :

Một vài cảm nghĩ của người thầy thuốc

của *Anh-Tuấn Nguyễn-Tuấn-Phát*

... một cuốn sách của tình thương và của cuộc sống vui rào rạt...

Giá : 35 đồng

Bách-Khoa vừa nhận được :

— Mầu tím hoàng hôn (Duy-Bình) Tiếng đêm khuya — Mười năm qua (Lương-Anh-Vũ) Lạnh đêm — Con đường mùa Xuân — Ý nghĩ mùa Xuân — Xuân (Văn-Khanh) Cầm canh — Mùa Xuân trời đất — Trăng (Hồ-Dạ-Thảo) Đi dựng mùa Xuân — Lời đối thoại mùa Đông (Mai-Thuy-Trâm) Bài ca mùa Xuân (P. D.) Ngày mai — Khóc hoài... (Vy-Trang) Lữ hành và lạc đà (N.Y.S.) Sinh ca (Kiều-Trân) Thư gởi mẹ (Vũ-Ngọc-Hải) Xin nửa nụ cười — Hoa lưu ly (Cường Phong) Am thầm (Lê-Kym-Hồ) Về biển — Gửi về quê mẹ (Hương-Huyền) Tự sát (Mộng-Bằng-Côn) Mùa Xuân trở về miền Tây (Vương-Tân) Chờ anh (Hoàng-Hữu Hạnh) Đợi chờ (Hoàng-Sơn) Thao thức... (Hồ-Dạ-Thảo) Độc hành ca — Hợp tấu — Chân-Dung II (Hoàng-Quốc-Huy) Nhớ nhà — Thơ Anh (Trần-Hữu-Mùi) Chú Kiển (Ngô-Phan-Lưu) Khốn nạn (Quang-Huy) Di niệm (Song Nguyên Hoài-Thảo) Ngõ mắt (Mạc Ly-Châu) Dâng lên mùa Xuân — Thương cho em (Lê-Linh-Sa) Một đoạn bỏ quên — Huế (Thanh-Huyền) Anh rủ em về sống lúa quê hương (Thạch-Bích) Lời sầu mùa đẹp — Mầu trắng em cho (Thế-Ly) Phía mặt trời... (Thái-Tú-Hạp) Điệu buồn — Thơ buổi chiều (Lê-Kym-Hồ) Những con sâu mất mùa Xuân (Ly-Ca Hạnh-Trai) Tình miền núi — Những ngày còn lại v. v... (Nguyên-Trinh) Tìm về — Hoang vắng — Đơn sơ (N. K.) Hồn ca mùa Đông (Hoài-Duy-Minh) Tóc mùa Xuân (Ngy-Hữu) Khoai lang nướng (Lê-Đình Phạm-Phú) Nỗi buồn Xuân cũ (Trần-Uyên Nhược-Châu).

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng **trừ THƠ** và trường hợp đặc biệt có thư riêng, thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

*

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Tình anh** thi phẩm của Diệu-Thanh, do Trịnh-Cung trình bày vàtác giả gửi tặng. Sách dày gần 20 trang, gồm trên 50 bài thơ, bản đặc biệt không đề giá.

— **Tuổi tình yêu** thi phẩm của Hải-Phương, do Trịnh-Cung trình bày, tác giả xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 60 trang, khổ lớn, gồm 40 bài thơ, giá 50 đ.

— **Đau thương** thi phẩm của Nguyễn-Hiền, thuộc Thi-văn-đoàn Hoa-Rừng Quảng-Ngãi, do tác giả gửi tặng. Sách dày 92 trang, gồm 40 bài thơ, giá 32 đ.

— **Tập thơ độc nhất** của Trần-Văn-Nam do tác giả xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 50 trang, chia làm 3 phần : Thơ và triết học, thơ và giai đoạn, thơ và thơ, giá 20 đ.

MỤC-LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH-KHOA

(Từ số 133 đến số 144)

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp-chí	Trang
	KHẢO-LUẬN			
	CHÍNH-TRỊ			
1	Cu-Ba trước Hoa-Kỳ và Châu-Mỹ La-Tinh	Tiểu-Dân	140	3
2	— id —	— id —	141	3
3	Cuộc tranh chấp biên giới Ấn-Độ Trung-Cộng và chính sách Trung-lập	— id —	142	3
4	Nội chiến tại Yémen	— id —	143	3
5	Sẽ có khủng hoảng nghiêm trọng mới quan hệ Đông-Tây ?	— id —	144	3
6	Chính sách mới của Sô-Viết tại Phi-Châu	Hoàng-Minh-Tuynh	133	3
7	Chính sách Hiệp-Chủng-Quốc tại Châu-Mỹ La-Tinh	— id —	134	3
8	Xảo thuật của ông Krouchtchev	— id —	135	3
9	Từ vụ Lào vụ Đức tới vấn đề tài binh	— id —	136	3
10	Algérie trên đường xây dựng độc lập	— id —	137	3
11	— id —	— id —	138	3
12	Thái độ Hiệp-Chủng-Quốc đối với Thị-trường chung Âu-Châu	— id —	139	3
	GIÁO-DỤC			
1	Vấn đề giáo-dục phụ-nữ Nhật-Bản ngày nay	Đoàn Văn-An	143	37
2	Lò đào tạo người thượng-lưu	Vi-Huyền-Đắc	138	41
2	Góp ý về vấn-đề giáo-dục và dạy Triết	Nguyễn-Như	135	45
4	Góp ý về dạy Triết ở Trung-học	Đặng-Trần-Thái	133	35
5	Thế giới biến chuyển và thế hệ ngày mai	Bùi-Hữu-Sũng	144	17

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
	KHOA-HỌC			
1	Từ Sigma 7 đến những dự tính khoa học không gian	Nguyễn-Minh-Diệu	140	33
2	Mỗi ngày trái đất nặng thêm 3.000 tấn	Trọng-Khang	141	45
3	Sự ngẫu nhiên và con số Pi	— id —	143	47
4	Bí mật của lòng đất	Cô-Liêu	137	23
5	Những giả thuyết về kỹ thuật hỏa tiễn Vostok	— id —	138	47
6	Không trung phòng thủ	Võ-Quang-Yến	134	49
7	Vệ tinh thông tin	— id —	142	43
	NHÂN CHỦNG HỌC			
1	Người Chàm tại Việt-Nam	Dohamide	135	27
	PHONG-TỤC			
1	Giới lãnh đạo thôn ấp Chàm tại Việt-Nam	Dohamide	136	9
2	Cuộc sống tại gia đình người Chàm	— id —	137	11
3	Tang lễ và hôn-nhân Chàm	— id —	138	19
4	Người Chàm Châu-Đốc	— id —	139	15
5	Xã-hội người Chàm Châu-Đốc	— id —	140	17
6	Sự trưởng thành của thanh thiếu nữ Chàm	— id —	141	17
7	Đời sống của người Chàm Châu-Đốc	— id —	142	31
8	Tang lễ và tín ngưỡng của người Chàm Châu-Đốc	— id —	143	21
	— id —	— id —	144	23
	QUÂN-SỰ			
1	Vấn đề lập căn-cứ	Phạm-Ngọc-Thảo	142	13

SỐ thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
	NGHỆ-THUẬT			
1	Những hướng chính trong thế giới ảnh hiện tại	Nguyễn-Cao-Đàm	141	27
2	Nhân dịp lễ kỷ niệm đệ Bách chu niên nhạc sĩ Claude Debussy	Trần-Văn-Khê	139	101
3	Lá thư La-Mã	— id —	141	51
4	Tìm đẹp : đồ đạc	Đoàn-Thêm	136	37
5	Tô điểm trong mỹ nghệ	— id —	139	43
6	Giới thiệu điêu khắc hiện đại	— id —	140	55
7	Những bước tiến của họa-sĩ Phạm-Tăng	— id —	143	51
8	Khỉ vẽ	Thu-Thủy	137	106
9	Thân xác và nghệ thuật	Nguyễn-Văn-Trung	137	17
10	Xem triển lãm Esso	Thái-Tuấn	138	99
11	Cuộc triển lãm mỹ thuật quốc tế đầu tiên tại Saigon	— id —	141	67
	PHÁP-LUẬT			
1	Nhân xem vụ án Nuremberg	Trần-Thúc-Linh	144	49
	SỬ-ĐỊA			
1	Cụ Phan-Bội-Châu và vài hành động chính-trị trong chuyến « Nam hành » năm Quí-Mão	Nguyễn-Văn-Hầu	140	11
2	Công chúa hạ giá	Bửu-Kế	142	37
3	Hoàng tử nạp phi	— id —	143	29
4	Chuyện Triệu-Việt-Vương, một chuyện tiểu thuyết	Nguyễn-Phương	139	9
5	Lê-Thành-Phương với phong trào Cần-Vương tại Phú-Yên	Nguyễn-Đình-Tư	144	43
	TÔN-GIÁO			
1	Phật giáo Thiền Tông và Triết lý Thiền	Lê-Xuân-Khoa	138	9
2	Tính chất chủ yếu của Triết lý Thiền	— id —	139	21

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
	XÃ-HỘI			
1	Phụ-nữ xứ người	Mộng-Trung	134	61
2	Vấn đề giáo-dục phụ-nữ Nhật-Bản ngày nay	Đoàn-Văn-An	143	37
	TRIẾT-HỌC			
1	Góp ý về vấn đề giáo-dục và Triết	Thanh-Đàm	135	45
2	Phật giáo Thiền Tông và Triết lý Thiền	Lê-Xuân-Khoa	138	9
3	Tính chất chủ yếu của Triết lý Thiền	— id —	139	21
4	Góp ý về chương trình Triết ở bậc Trung-học	Lê-Tấn-Lộc	134	43
5	Nghe diễn thuyết về cuộc cách mạng tư tưởng Đức, thế kỷ 19	Bùi-Hữu-Sủng	133	59
6	Nhân sinh quan của Sartre	Trần-Hương-Tử	133	11
7	— id —	— id —	134	11
8	Tổng kết về phong trào Triết hiện sinh	— id —	135	19
9	— id —	— id —	136	23
10	Triết lý bi đát	— id —	141	35
11	Triết lý bi đát của Clément Rosset	— id —	142	17
	DANH-NHÂN			
1	Nhân dịp lễ kỷ-niệm đệ Bách chu niên nhạc-sĩ Claude Debussy	Trần-Văn-Khê	139	101
2	Isaac Newton	Nguyễn-Hiến-Lê	135	35
3	Ignace Philippe Semmelwels	— id —	138	25
4	Claude Bernard	Cô-Liêu	143	33
5	— id —	— id —	144	29
6	William Faulkner	Trần-Phong	134	21

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
	VĂN - HỌC			
1	Tìm hiểu Nhật-Bản qua thi ca	Đoàn-Văn-An	139	35
2	Kinh nghiệm đời văn	Phong-Giao	133	53
3	— id —	— id —	134	53
4	— id —	— id —	135	55
5	— id —	— id —	136	51
6	Hò miền Nam	Nguyễn-Văn-Hầu	135	15
7	— id —	— id —	136	15
8	Phải thống nhất nhan-đề và thoại của các áng văn thơ cổ	Nguyễn-Hiến-Lê	142	23
9	Các giải thưởng văn chương trên nước Việt	Nguiễn-Hữu-Ngư	137	37
10	— id —	— id —	139	55
11	Giải thưởng Tự-Lực văn-đoàn	— id —	140	39
12	William Faulkner	Trần-Phong	134	21
13	Về một thái độ trong văn nghệ miền Bắc	Tràng-Thiên	133	105
14	Văn mới thơ mới	— id —	134	110
15	Sống và viết theo ý của W. Faulkner	— id —	135	109
16	Viết và vẽ theo ý Henry Miller	— id —	136	103
17	Thời đại ngày nay và sáng tác theo ý Hermann Hesse	— id —	137	103
18	Viết và nghĩ theo Claude Simon	— id —	138	105
19	Uwe Johnson	— id —	143	59
20	Viết và nghĩ theo Truman Capote	— id —	140	65
21	Alain Robbe Grillet, người và truyện của hôm nay	— id —	141	57
22	John Steinbeck với giải Nobel 1962	— id —	142	49
23	Nghệ thuật kịch của Bertolt Brecht	Nguyễn-Văn-Trung	133	41
24	Những kẻ trầm luân ở trần gian của Frantz Fanon	— id —	138	53
25	Văn chương, văn học	— id —	139	31
26	Mấy ý kiến về phê bình văn học	— id —	140	23

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
27	Tác phẩm văn chương là một công trình của tinh thần	Nguyễn-Văn-Trung	144	35
	NẾP SỐNG NƯỚC NGƯỜI			
1	Vấn đề giáo-dục phụ-nữ Nhật-Bản ngày nay	Đoàn-Văn-An	143	37
2	Men bờ bể xanh	Minh-Đức	138	59
3	— id —	— id —	139	59
4	Phụ nữ xứ người	Mộng-Trung	134	61
5	Những nghề mới lạ ở xứ Pháp	— id —	142	59
	SINH-HOẠT — VĂN-NGHỆ			
	SINH-HOẠT			
1	Trung tâm văn bút Việt-Nam bầu lại ban thường vụ — Hội nhà văn Việt-Nam — Hoàng-Quang, một sử sĩ, một chứng nhân hay một lính chí nguyện	Nguiễn-Ngu-Í	133	112
2	Buổi nói chuyện của Đông-Hồ về « Song Tinh Bất Dạ truyện » của Nguyễn-Hữu-Hào	— id —	135	116
3	Buổi nói chuyện « Nhận định về tiểu thuyết hiện đại » của Vũ-Hạnh tại Văn-Đàn	— id —	136	108
4	Thuật buổi họp báo về đại hội thứ XI của Tổng liên đoàn giáo giới quốc tế	— id —	136	111
5	Thuật đại hội thanh niên thế giới tại Helsinki và quyết nghị về giáo dục trong thời đại kỹ thuật	— id —	137	112
6	Buổi nói chuyện của Cô-Liêu về quan niệm tiểu thuyết — buổi nói chuyện của ông Doãn-Giáp về nền hội họa	— id —	138	113

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
1	Việt-Nam — lễ phát giải thưởng văn-chương toàn quốc	Nguiễn-Ngu-Í	138	113
2	Thuật lễ kỷ niệm đản sinh đức Khổng-Tử ; buổi nói chuyện của ô. Nguyễn-Văn-Trung về một quan điểm mới của cuộc tranh luận Phạm-Quỳnh, Ngô-Đức-Kế qua truyện Kiều	— id —	139	109
3	Thuật hiện tình báo chí Việt-Nam	— id —	141	108
4	Nghe Bình-Nguyên-Lộc nói chuyện danh từ địa phương bình dân miền Nam chỉ về bệnh tật	Nguyên-Phủ	134	112
5	Thuật buổi nói chuyện của Doãn-Quốc-Sỹ « Nét sầu và niềm tin trong thi ca Việt-Nam »	— id —	135	113
6	Phái đoàn giáo sư các trường mỹ thuật đi thăm các nước bạn về	Nhân-Thế	133	114
	ĐIỂM-SÁCH			
1	Nhân đọc bộ Việt-Nam ca trù biên khảo của Ô. Đỗ-Bằng-Đoàn	Nguyễn-Hiến-Lê	137	29
2	Đọc « Thành-Cát Tư-Hãn » của Vũ-Khắc-Khoan	Cô Phương-Thảo	135	85
3	Đọc « Kỷ niệm văn thi sĩ hiện tại » của Bàng-Bá-Lân	— id —	143	97
4	Minh định vài điểm về bài điểm sách « Tìm hiểu hội họa »	Đoàn-Thêm	137	71
5	Đọc « Ba sinh hương lửa » của Doãn-Quốc-Sỹ	Tràng-Thiên	139	69
6	Truyện Tòa án của Nhuệ-Hồng	— id —	142	101
7	Giới thiệu sách : đọc « Những kẻ trầm luân ở trần gian » của Frantz Fanon	Nguyễn-Văn-Trung	138	53
8	Đọc « Tìm hiểu hội họa » của Đoàn-Thêm	Thái-Tuấn	136	83

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
	PHỎNG-VẤN về quan niệm sáng tác do Nguyễn-Ngu-Í phụ trách			
	TRẢ LỜI CUỘC PHỎNG VẤN VỀ « QUAN NIỆM HỘI HỌA » :			
1	Bé Kỳ — Trần-Văn-Quang		133	95
2	Đào Sĩ-Chu — Trần-Kim-Hùng — Mộng-Hoa		134	97
3	Nguyễn-Trí-Minh — Trương-Thị-Thịnh		135	98
4	Vũ-Hối — Thu-Nga — Trần-Quang-Hiếu		136	89
5	Văn-Nên — Nguyễn-Văn-Ngôn — Nghiêu-Đề		137	92
6	Văn-Ba — Tố-Oanh — Nguyễn-Trung		138	87
7	Hà-Khê — Cù-Nguyễn — Tố-Phượng		139	93
8	Lương Văn-Tỷ — Ngọc-Dũng — Hồng-Kầm		140	105
9	Lê-Cao-Phan — Trịnh-Cung		141	103
10	Trần-Dzụ Hồng — Thanh-Bạch — Phương-Mai		143	89
11	Lê-văn-Đệ — Lưu-Đình-Khải — Lê-Yên		144	89
	TRUYỆN-NGẮN			
1	Tiêu bạc giả	Nguyễn-Mạnh-Côn	141	83
2	Bàn cờ tướng	Lê-Tất-Điều	136	59
3	Sinh đôi	— id —	141	75
4	Loài hoa trên đá	— id —	143	81
5	Con đường cụt	Nhã-Điền	137	85
6	Con tư Diêm	Vũ-Hạnh	137	73
7	Trả thù	Võ-Hồng	136	73
8	Niềm tin chưa mất	— id —	142	91
9	Qua hiệu sách	Sơn-Nam	139	75
10	Cam thảo	Nguyễn-Khắc-Thiệu	135	59
11	Nỗi chết không rời	Thanh-Tâm-Tuyền	138	70
12	— id —	— id —	139	82
13	— id —	- id —	140	84

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
14	Tử-kỳ của loài kẻ	Vân-Trang	142	69
15	Hồi sinh	Viên-Linh	133	85
16	Bi hài kịch Phụng Minh thôn	Doãn-Quốc-Sỹ	134	67
17	Ác mộng	— id —	144	57
	TRUYỆN-DỊCH			
1	Teddy (dịch J. David Salinger)	Nguyễn-Minh-Hoàng	137	47
2	Cánh cửa cuối cùng (dịch Truman Capote)	— id —	140	69
3	Đường ranh giới (dịch U. Johnson)	— id —	134	64
4	Tư Gấu (dịch J. Steinbeck)	Đặng-Trần-Huân	142	75
5	Người chỉ huy (dịch The leader of people của J. Steinbeck)	Nguyễn-Hiến-Lê	144	71
6	Người y-sĩ trại tập trung (dịch Miklos Nejiszli)	Cô-Liêu	134	83
7	Một bông hồng cho Emily (dịch W. Faulkner)	Trần-Phong	135	73
8	Kanniverstan (dịch Johan Peter Hebel)	— id —	136	69
9	Tấm vải liệm (dịch Prem Chand)	Đynh-Hoàng-Sa	133	75
	THƠ			
1	Bãi biển chiều	Hồ-Trường-An	141	65
2	Cỏ may	Trần-Huiền-An	144	53
3	Cầu đất, giọng cò đơn, thảo cầm	Ninh.Chữ	138	84
4	3 bài thơ	Nguyễn-Đức-Cung	133	84
5	Tuổi trẻ	Trần-Đại	142	66
6	Ngoại đạo	— id —	144	55
7	Sáng chiều chủ nhật	Bùi-Khánh-Đẳn	137	83
8	Anh đi ngang nhà em	Cô Minh-Đức	136	68
9	Bài cuối của Lê	Nghiêu-Đề	137	101
10	Thung lũng	Hoài-Giang	141	66

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
11	Người hải ngoại	Bùi-Giáng	136	67
12	Biển chiều — Về	Thái-Tú-Hạp	137	84
13	Trường thành	Hoàng-Ngọc-Hiền	133	72
14	Chưa dám nhận	Mộng-Huyền-Hoa	135	70
15	Những tối thứ ba	Võ-Hồng	134	81
16	Bất chợt	— id —	140	82
17	Bóng sương	Hoài-Khanh	135	72
18	Màu lưu linh	— id —	139	73
19	Thức giấc nghe chim	— id —	143	76
20	Con đường — mưa ngàn	Hoàng-Khanh	141	108
21	Bài Phượng-Liên	Viên-Linh	135	72
22	Tự thuật	— id —	139	73
23	Dị thảo	Tường-Linh	134	80
24	5 cụm núi quê hương	— id —	135	68
25	Bài trong nhật ký	— id —	137	82
26	Thơ lạnh mùa sương	— id —	139	68
27	Người khách nhỏ	— id —	141	64
28	Thuyền lưới	— id —	143	78
29	Sinh nhật	— id —	144	55
30	Du ca 1, 2	Du-Tử-Lê	139	81
31	Bài kim Yến	Huy-Lực	141	65
32	Tình ca mùa thu	Nguiễn-Nho-Sa-Mạc	138	84
33	Màu áo đông phương	— id —	139	74
34	Tháng bảy — Mùa thu — Lưu lạc	Thái-Thục-Nghĩa	136	66
35	Quê hương nào	Lê-Minh-Ngọc	135	71
36	Tưởng nhớ	— id —	137	45
37	Con chim miền nước ngược	Tô-Phạm	134	81
38	Pasay	Hữu-Phương	136	88
39	Tuổi trẻ ca đi	— id —	142	74
40	Buồn Qui-Nhơn	— id —	143	79

Số thứ tự	ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số Tạp chí	Trang
41	Lời nguyện ra khơi	Hữu-Phương	144	56
42	Nỗi buồn Thượng-Du	Thư Nhất-Phương	143	77
43	Cảnh tượng Quảng-Nam	N. T. Liên-Phượng	134	79
44	Chủ nhật thứ hai	— id —	137	83
45	Mùa hạ — Tình đi muôn ngả	— id —	140	101
46	Áo lụa	Hoàng-Quy	139	67
47	Bóng Thu	— id —	143	76
48	Tuổi thơ và tình yêu	Lữ-Quỳnh	142	66
49	Bây giờ	Đynh-Hoàng-Sa	140	103
50	Sau cùng	Dương-Phủ-Sao	140	82
51	Giấc ngủ thành phố	Hà-Nguyên-Thạch	133	74
52	Còn lại	— id —	133	74
53	Hòa âm số 9	Đoàn-Thêm	133	83
54	Hòa âm số 10	— id —	134	96
55	Hòa âm số 11	— id —	135	84
56	Hòa âm số 12	— id —	137	90
57	Hòa âm số 12 bis	— id —	138	70
58	Hòa âm số 14	— id —	140	83
59	Hòa âm số 15	— id —	141	56
60	Hòa âm số 16	— id —	142	73
61	Hòa âm số 17	— id —	144	68
62	Ca sĩ	Phạm-Công-Thiện	142	88
64	Duyên sau	Nguyễn-Đức-Tiến	137	46
64	Đoản ca	Huy-Trâm	134	82
65	Về đây - Thôi biết bao giờ	— id —	138	85
66	Bâng khuâng	Hoàng-Trinh	133	74
67	Thông giêng nồng cay	Phạm-Thế-Trúc	140	102
68	Khi em mười sáu	Trần-Da-Tử	133	71
69	Hồi âm — Chân dung	— id —	139	68
70	Buổi chiều trong giáo đường	Trần-Thúc-Vũ	137	45

PASTILLES : { VANCO MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

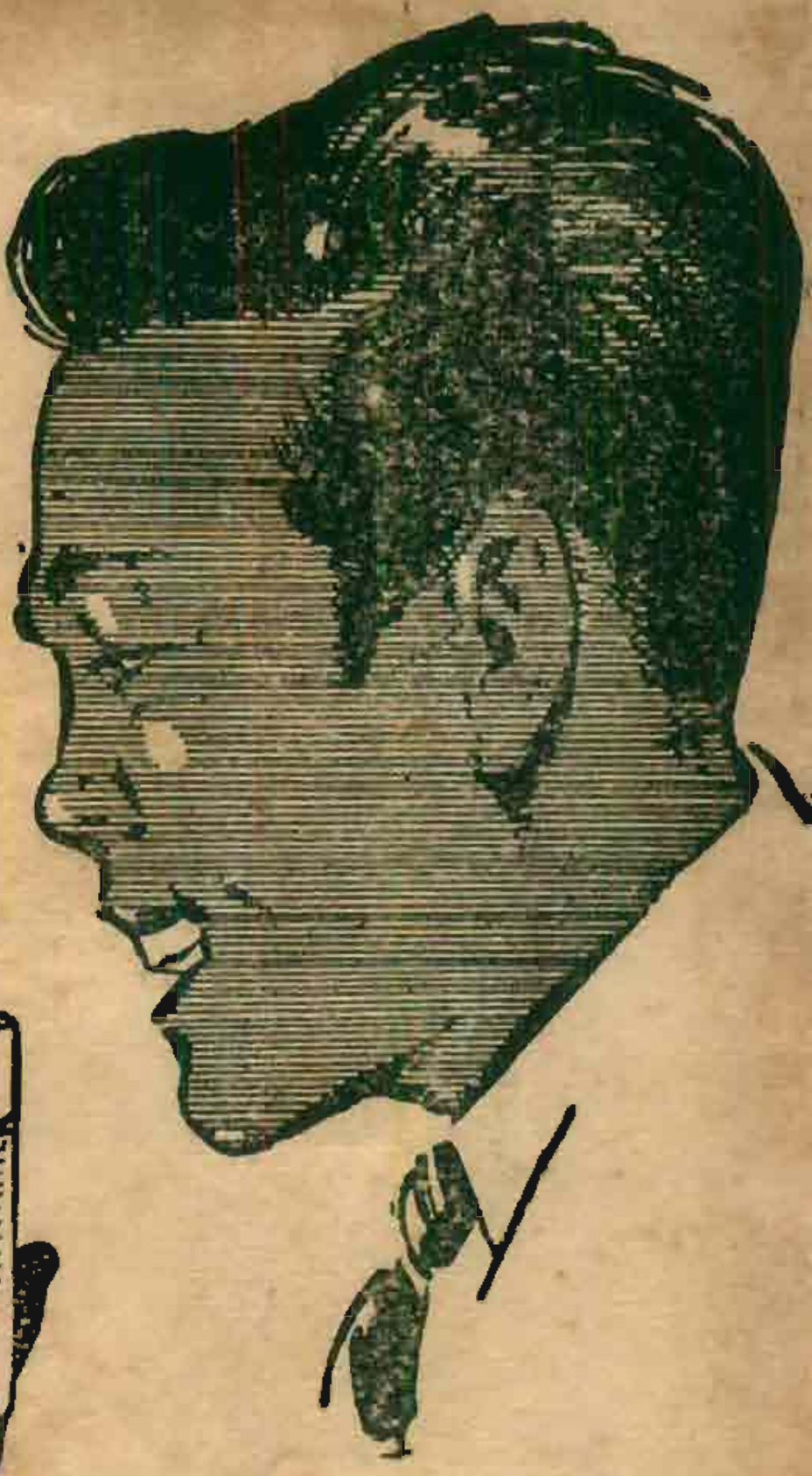

LA·VE "33"

HẢO HẠNG

Quản-nhiệm : HUỲNH-VAN-LANG

Chủ-nhiệm :

Tòa Soạn

160, Phan-Đình-Phùng — Saigon
Đt nói 25.539

In tại nhà in VĂN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10$
Công sở : 15$